nguyễn ngọc tư

KHÔNG AI QUA SÔNG

tập truyện ngắn





NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

KHÔNG AI QUA SÔNG

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN DO THƯ VIỆN KHTH TP. HCM THỰC HIỆN
General Sciences Library Cataloging–in–Publication Data

Nguyễn Ngọc Tư, 1976-
Không ai qua sông : truyện ngắn / Nguyễn Ngọc Tư. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2016.
171 tr. ; 20 cm.

Nội dung: Đất ; Không ai qua sông ; Đi thật xa mới tới nhà bạn cũ ; Vực không đáy ; …

1. Nông dân -- Việt Nam -- Tiểu thuyết. 2. Tiểu thuyết Việt Nam -- Thê kỷ 21. 3. Văn học Việt Nam -- Thê kỷ 21. I. Ts.
1. Farmers -- Vietnam -- Fiction. 2. Vietnamese fiction -- 21st century. 3. Vietnamese literature -- 21st century.

895.92234 -- ddc 23
N573-T88

nguyễn ngọc tư

KHÔNG AI QUA SÔNG

tập truyện ngắn

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Vực không đáy

Ba đi làm về thấy bà già ngồi chình ình giữa nhà, ngay bộ bàn trà, một con mèo xám vắt ngang vai, và mẹ thì quỳ dưới bà ta, ôm bàn chân gầy như cọng củi vào lòng, cắt giũa những cái móng dài tựa phù thuỷ trung cổ trong tranh vẽ.

Đó là một bà già mặt nhàu nếp gấp, màu da cũ mốc chừng như sắp thiu ôi, chỉ cặp mắt đôi khi

lóe lên một tia nhìn lơ vơ, khó tả. Nó chẳng biểu lộ ý nghĩ nào ngoài việc phát ra tín hiệu còn chút sự sống trong cái xác khô khòng. Nghe tiếng ba bỏ giày ở cửa, mẹ vẫn không quay người nhìn, nói:

- Chồng con đó má. Ảnh đẹp trai hén!

Bà già không ra vẻ phản đối hay đồng tình, chỉ giương mắt đục ra ngó rồi lại tiếp tục lim dim tận hưởng sự nuông chiều, không một chút mặc cảm. Mẹ kể sáng đi chợ về thì thấy bà già đứng dựa cửa nhà đụt mưa, nhưng nước đã tạt ướt sũng ống quần, thấy tội nên mẹ mời bà vào nhà ngồi cho đỡ lạnh. Một hồi nghe thức ăn trong bếp dậy mùi, bà già kêu, "bây à, má đói".

- Nghe thương đứt ruột.

Ba phát hiện rằng mẹ không chỉ cho má ăn, còn tắm táp, kỳ cọ, cho bà mặc quần áo của mình. Bộ đồ rách kia mẹ đem giặt, phơi trên sào, đã thôi rỏ nước. Kéo mẹ ra một góc, ba thầm thì, coi chừng dân trộm cắp bất lương. Mẹ cười, "má không làm vậy với mình đâu". Chữ 'má' làm ba không thốt nên lời.

Đêm đó mẹ nằm bên ba mà cứ bận tâm tới bà già với con mèo ngoài phòng khách. Không biết

má nằm đất có bị đau mình không. Nghĩ má lạ chỗ ngủ không yên, mẹ ôm Bi và Quới ra ngủ chiếu với bà, cả bọn rầm rì quá nửa đêm. Không biết họ nói những gì mà bà già còn hứng chí ca, "sắm được sào dài sông bỗng cạn queo/mưa dầm nắng lửa mình ên chống chèo". Giọng the thé, lẫn trong tiếng mèo phụ hoạ, nghe rợn.

Má ở lại một đêm rồi biến mất. Bộ đồ mẹ đưa má mặc đỡ cũng được xếp thẳng nếp, đặt trên ghế dựa. Không lấy đi bất cứ thứ gì, bà già còn để lại con mèo tên Chó. Mẹ buồn suốt cả tuần sau đó, cứ thắc thỏm không biết má đi đâu, đang giữa mùa mưa dầm dề. Nghe giọng bao dung như thể nếu bà già ở lại, mẹ sẽ nuôi luôn.

Khoảng thời gian ít ỏi bà già ghé qua, chẳng lưu lại gì ngoài những cọng tóc rơi trong phòng tắm, mà hôm sau khi làm công việc cọ rửa, mẹ đã dọn sạch. Sẽ giống một giấc mơ, nếu không có con mèo xám. Tính khí tự nhiên y hệt bà già, nó mạnh dạn đi lại trong nhà không một chút bỡ ngỡ, cả hành động nhảy vào nôi nằm dưới chân Bi ngủ, như quen thuộc lâu rồi. Tuyệt không thấy con vật ngó ra cửa trông chủ cũ, chừng như bụi mưa ngoài đó, mặt đường ướt nhoét làm nó ớn.

Bỗng dưng ba có cảm giác, bà già vẫn ở lởn vởn đâu đây, qua cách mẹ bồn chồn ngó mây kéo bầy, những lần đưa nhau đi chơi phố đột nhiên mẹ bảo ba dừng xe, gửi Bi lại để chạy theo một người nào đó, rồi trở lại với vẻ mặt thất vọng. Một bữa bắt gặp con Chó (thật ra là mèo) đang thè lưỡi liếm bột ăn dặm trên miệng Bi, ba nổi khùng kêu mẹ liệng con mèo (tên Chó) đi phứt cho rồi. "Đâu được, của má đó, biết đâu má lại về tìm nó", mẹ cười, xoa đầu con vật. Nghe giọng, khó biết mẹ đang nói về bà già lang thang, mà đến cái tên thật của bà ta mẹ cũng còn ngơ ngác.

Giây phút đó, ba tự hỏi, mình biết về người phụ nữ này được bao nhiêu?

Lần đầu gặp mẹ ở một cửa hàng giới thiệu sản phẩm của trung tâm nuôi dưỡng trẻ bị bỏ rơi, ba được người ta giới thiệu 'con nhỏ Ngà đã ở đây hồi ba tuổi". Ba thấy lạ, cô gái không có vẻ tội tội, rầu rầu như những đứa trẻ có cùng hoàn cảnh, mà khí chất nhẹ nhõm, bình thản đến mức – như ba hình dung – chỉ cần tháo bỏ đôi giày hơi cao gót kia ra, thứ khiến cô đi lại hơi thiếu tự nhiên, cô sẽ bay lên trời.

Sau này khi cô đến nhà ba mỗi tuần hai buổi để dọn dẹp nhà, giặt quần áo, như một công việc

làm thêm, ba nhận ra ngay cả khi đẫm mồ hôi, thì ở cô cũng chẳng toát ra vẻ gì nặng nhọc. Giữa những dây phơi bên ban công gió loạn, có lúc ba nghĩ suýt chút cô đã bay lên cùng với tấm vải trải giường, như một nhân vật trong tiểu thuyết Colombia. Trong cái nhập nhoạng của buổi chiều tà, khi cô từ giã ra về và lướt người qua cửa, có lần ba hoảng hồn nhìn xuống chân cô, xem có còn chạm đất không.

Cô gái thích ba. Tình cờ, ba biết. Những vật dụng cũ như khăn tay, bàn chải đánh răng, dao cạo râu, sau khi ba liệng vô thùng rác, đều được cô lén giữ lại, cất trong giỏ của mình, như kỷ vật. Và có lần quay lại mớ giấy tờ để quên, ba bắt gặp cô úp mặt vào hít hà cái áo đẫm mồ hôi của ông chủ trẻ. Một bữa ba uống hơi ngà say, ngó cô gái vươn người kéo khép cánh cửa sổ để mưa khỏi tạt ướt nhà, ba tưởng cô sẽ bay mất nên ôm ghì lấy. Cô ấm và ngoan như con chim sẻ trụi lông tự biết mình không có khả năng tung cánh.

Đúng bữa đó, Bi tượng hình. Nhưng không hoàn toàn chỉ vì đứa trẻ mà lễ cưới diễn ra sau đó. Ba mặc áo chú rể với tâm trạng vô cùng dễ chịu, tuyệt không chút gì miễn cưỡng.

Sau này khi nhìn lại hình cưới của mình, ba thấy có một tấm chụp chung với bên nhà gái, những dì phước. Họ tới lễ cưới chóp nhoáng vì nhà thờ có cha đang đau nặng, "mà cũng không thể bỏ tụi nhỏ ở nhà lâu". Khi nhìn vào tấm ảnh ấy, lần đầu tiên ba tự hỏi, họ có thật là dì phước không, hay chỉ là những phụ nữ bình thường, vì lý do nào đó, đã mượn những bộ y phục nọ để khoác lên người?

Ấy là khi bà già ăn mày đã đến và đi, mẹ cho Bi bú và tay kia vuốt lông con Chó, phấp phỏng nhìn mưa xiêu bên thềm. Cái ý nghĩ mẹ kéo bà già vào nhà vì lòng trắc ẩn hồn nhiên, bị thay bằng một giả thuyết vừa quyến rũ vừa đắng cay, biết đâu bà già xin ăn nọ là má ruột của mẹ. Điều đó có nghĩa ba không biết gì về người phụ nữ đêm đêm rúc dưới bụng mình.

Hồi nhớ lại bữa bà già tới, ba thấy mẹ và bà ta có vài điểm giống nhau. Thái độ nhẹ nhõm gần như phớt đời, sợi tóc hơi thô cứng (thật ra ba không chắc lắm ở điểm này, vì nếu lăn lóc ngoài đường chịu trận nắng mưa, không thường xuyên tắm gội, thì tóc người ta có thể cứng đơ như thường), cách đặt tên cho con vật chẳng giống ai.

Gọi mèo là Chó cũng hơi giống cách mẹ đặt tên Quới cho chú cá heo nhồi bông mà mẹ luôn giữ bên mình.

Quới nằm trong gia tài còm nhom mẹ mang về nhà chồng. Một con thú nhồi bông đã cũ tới mức không thể đoán được màu gốc của nó, trước khi nhem nhuốc sắc gì đó tựa cháo lòng. Hai cái vây con Quới thâm xỉn, đơ ra như vải được hồ cứng. Mẹ nói với ba, hồi nhỏ em phải mút chúng mới ngủ được, Bi của tụi mình thì không vậy, con chỉ mút tay. Trước khi được một nhà hảo tâm tặng thú ngồi bông, mẹ mút góc khăn, góc áo gối, bất thứ gì mềm và có hình tam giác. Nhớ lại, lúc nghe chuyện mẹ và Quới, ba đã hỏi lý do sao tên con cá rất người. "À, Quới là đứa bạn thân của em", mẹ nói, tiếng đuối trong hối tiếc, "bị người ta đón đi rồi'.

Lúc đó ba không gặng hỏi thêm, cũng như từng phớt lờ quá khứ của mẹ. Chẳng vui gì khi nghe kể về cuộc sống của đứa trẻ mồ côi, ba yêu mẹ không phải vì thương hại, ba nghĩ vậy. Và mẹ cũng không phải kiểu đàn bà hay rao những bất hạnh bằng lời, để thu nhặt cảm thương của người khác.

Đó là phần thời gian khuất mặt, và sau cái bữa bà già lạ hoắc ghé nhà ung dung ngồi ngay bàn ăn

dùng bữa sáng với bánh mì trứng chiên, ba muốn bới ra, ngó nghiêng cho biết. Rốt cuộc thì quá khứ của vợ mình có đơn giản như cô ta nói, trong cái lần ba bâng quơ hỏi, "hồi nhỏ chắc em sống khổ lắm?"

- Đâu có. Tụi em chỉ thiếu cha mẹ thôi, ngoài ra chẳng thiếu gì.

Mẹ trả lời tỉnh rụi, và không có dấu hiệu muốn đi vào chi tiết. Thái độ đó luôn được ba xem là bình thường, trước khi bà già bước vô nhà, mang theo một con mèo tên Chó.

Liên tục tính nhầm sổ sách, một kế toán trưởng nghiêm cẩn với từng con số như ba, cảm thấy bất an như vừa nuốt trộng cây đinh cúc vào bụng. Giờ thì không thấy đau, nhưng nó sẵn sàng đâm thủng từ bên trong bất cứ lúc nào. Ba ước gì con người ta giống những con số, rạch ròi, chỗ nào không khớp nhau cũng tìm được nguyên do. Ngờ ở đâu, sẽ tìm được đáp án ở đó. Chúng không mù mịt như câu hỏi, bà già nọ, rốt cuộc có phải là ruột thịt với mẹ không.

Những câu hỏi không thành lời khoét thành một lỗ sâu hoắm trong lòng ba, dần rộng như một cái vực nhìn không thấy đáy. Ba hay lén dõi theo mẹ,

nhiều hơn cả hồi mới cưới, đầu đầy những hình dung mà ba tự thấy là điên rồ nhưng không sao kìm giữ được, người phụ nữ hát khẽ bên trong phòng tắm với con mèo xám canh chừng ngay bên cửa, cô ta có gì đang che giấu không, có cái đuôi nào không, có vết sẹo nào mà ta chưa biết.

Chẳng có gì bảo đảm sẽ không có chuyện một bữa nào đó từ công ty về, ba thấy mẹ đang bắt chí gỡ ghẻ cho thằng bé tóc cháy vàng nào đó, và biểu thằng nhỏ, chào ba đi con. Hay, một người đàn ông lạ mặt cũng xuất hiện theo cách tương tự. Ba nghĩ vậy, trong lúc ngắm mẹ trộn nước thịt kho vô phần ăn của Chó, tức con mèo của một bà già ăn xin bỏ lại, chăm chút như nấu phần cháo cho Bi. Cô ta từ tâm đến vậy sao? Không tính toán một chút nào, với những kẻ lạ qua đường?

Bị ý nghĩ lạ xỏ mũi, ba đi xa tới mức thẳng tới tới bệnh viện, với mẫu cuống rốn của Bi, vốn được mẹ phơi khô cất giữ trong tủ áo, làm một giám định huyết thống.

Mẹ tìm thấy tờ giấy báo kết quả trong túi quần, lúc lộn ra giặt.

Trước đó, có lần mượn say, ba giằng con cá heo màu cháo lòng khỏi tay mẹ, ném đi, hỏi gằn

"Nói mau, Quới là thằng nào?" Ngay lập tức ba phát hiện ra đó là câu hỏi thừa. Giống như đọc bộ hồ sơ gốc của cô bé Nguyễn Thị Ngà ở viện trẻ bị bỏ rơi, ngó đứa bé rầu rĩ, mắt nhìn xuống trong tấm hình, ba thấy chẳng có nét nào giống vợ mình. Ba không chắc đó là mẹ hay Ngà nào khác. Chắc mẹ hiểu mình có nói gì thì cũng không được xem là sự thật, nên nín thinh nhặt Quới và ẵm Bi ra phòng khách ngủ. Con mèo kêu một tiếng dài ngao ngán rồi trễ nãi bước theo. Cùng lúc có hai ý nghĩ rượi men bia cũng lảo đảo hiện ra. Một, cô ta trốn tránh. Hai, chiếc chiếu đó còn lưu mùi của bà má nổi trôi.

Cho đến giờ, chứng kiến ba mẹ mỗi lần gặp lại đều tỏ ra dè dặt, như người này là một mảnh thuỷ tinh vỡ, nếu không cẩn thận có thể làm người kia chảy máu, Bi vẫn hay thắc mắc lý do ba mẹ bỏ nhau. Ba hẹn nay hẹn mai. Thật khó để nói với con bé mười lăm tuổi rằng rạn nứt bắt đầu từ một bà già ăn xin ghé đụt mưa trước hàng ba nhà mình, mẹ rủ vào trong ngồi cho đỡ lạnh, rồi thấy bà dơ và đói, mẹ dắt đi tắm và cho ăn. Chẳng ngại ngồi cùng mâm cơm, giữa bữa bà già

còn rầy "thịt kho chưa tới nên dai, hồi nhỏ bây nấu nướng tệ, giờ vẫn y chang".

Mãi mãi, ba vẫn không biết được lúc đó mẹ góp một lời thoại cho vở kịch tưởng tượng, hay thực sự họ đang tắm chung dòng hồi ức, khi nói:

- Được má cằn nhằn, con sướng.

Không ai qua sông

Qua cầu Mù U, đoàn tuần hành ốm o còn chừng một nửa. Thiếp không nhìn thấy con chó của mình đâu. Vừa nãy còn thấy nó nhếch chân đánh dấu lãnh thổ, bộ dạng vô cùng phè phỡn. Không biết con chó đã về nhà hay tạt chơi dọc đường sau cái vẫy đuôi của cô chó nào.

Út Lẹ đã bỏ về lúc ở bờ bên kia. Đám tuần hành đâm ra buồn tẻ, không phải vì khuyết mất giọng giòn rụm của Út Lẹ, mà vì vắng cảnh mấy đứa nhỏ con chị thò đầu ra khỏi chòm cây bên đường, kêu "má", rồi nhe ra cười, khoe những hàng răng bắp bồ cào chỗ có hạt chỗ không. Lâu lâu đứa lớn nhất chạy ra trước đoàn người, đánh vần câu ghi trên vải, xong đi thuật lại cho mấy đứa em, "má mình đang rinh chữ không nên đánh phụ nữ bằng một cành hoa". Thằng em nó, tay ngoáy cứt mũi, hỏi "vậy đánh bằng cây củi có được không ta?" Út Lẹ lượm mấy trái bàng khô chọi dạt đám con nít khỏi đoàn người, nhưng có xua thì tụi nó cũng không chịu đi, "về thể nào cũng bị ổng sai đi mua rượu, tụi con đâu có ngu". Vậy nên vài lần đoàn tuần hành dồn cục, khi bà mẹ phải xử vói ra ngoài vài vụ giành kẹo đánh nhau.

Điện thoại trong túi chị nào cứ nhấp nhổm đổ chuông, nghe nôn ruột. Một người bảo đàn bà tụi mình sao y như con Tấm, muốn ra đường phải nhặt thóc cho xong, mà giờ làm gì có Bụt. May mà qua sông, không còn người nhà chị nào chạy theo để hỏi cây dao xắt chuối giắt ở đâu, hay hết gạo thì mua chịu ở tiệm nào. Những chị bận rộn đã

tách đoàn khi đến đầu cầu, bởi nếu qua sông thì phải đi một vòng xa lắm, sợ không kịp về nấu cơm trưa. Người thay Út Lẹ rinh đầu kia của biểu ngữ là một cô bé ngập ngừng, nghe nói mới về làm dâu xứ Mù U. Thiếp dàn hàng ngang với cô, đoạn trúc treo biểu ngữ cho tựa vào vai, chật vật giữ khoảng cách cho cái băng vải không chùng xuống. Cố nhớ về hồi mười bảy tuổi, mình có giống cô dâu mới kia, ăn nhỏ nhẻ, đi nhỏ nhẻ. Chưa đầy chục năm mà, sao ngoảnh lại thấy xa.

Ra khỏi dãy chợ mé sông, gió bỏ ngọn thổi tạt mấy biểu ngữ làm đoàn người chao lắc. Cô dâu mới bên kia bậm môi như đang giữ một con diều giấy giụa đòi bay. Thấp đậm như Thiếp còn bị gió xô trật bước xuống lề. Hai chị em rủ nhau cuốn băng ngắn lại, đi cho dễ. Trên đó giờ chắc chỉ còn mấy chữ "nên đánh phụ nữ", người bên đường không biết, tưởng cuộc đi bộ này xúi giục bạo hành.

Cái máy hát trong tay một chị bên Hội phụ nữ phát thêm lần nữa bài chim kêu chim kêu. Lần thứ ba Thiếp tự hỏi cô gái trong bài ca này sao có thể yêu quả pháo như đứa trẻ. Không biết có mấy loại pháo, thứ mà cô gái kia suốt đêm ngày bồng bế có văng ra thứ miểng bén ngót đã găm nhừ cổ

bà ngoại Thiếp, hồi chiến. Cậu út lúc ấy vẫn bò quanh, tỉnh bơ bới tìm vú mẹ. Cảnh đó sau này đều được kể lại mỗi khi đám giỗ ngoại, không còn mang tính đau đớn, mà giễu cợt từ hồi nhỏ cậu út đã ham ăn, nên giờ đuổi giạt mấy bà chị để giành miếng đất.

Nghĩ lan man, Thiếp đạp gót người đi trước làm chiếc dép sút quai, đoàn đi lại dồn đống chờ chị nọ lấy dây thun buộc lại.

Tựa như sợi dây vô hình xỏ xâu đám người, tiếng nhạc kéo đoàn tuần hành đi qua doi Me Đất, gặp Trầm đang vác cần câu ễnh bụng đi ngược chiều. Nó đang chửa đứa thứ hai, và lại không cha như thằng con trai bốn tuổi đang lủn tủn đi bên chân mẹ, tay cầm xâu cá lóc nhỏ bằng chân cái. Trầm lạch bạch nhường đường, tay bưng rổ rau cóc, miệng cười toét, khen đoàn tuần hành vui y như đi coi hát. Thiếp cười, cười thật chứ không ngọt lạt như mấy chị sau lưng, "vui thì đi chung". Bà chửa xua xua tay, chỉ vào bụng "con nhỏ đói rồi".

Cái bóng Trầm lùi xa, để lại một vệt dài xì xào. Người Mù U tưởng trề môi đã đời hồi Trầm sinh đứa đầu và tiếp tục cấn bầu đứa thứ hai, giờ lại

không nhịn nổi, "con nhỏ có gì hay mà cứ hất mặt lên". Như thể Trầm có sinh chục đứa con hoang nữa cũng chẳng sao, nhưng đi đường phải cúi gằm, cấm vừa đi vừa ca cùng con nít, mắt mũi tươi giòn làm bọn đàn bà khác hoang mang. Đã lần nào mình có được vẻ mặt như con Trầm khi nãy chưa, Thiếp cố nhớ, nghe dậy chút tỵ hiềm không cơn cớ.

Không biết có phải vì con Trầm, mà những câu chuyện đàn bà không đầu không cuối mòn dần. Cũng có thể do mỏi chân, và nắng trưa làm cho kiệt sức, nên đoàn tuần hành mất hết hứng thú, đi như trôi về đúng chỗ lúc sáng nó nhóm lên, ngay trước một ngôi nhà thấp tối. Con Mực đang chờ Thiếp ở đó, bình thản đứng coi đám trẻ chọi lon. Cũng chỗ ấy, nửa tháng trước có người đàn bà bị chồng dùng đũa than nóng xiên qua mắt phải. Mà người Mù U và cả anh chồng cũng không hiểu sao chị ta không chịu chạy ra như mọi khi, anh rượt đánh chị hoài chớ gì.

Cuộc đi bộ tháng Ba này là vì một người vừa xuất viện, và cũng cho bao đàn bà khác trên cái đất Mù U này. Hội phụ nữ đi thuyết phục từng nhà, rốt cuộc chỉ gom được chừng năm chục chị.

Một thím ngồi chơi tứ sắc không thèm ngẩng lên, nói "mắc cười, bộ biểu tình thì không bị đánh nữa sao?"

Câu hỏi đó cứ văng vào cuộc tuần hành, ở cái động tác nheo mắt nhả khói cười của mấy ông nhậu bên đường, của những cô gái hé cửa sổ ra dòm rồi hững hờ khép cửa, ở vài chị đàn bà lặn ngụp dưới mé sông nhổ bông súng ma, nhìn đám người đi qua như một đám rước linh thiêng chẳng liên quan đến mình.

Thiếp bước vào đoàn tuần hành chỉ vì muốn nghe lóm tên mấy lá thuốc trị ho cho trẻ nít mà mấy chị bảo nhau lúc đi ngang qua. Lội bộ được đỗi đường, một chị dúi biểu ngữ vô tay Thiếp, hớt hãi nói chết cha, quên tắt bếp nồi cơm ở nhà. Vậy là Thiếp đi hết một vòng, chẳng nghe ngóng thêm được bài thuốc nào nữa.

Tan về lúc trời quá trưa, nhưng chuyển mưa nên nắng úa. Con Mực lững thững đi đằng sau, rồi lại chạy vọt lên khi thấy bị bỏ xa. Gần đến tiệm thuốc Bắc bên kia đường, Thiếp đứng núp sau cột đèn nhìn đứa con gái đang được bà nội nó gội đầu ở vòi nước đầu nhà.

Chị sinh đứa bé này bảy năm trước, lúc nó hai tuổi rưỡi chị trốn đi theo anh lơ xe, không đem theo món gì, hay chút chữ nào để lại. Chồng Thiếp và đàn ông xóm chợ lặn sông mò gần chết, tưởng chị đuối nước xác đang nằm đâu đó dưới dãy nhà sàn. Năm ngoái, chị quay lại và đứa nhỏ nhìn chị hỏi dì lạ hoắc là ai sao lại vuốt tóc con. Chị không thể xưng mình là mẹ nó.

Nhưng chị đang ở lại Mù U, và sẵn sàng làm bất cứ gì, để được nói với con gái mình, mẹ đây!

Nút áo

Năm Tím mười lăm, một buổi tối người ta tìm thấy nó dưới chân cầu Tân Thạch. Rách mướp, nhưng tay nó nắm chặt tới mức người ta chỉ có thể mở ra từng ngón một. Giữa lòng tay xanh lạnh, là một cái nút áo.

Tròn, màu trắng đục gợn nâu, vật chứng duy nhất Tím tóm được của kẻ thủ ác đã chuyền qua

tay từng người trong xóm, với hy vọng ai đó từng nhìn thấy nó hoặc anh em nó. Cái nút có thể bị bứt ra từ áo trắng học trò, áo xám của anh đò dọc, áo kẻ của ông thầy giáo, áo chim cò của mấy thằng người hay ôm gà nòi đi cáp độ.

Nhưng chỉ có vậy, của bất cứ ai, bằng nhựa, lợn cợn trắng nâu, chỗ đính chỉ vô áo bị gãy, cái nút không kể gì thêm. Người có thể kể thì lơ tơ mơ mỗi chuyện mình bị bịt miệng từ phía sau bởi một cánh tay cứng đanh, sau đó ngất luôn không biết chi trời đất.

Thiêm thiếp trên chiếc giường trạm xá, đôi lần tỉnh dậy Tím lại dập đầu vào tường, người ta phải nhồi thêm thuốc ngủ cho nó lịm đi. Ai tới thăm, mẹ Tím cũng nói mỗi câu "thiệt là quân ác nhơn, không lấy gì đắp cho con nhỏ", như thể chuyện con gái bà phơi lạnh quan trọng hơn hết thảy chuyện khác.

- Khóc chừng nửa năm thì tôi nín. Anh cũng biết đó, nước mắt đâu mà khóc hoài.

Làm ra vẻ thản nhiên, Tím kết câu chuyện của mình, để giải thích cho anh con trai kia hiểu sao qua tuổi ba mươi mà nó chưa chồng, sao cổ nó đeo sợi dây chuyền bạc xỏ qua một cái nút áo.

Cuộc coi mắt sẽ kết thúc ở đó, nhưng có khi kết thúc ngay lúc người con trai ghé cái quán đầu xóm để hỏi nhà Sáu Tím. Phải Tím Nút Áo thì qua đồi kia là tới. Vụ nút áo là sao hả? Vầy, hồi con nhỏ mười lăm tuổi...

Chắc phải bỏ xứ đi con Tím mới mong kiếm được tấm chồng, bà mẹ hay rên vậy. Nhưng nó phải ở lại, hy vọng tìm được kẻ hại mình. *Hắn* phải là người trong xóm mới thuộc lòng những chiều thứ sáu, Tím về nghỉ cuối tuần, xe lam chạy từ chợ về tới đầu xóm thì đã nhập nhoạng. Phải là người trong xóm mới đánh ngất nó để khỏi bị nhận mặt. Trong tay chỉ có cái nút áo câm, không đủ làm ra công lý của người, nhưng Tím tin luật trời, thằng bất lương đó phải có khi lơ là mặc lại cái áo có hàng nút tật nguyền, hoặc sẽ biến sắc khi nhìn thấy dấu vết tội lỗi lủng lẳng trên cổ Tím.

Suốt nửa năm dành cho việc khóc, Tím trốn ở trong nhà, thế giới của nó chỉ từ cửa giữa ra sau bếp. Nếu không phải nấu cơm giặt giũ nó sẽ săm soi nút áo, như nuốt trộng bằng mắt, ghi khắc, đóng đinh nó vào lòng mình.

Bữa nọ Tím hỉ mũi cái rột, lấy cùi tay lau nước mắt, nói với chị dâu, mai đi coi cúng đình.

Tím bắt đầu lảng vảng những chỗ đông người. Hay đi bộ ngoài đường, gặp người đàn ông nào cũng nhìn chăm chú. Chẳng quan tâm mặt mũi vuông hay tròn, chân ngắn hay cong, chỉ nghĩ coi mặt họ có biến sắc không, áo có đứt nút không. Kẻ bất lương đang núp sau mặt nạ của anh Bảy dượng Ba, những người đàn ông sớm xỉn chiều say, hay chính ông ấp trưởng có ánh nhìn lén lút, không chừng. Tím tin mình sẽ nhận ra *hắn* bằng thứ linh cảm được chuốt nhọn trong từng ấy tháng ngày. Mùi mồ hôi tay, hơi thở dày như tát lửa vào gáy nó, và tiếng tim *hắn* hộc lên trong ngực. Chắc chắn tui sẽ bắt được quân bất nhân đó, Tím nói.

Mẹ Tím tự dưng lo, "coi chừng gánh nút áo còng lưng". Quãng đó bên sông có anh thợ máy nhờ mối mai qua hỏi cưới. Tím cũng hơi xiêu lòng, nghĩ hôm cưới sẽ mời đông, biết đâu oan gia của mình cũng tới. Bữa Thợ Máy xách cặp vịt qua nhà xuống mối, nhìn thấy nút áo trên cổ Tím, anh chết giấc. Anh bảo từ đẻ ra đã sợ nút áo rồi, nên mặc toàn áo thun tròng cổ, cũng không biết sao lại sợ, chắc kiếp trước bị một vốc nút chèn ngang họng chết oan. Cứ thấy nút áo Thợ Máy sẽ không thở nổi, mà Tím thì lúc nào cũng treo tòng teng trước ngực, chung đụng sao giờ.

Chỉ cần gói cái nút giấu đáy tủ hay quăng phứt ra vườn, là tháng Giêng sang năm có pháo rước dâu, bà mẹ thở dài. Sáu Tím đóng cửa buồng nói vọng ra, "vậy khác gì bỏ qua cho *nó*". Chủ nhân của nút áo giờ biết đâu đang nằm tréo nguẩy cho vợ nhổ tóc bạc, hay thảnh thơi lắc võng ca vọng cổ, biết đâu ngồi coi đá cá lia thia. Hình dung đó làm Tím thấy mình bốc khói. Phải có ai đó trả giá cho cái cảm giác quặn ruột, buồn ói mỗi khi bước qua cầu Tân Thạch, cho những ánh mắt thương hại dính vào người, cho tuổi hai mươi héo rượi.

- Tôi mà đi theo anh rồi thì thằng vô lương sẽ thảnh thơi đã đời, vậy đâu được.

Sau câu nói đó, thêm một người đàn ông ra về khi vừa mới ngồi ấm chỗ bàn trà nhà Tím. Anh này không ghê nút áo, chỉ ở hơi xa. Tím không ngại lấy chồng cách nhà mười ba cây số, cảnh lạ người lạ, bụng này áp bụng kia sẽ làm mối thù mòn mỏi. Nút áo còn thì Tím còn nhớ mình từng tơ tướp bên cỏ chân cầu. Nhưng cái sự vắng mặt của Tím sẽ làm *hắn* thoát nơm nớp ám ảnh, vậy thì ông trời làm gì có mắt.

Sáu Tím chọn làm gai xóc vào mắt vào tim kẻ còn núp trong bóng tối, không làm đàn bà nữa.

Một bữa đợi con gái ngủ trưa, bà mẹ lén cắt sợi dây chuyền, quăng cả dây và nút áo xuống ao bông súng. Ai ngờ chỉ chút xíu vầy mà nặng trịch, bà nghĩ vậy khi nhìn những vòng sóng dần lặng, nước khỏa dấu vết của cái nút áo vừa chìm xuống. “Bỏ đi. Sống đi. Sống như thiên hạ vậy”, bà trệu trạo bảo khi Tím dậy quờ quạng cái cổ trống không.

“Họ đâu có nằm phơi bụng dưới chân cầu”, Tím cãi, thủng thẳng ra ngoài ao bông súng không phải để nhìn bông súng. Bà mẹ mướn người bơm đất lấp ao, cảm thấy hành động ấy quá chừng vô vọng. Tím vẫn ngó thấy bên dưới cỏ, dưới rễ cây mít, dưới từng lớp đất nâu nhão nhoét, có cái nút áo.

Tròn, bằng nhựa cứng, trắng gợn nâu.

Nhổ quán

Mười tới lúc gần sáng, như thể đã thức cả đêm chờ. Chị kêu phiền vì tôi đã để chị nấn gối tối qua. “Nói Mười già cũng chịu, nhưng sức yếu thì sao nhổ quán theo Cao Bồi”. Tôi nghĩ mình thuận theo tự nhiên thôi, đi mãi cũng phải dừng, mòn mỏi. Chuyện Mười với Cao Bồi cũng nên tới hồi kết.

Một mùa gió nào đó tôi để họ ở Bảy Căn. Quán cơm của Mười chỉ có hai gốc cột cặm còng queo đằng trước, mái nhà đổ dốc gác hờ lên cái vách ta luy của cây cầu bắc qua sông. Cái rèm cửa phía tây ngậm một bụng gió, phập phồng như đang đợi. Ba tháng ở đó đúng mùa nước rong. Cứ sáng ra, sông Cái Lớn dâng tràn nền thị trấn. Những đám rước dâu xắn quần bì bõm. Bỏ chân ra khỏi giày, ăn chưa xong bữa cơm giày đã trôi cùng bầy cá lìm kìm.

Mùa mưa cù lao Mỹ Khánh, người đàn ông của Mười u uất vì thiếu mặt trời. Ghé quán Mười bên hông chợ, Cao Bồi khẩy khẩy mấy hột cơm rồi ngó mưa thở hắt. Cái mũi cao đổ bóng lên một bên mắt tối thẫm, bên còn lại không tia nào không cô quạnh. Cao Bồi kêu trông nắng để phơi cái phổi đầy hơi nước mà không thấy đâu. Mười cười, "chỉ cần ới một tiếng, mình chạy lại hà hơi là phổi khô ngay". "Đàn bà gì mà trơ trẽn", Cao Bồi chì chiết xong, phủi đít ra về.

Cuối năm họ ở Đồng Rừng. Thị trấn cao nguyên bụi đất đỏ như máu. Mưa qua, nhìn nước chảy ròng rã bên lề đường, Mười hình dung nước ấy rất tanh. Quán thuê rẻ, vì chủ nhà thấy bán buôn

ế ẩm. Nhưng đắt sao được khi Mười bất cần khách, nhất là họ tới trùng với buổi cơm của Cao Bồi. Tối chong cái đèn dây tóc đỏ lừ chờ ông tới, vài người khách lỡ đường tưởng Mười chờ họ. Một phút sau khi đặt chân vào quán, ngó thái độ bực bội của bà chủ quán thì những mơ tưởng tiêu tan. Uể oải lết dép đi, Mười ngán ngẩm nói, chỉ còn cơm cháy thôi. Thậm chí chị còn không kéo ghế cho khách ngồi.

Miễn no bụng là được, cơm nấu lò củi thì cháy hết sảy, hồi nhỏ ăn cháy rưới nước mắm cũng ngon. Những người khách đói meo giả lả, nhưng hơi tức, quán thấy khách không chút xúc động. Hớt mớ cơm trắng xốp phía trên qua một bên, Mười vừa cạo cháy vừa trở trứng chiên trên bếp. Đám thực khách không được đón chào bẽ bàng nhận ra nồi canh khổ qua còn bốc khói với mấy con cá trê nướng vàng dầm nước mắm gừng đang bày ở kia không dành cho họ. Cái bàn ăn lịch sự duy nhất trong quán cũng không, chỗ ăn của họ là bên bàn máy may cạnh bếp.

Và khi Cao Bồi thõng tay bước vô, ngồi chễm chệ ở cái bàn nhiều gió và ánh sáng nhất, họ nhận ra ngọn đèn ngoài kia cũng không phải đỏ tóc

chờ mình. Những gì ấm áp, thơm tho nhất trong quán thuộc về người đàn ông ấy. Ý thức được điều này rõ như hai cộng hai, Cao Bồi không thèm nhìn họ, cũng chẳng ngó Mười đang cười toe, chỉ lơ đãng ngó những ngón tay mình xòe ra đổ bóng dưới ánh đèn. Đôi bàn tay thuôn muốt chưa từng chịu dầm trong nước, chưa từng chịu một vết xước nào, chưa từng mang vác nặng.

- Cả chợ chỉ có mấy trái khổ qua chưa mở mắt. Hơi đắng.

Ái ngại cái vị đắng không phải tại mình, Mười lượn lách trong cái quán lá chật chội, người đàn bà như dòng suối chảy tuôn. Dáng không cao, ngày càng đẫy đà, nhưng cơ thể sinh động đến nỗi những sợi tóc bạc trên đường rẽ ngôi, những đốm đồi mồi trổ trên mặt cũng phát sáng.

Mười không thích tôi để chị tự sáng. Lung linh kia được phản chiếu từ ánh sáng của Cao Bồi. Người mà khi vừa xuất hiện, Mười cũng lập tức không còn là bà già trễ nãi. Bắc cái ghế cách mâm cơm chừng một thước, ngồi tém tẻ nhìn Cao Bồi ăn, hết bữa này sang bữa khác, Mười láp giáp ba điều bốn chuyện như thể cho bốn vách vui. Gần sáng mơ cũng sợ, thấy răng rụng từng cái một, trống trơ.

Mớ gừng mật ong tối qua đưa cho có chịu ngậm không đó, trời trở gió lại ho thì khổ. Không tự lo được cái thân mà người ta lo lại không thèm.

Cao Bồi im lặng lùa cơm, hơi nóng bả lả trên mặt. Bộ điệu bình thản, dửng dưng với cuộc đời chảy xiết đó, tuồng như bão có đi ngang đây cũng tránh chỗ ông, nếu nó không làm vậy thì Mười sẽ bẻ cong cho nó tránh. Bóng tối ngân ngấn ngoài thềm thấp, quán chỉ có tiếng đũa khua và một bài hát nửa chừng vẳng đưa sang.

Tôi cố ý viết cảnh này lặp đi lặp lại, trong những cái quán Mười từng lưu lại để bán cơm, kể từ khi Cao Bồi lánh khỏi gia đình, bắt đầu sống-một-mình trong cái xưởng vẽ. Nhưng không một lần nào nghe Mười kêu chán.

Ngay khi tôi chưa kịp đặt tên, chưa chuẩn bị một tiểu sử đầy đủ, chị đã lót tót đi theo tình. Xuống máy bay, chị bước thẳng vào cái quán đầu tiên mà tôi dựng sẵn. Quán cơm tử tế nhất, xoong nồi tươm tất, bàn ăn trải khăn, chỉ cách xưởng vẽ Cao Bồi một vài căn, để ông khỏi sang đường giữa dòng người xe xéo xắt.

Nhưng cuộc sống tự do mà Cao Bồi tách bầy gầy dựng chỉ được nửa chừng. Mấy đứa con

không buông được. Giận chồng, con gái xách gói qua ở ké. Cuối tuần cả bọn kéo tới nấu nướng tiệc tùng, chưa kể điện thoại nheo nhéo suốt ngày ba ăn gì chưa, bỏ quần áo vô máy giặt thì nhấn nút màu xanh, trời sắp mưa coi chừng cửa sổ mở tạt ướt giường.

Một tối Cao Bồi nói mai dời đi cồn Thúc Thắc, ở đó chắc được một mình. Mười kêu trời đất ơi, sao rinh cái quán đi được đây. Ông khủng khỉnh bảo “ai cần theo đâu”. Cái kiểu đàn ông này không bao giờ nói cần ai, nhưng vô tình để cho Mười bắt gặp những hộp cơm còng quéo, mớ mì tôm rơi vãi khi ông gặm chúng mà không thèm nấu, hay mớ quần áo dồn đống đầu giường đợi đem phơi mưa cho sạch. Và khi nhìn thấy cái nồi cháy, Mười nghe từ khét đen tiếng kêu thất thanh của người đàn ông không thể sống một mình.

Mười nhổ quán. “Nhiều khi nhẩm đếm chục lần đổi chỗ, thấy thiệt là ly kỳ”, chị thầm thì với tôi những khi gần sáng. Mười chỉ kêu phiền khi một vài chữ nào đó, tôi bóng gió rằng chị mỏi mòn. Đâu có.

Nhổ quán này cặm chỗ khác hóa ra cũng đơn giản, chỉ là trả nhà và tìm một cái nhà khác để

dọn vô. Hành lý mang theo vừa đầy túi xách. Một bộ đồ ăn bằng sứ trắng. Mấy bộ quần áo. Mùng mền gói giấc ngủ cho ngon. Nồi niêu gọn đeo, vừa đủ nấu cho hai người. Không còn ai đủ sức biến nơi chốn Cao Bồi ở thành chỗ nghỉ dưỡng cuối tuần.

Thằng con Cao Bồi đôi khi nhớ ông già, nhằm lúc ông tắt điện thoại từ bỏ thế giới. Cuộc gọi sang chỗ Mười, thằng con chỉ muốn biết đang ở đâu, ông già vẫn khỏe. Nó không biết xưng hô sao với người đàn bà bán cơm cho ông già, kể từ khi ông bỏ trốn khỏi bầy. Nửa đêm về, nó hỏi vợ hay gì chưa, ông già đang ở miệt Thứ, chỗ đó quơ tay được nắm muỗi. Vợ nó khoanh một chấm nhỏ trên bản đồ đã rằn ri vết mực, tự hỏi cái máu mê trôi nổi có di truyền không, và bao lâu nữa chồng mình lại lên đường, ai trong số những người tình của chồng sẽ đi theo bán quán.

Câu hỏi của cô con dâu cũng làm tôi đau đầu. Những câu chuyện như vầy viết chừng nào mới hết. Những người đàn bà không thèm tự sáng, coi người họ yêu là bầu trời, không khí. Ngay cả cái truyện này, Mười cũng cự nự khi thấy dấu hiệu tôi muốn dừng.

Cả những lúc không biết sắp tới đi đâu. Chỉ thấy nơi chốn hiện tại đã đủ lâu, nhen nhóm chút cảm tình với chỗ trọ thuê theo tháng. Người thị trấn quen mặt một gã trung niên tới bữa thọc tay vô túi quần lững thững đi ăn cơm quán, thuộc nết bà chủ quán chỉ chăm chút cho mỗi một khách quen. Đầu đường cuối chợ ai cũng nghi hai người là bồ bịch, dù họ thuê riêng hai nhà, ăn cơm trả tiền sòng phẳng.

Buồn chán, Cao Bồi đụng gì cũng chê. Mồng tơi nhớt, rau dền nhám, măng ăn đau mình, cá tanh. Hông Mười dày mỡ đã lâu, giờ ông lấy gang tay ướm đo, lắc đầu ra vẻ coi khinh lắm. "Thất thường chất chồng theo tuổi, ai chịu nổi?", Mười cười trong lúc cố nhớ tên một cái chợ ngã ba sông mình đã từng qua lúc theo ngoại trên chiếc ghe thương hồ. Những tháng chín như vầy bông tràm nhuộm vàng mặt sông, trôi trên bóng những bông lau sắp chín. Cá Chay bơi ngửa bụng, theo ăn bông ken chặt mặt nước, đến nỗi có lúc ghe không chèo qua được. Vãi một chài không kéo lên nổi. Thả một đứa trẻ xuống nước, bầy cá đưa nó qua sông mà không chìm. Người ta vớt cá làm mắm, lúc giở mắm chỉ đượm mùi bông. Ở đó có cây Sầu Chung

năm trăm năm tuổi, nắng cong lại mưa thở dài, lúc bị khoét phần gốc để làm đường cây khóc bảy ngày bảy đêm.

Coi bộ đã đủ ly kỳ, thứ mà Cao Bồi ưa, Mười gợi ý "mai trả nhà, đi tới đó cho biết". Bụng tiếc gì đâu. Phải ông nói câu ấy Mười sẽ giả bộ giãy, "trời, lại nữa rồi, lần nào cũng vậy, phải nói trước mấy ngày để người ta còn nhổ quán xách theo".

- Ai kêu theo đâu.

- Không theo nấu cơm thì sống bằng mì tôm với trứng luộc. Nhắm chịu nổi không đó?

- Dư sức. Tôi bỏ nhà để sống một mình mà.

"Biết rồi", Mười nói, mắt nguýt suýt rách đuôi. "Biết rồi", là những gì Mười muốn trả lời, nếu phút cuối đời Cao Bồi bỗng nói một lời dịu dàng nào đó. Mỗi lần tạt qua chỗ Cao Bồi ở, nghiêng ngó cái ổ coi có cần dọn dẹp gì không, Mười hay bị cằn nhằn, "Lúc nào cũng để lại mùi mồ hôi, khói bếp. Biết khó chịu với con người mà, sao lảng vảng hoài". Ông tránh không nhắc tới mùi nước mắt đã quéo lại trên tay áo, mùi của tuổi già những váng da khô chờn vờn vẽ lên không khí gương mặt của chia lìa. Chúng làm ông hẵng đi trong ngực, nhắc nhớ một món nợ thanh tân mà

Mười đã vay khi bỏ đi. Ba mươi năm trước, cái thơm ngọt của khóe miệng, dái tai, tóc mai Mười giày vò ông. Giờ người đàn bà ấy lại tiếp tục gieo rắc mùi vị của phai tàn. Cao Bồi hơi tức mình, đã vậy mai mình lại dời đi.

Tôi còn biết phải làm gì. Nhân vật nữ chính của tôi chỉ cười tỉnh rụi bảo, "Biết rồi. Thì dọn, có sao đâu".

Chỉ gió trả lời câu hỏi

Chớp lại lóe lên, chân trời phía tây thêm một lần rách. Dưới chùm chớp hằn học, Tây nghĩ, thêm mưa nữa là mình đủ bộ thê lương.

Nó đang ngồi bó gối trên một cái gờ che cửa sổ ở tầng bốn một chung cư cũ, nơi gần trời hơn đất. Ít nhất ngó trời không chóng mặt, như nhìn xuống một khoảng sân sau chằng chịt dây phơi.

Đỡ lấy Tây là tấm bê tông đâm ra khỏi vách, rộng chừng ba tấc, chiều dài hơn nửa thước, người thiết kế ra chi tiết này chắc không ngờ, ngoài tác dụng che nắng xiên mưa tạt vào cửa, còn có thể giấu nhân tình.

Chị Hằng đã tống Tây lên đây qua đường cửa sổ, lúc nó vẫn chưa kịp mặc gì, "Ở yên trên đó". Chị hốt gọn mớ quần áo vãi trên sàn nhà ấn vào tay nó, rồi đóng sập đôi cánh cửa. Tiếng xe anh Hùm đã tắt, cầu thang vang tiếng huýt sáo. Nghĩa là chỉ còn không đầy một phút nữa, chị Hằng phải xong việc vuốt phẳng vải trải giường, chỉnh trang phục, buộc tóc, rửa mặt bằng nước lạnh cho má bớt hồng, mắt dịu lửa. Âm thanh chùm chìa khóa quay trên ngón tay anh Hùm mỗi lúc một khoa trương. Lẫn trong những chiếc chìa khóa đủ hình dạng, là con dao bấm. "Lạnh lắm, toàn sát khí", một lần chị Hằng kể, và cười. Đôi hàng răng ngắn làm nụ cười hơi ma mãnh.

Có vẻ như chẳng ai dọa được chị, chẳng gì khiến chị bớt ung dung, kể cả anh chồng giang hồ khét tiếng cai quản khu vực cảng cá và bến tàu, người vẫn thường phì phèo điếu thuốc trong lúc chém thiên hạ và (đôi khi) bị thiên hạ chém. Dân thị xã

vẫn dạt vào lề đường mỗi khi nghe tiếng xe phân khối lớn rùn rùn, điều khiển bởi một anh sọc rằn từ đầu tới đuôi, cổ đeo nanh hổ, trên người khảm khắc đầy sẹo vết. “Ờ, coi bặm trợn vậy, nhưng giữa hai ngón cái không bằng trái ớt”, chị Hằng nói, hơi thở gây mê gáy thằng nhỏ xe ôm.

Lúc đó Tây chưa thân với cái bớt son trên sườn trái người đàn bà sống nhiều hơn nó mười bảy năm, chưa biết da chị có thể hắt sáng cả khi đèn trong phòng tắt ngóm. Nhưng Tây cảm nhận được một cơ thể mát rượi từ mảng mỡ bụng chị luôn sà xuống, chòng chành cuối lưng nó. Gợi trong đầu thằng con trai thứ chất lỏng trong suốt, hơi sóng sánh, có thể khỏa ngập lên nó, giấu lấp nó, nếu chìm vào. Nên Tây thích chị khách quen, không hoàn toàn vì chị hay cho thêm tiền xe.

Chẳng phải lúc nào chị Hằng cũng kêu Tây chở một vòng thu tiền góp, dù ưng nó nhất, khen nó ra dáng đàn ông nhất, “phát thèm”. Chị đi với nhiều xe ôm khác, anh Hùm khỏi ngờ vực lôi thôi. Nhưng chỉ Tây là được chị rủ lên nhà uống nước, xem thử cái giường có kêu không.

Rùng mình trên người chị Hằng một lần, Tây không cách nào từ chối lên nhà chị thử giường vài

bận nữa, để thả lỏng mình vào thân thể bao dung. Thời khắc quên trời đất, rất đáng giá. "Cùng lắm là chết chó gì", nó bảo vậy, khi chị hỏi có sợ anh Hùm không. Nhưng đến khi tiếng xe anh rung cả chung cư, Tây đứng đờ ra, nghĩ về cái cửa sau không bao giờ có. Chị Hằng, thuần thục như mọi khi, túm Tây nhét qua cửa sổ, bảo tránh ra ngoài ấy.

Khi những mạch đập đã dịu cơn sôi, nhớ lại diễn biến vụ kẹt ở lưng chừng, trong Tây có chút tức giận, với thằng Tây hèn nhát. Bị đâm vài dao thì có sao, mình đáng vậy. Có thế nào thì cũng giống những chuyện Tây đã từng gặp phải như đụng xe, té giàn giáo, gãy ngón tay, và nó chưa từng nghĩ ông trời bất công với mình.

Nhưng chị Hằng, người đàn bà vừa mới đây đã kịp rúc rích với chồng, giọng không chút gượng, cũng làm Tây tổn thương chút đỉnh. Nó thấy mình như mảnh rác, bị dọn dẹp bởi một tay chuyên nghiệp, chớp mắt đã bị đổ đi. Cái gờ che cửa sổ này, rốt cuộc có bao nhiêu người lấy làm chỗ trốn? Tây săm soi, thấy mảng vách chỗ nó tựa lưng vào không chút rêu.

Đổi thế ngồi, hòng cứu vãn đôi chân tê rần sắp mất cảm giác, Tây hơi thất vọng, thân hình dài

thượt của nó xếp kiểu gì cũng thừa ra. Nghĩ, bối cảnh này chắc không diễn viên nào ưa, nhân vật bó mình chết trân giữa trời, không thoại, không trai gái. Thứ chuyển động duy nhất là nước đái nó thải ra, vừa chảy vừa bốc khói trên tường. Dĩ nhiên thòng chân đòng đưa thì quá sướng, nhưng sao biết được chồng chị Hằng có bất thần tung cửa sổ và tóm lấy nó không. Vách mỏng, cửa gỗ không ngăn được những tiếng động sỗ sàng, đôi lúc Tây hết hồn tưởng đâu mình bị phát hiện.

Đường ống nước ở ngoài tay với, anh Hùm chẳng tỏ vẻ gì sắp ra khỏi nhà, gờ che cửa sổ của tầng bốn lại xa và quá nhỏ để đỡ lấy nó nếu nhảy xuống. Tình cảnh không thể tệ hơn, cái quần ka ki rách lai của Tây, trong lúc quýnh lên nó đã làm rơi, vắt lên sợi cáp truyền hình.

Nghĩa là hết phương về.

Mọi thứ đang chống lại Tây, kể cả con nhỏ thừa nhiễm sắc thể đang chơi ở sân chung một dãy nhà cho mướn trọ, ngay bên dưới. Cái chổi lông gà trong tay, con nhỏ đang múa kiếm, đâm kẻ thù tưởng tượng hết sức dứt khoát, vẻ mặt nghiêm túc hứa hẹn nó sẽ hét ra trò nếu tình cờ ngó thấy Tây ngồi trên gờ cửa sổ, không mặc quần.

Rồi con nhỏ bỗng dưng biến mất, sự vắng vẻ của mảnh sân bên dưới cứ đầy lên, dâng ngợp chỗ Tây ngồi. Giữa hai đùi gió lùa rười rượi, có chút xấu hổ khi nhìn thấy nửa dưới cơ thể mình phơi sáng. Không hiểu bởi cái quần đang phơ phất dưới kia, hay do những tiếng động ấm cúng lẫn vào tiếng cười chị Hằng lùa qua vách, mà Tây cảm giác, nó bị bỏ rơi.

Cảm giác giống hệt như khi Tây nhìn người ta khép chặt mẹ trong bốn tấm ván, đem vùi xuống đất. Lúc đó Tây mười bốn tuổi, cảm thấy không ổn chút nào, những lần vô thức hỏi mẹ ơi đồng phục con đâu, mà không tiếng ai vọng lại. Không ổn khi cúng mở cửa mả, mặt mũi cha Tây tươi rói, ôm ghì điện thoại. Giỗ đầu mẹ Tây xong, cha nó treo bảng bán nhà, dọn về sống chung với một người đàn bà xưng "má" với anh em Tây, mà tướng mạo không chút gì giống người mẹ bắt đầu bị mối mọt liếm láp.

Em gái Tây, rất nhanh, sà vào lòng *má*, hòa nhập ngay với đám trẻ khu Gò Mây, bình thản nói "mẹ con té lầu chết queo rồi" mỗi khi có người hỏi thăm. Chỉ Tây không thể bỏ rơi mẹ thêm lần nữa. Nó đã bỏ rơi mẹ khi chìm lún trong một chiếc ghế

ở tiệm trò chơi điện tử, kệ bà mẹ trèo lên nóc nhà quét dọn lá mục ứ trên máng xối, mấy trận mưa rồi nước ngấm sàn, nhỏ giọt lên giấc ngủ nửa đêm. Cú rơi sau đó, mọi người đoán mẹ Tây chắc vì bất cẩn trật chân, lại rủi té nhằm cái xác lu vỡ, mới chấn thương chí mạng. Giả thuyết ấy mạnh đến nỗi có thể thổi bay vạt rừng, nhưng không yên ủi được Tây. “Biết đâu mẹ tự nhảy xuống”, ý nghĩ đó gặm nhấm nó.

Có lần ý nghĩ vụt thành lời, lúc Tây gom quần áo bỏ nhà đi. Nó có thể thấy cha mình giãy giụa thế nào để phủi bỏ cái câu vừa nghe được, “ai dám chắc mẹ té là vì sơ sẩy?" Chẳng ích gì, ý nghĩ ấy đã bám riết lấy ông như một ký sinh đói khát, lây lan nhanh sang người đàn bà rùng mình bên máy giặt, và còn làm phiền họ dài dài.

Chỗ Tây kẹt lại bây giờ, cao hơn một chút so với mái nhà nó ngày xưa. Nhìn quanh không thấy khói, không thấy người, chỉ có những tiếng động. Ngay bên vách, nghe tiếng rau cháy xèo trong chảo mỡ, Tây không biết ai là người đứng bếp, mà giọng chị Hằng vẫn giòn chuyện một con nợ dây dưa, “mai anh xách mã tấu dằn mặt vợ chồng nó cho em”. Dưới kia một ông say lè nhè

hát bậy gì mà mưa thấm ướt cây dù mưa giá buốt con cu, hai đứa nhỏ ẩu đả giành võng, bà già nào đó ho như bứng cổ họng đi, tiếng rít thuốc lào, bình luận viên bóng đá hét lạc giọng vào không không vào.

Chắc là có nhiều âm thanh cuộc đời vẳng lại lúc mẹ đứng trên máng xối, nhưng dưới mái nhà của mẹ thì im phắc như nhà hoang. Phải chi có Tây và em gái, chỉ cần réo lên mẹ ơi giày thể thao đâu rồi, mẹ ơi anh Hai giật tóc con, chắc gì mẹ đã rơi.

Tây nghĩ vậy, thấy người nặng dần. Cảm giác như gờ che cửa sổ Tây đang ngồi sắp không đỡ nổi nó. Tây từng làm phụ hồ nên nó biết, người ta hay phẩy tay bỏ qua việc dùng vỉ sắt khi đúc bê tông tấm che. Họ còn không thèm hồ cho láng, vô phước ngồi lên, mông in sâu những vết hằn.

Như Tây bây giờ. Cũng may cái áo dài quá nửa mông, nên lần vải cũng đỡ đần cho da thịt nó.

Nó đổi tư thế nằm ngửa, lấy lưng làm điểm tựa cho đầu và chân. Ở thế nhìn ngược, nó ngó những mái nhà lô xô chẳng có chút trật tự nào, giấu che những cuộc đời tầm thường, những vui buồn nhỏ mọn, những bi hài kịch. Như chị Hằng vừa ngồi trong lòng Tây vừa cắt đậu bắp nấu súp

lươn cho chồng. Như mẹ Tây lần đầu lôi thằng con từ tiệm chơi điện tử về, bà khóc rống lên sau mỗi nhát roi quất vào mông nó. Lúc đó cha Tây ở đâu, nó không nhớ nổi. Có thể cha nó đi làm, ngồi nhà hàng tiếp khách, hoặc công tác xa, hoặc có ở nhà cũng sẽ dắt xe đi, răng nghiến sít cái câu quen thuộc, "tôi ớn cái thứ người hở tí là nước mắt, thiệt, chán hết muốn về".

Thường thì mỗi khi hồi tưởng có nguy cơ thành lũ lụt trong đầu. Tây thường đánh lạc hướng chúng bằng cách kiếm bạn xe ôm rủ nhậu, gọi cho vài cô gái quen qua sóng phát thanh những chương trình kiểu như Nối vòng tay lớn, cũng có khi nó cứ tạt bừa vào quán nước, coi nghệ sĩ tấu hài trên màn hình được phóng chiếu cực lớn. Nhưng kẹt ở một độ cao gần ba mươi mét so với mặt đất, không biết chừng nào có thể thoát được, Tây không cách nào chống đỡ được những ý nghĩ sôi trào.

Mẹ bất cẩn rơi, hay đã vươn vai sảng khoái trước khi thả mình, đôi chân như cuống lá vừa khô?

Dưới sân, con nhỏ thừa nhiễm sắc thể xuất hiện một lần nữa, nó cứ quay tròn cho chóng mặt rồi xỉu dần. Một lúc thì thấm mệt, nó dạng tay dạng chân nằm phơi ra. Khoảng cách giữa Tây và

đứa nhỏ quá xa, nhưng Tây đoán nền trời nhiều mây đang in vào cặp mắt hơi xếch, mí lộn lên.

Tiếng động trong nhà chị Hằng nhỏ dần, mùi thức ăn cũng tan mất. Sau tiếng cười ré, người đàn bà thổn thức đầy nhạc tính, dường như vợ chồng họ đã trườn lên giường. Giây phút ấy nó cảm giác chị Hằng, những nóc nhà bên dưới, tiếng người, tổ chim treo tòn teng trên cây gòn chết khô đằng ngã tư, mọi thứ đang ở rất xa mình. Giờ phút này, Tây thuộc về một đám mây sũng nước lừ lừ di chuyển tới, và sự tò mò ngộp thở, không biết cảm giác mẹ thế nào suốt dọc đường rơi?

Chới với trong nỗi sợ, hay nhắm hờ mắt nghe gió mỏng dần?

Thầm

Hóa ra là một bà già. Người mà Thầm lặn lội đi tìm, là bà già thẳng đuột như cây mía lau, như da thịt đã đi trước cho ngày tàn nhẹ bước. Bà nói tháng rồi tên bà được rao trên truyền hình, mục gỡ rối nhà nông, hỏi thuốc thang kiểu nào cho đám ruộng đang cháy lá, "chắc là tên tui ngộ nên má cô biên lại chơi, đàn bà mà lấy tên Lê Văn Công, ai nghe cũng kêu mắc cười".

Thầm vo tờ giấy báo, nghe góc giấy cấn vào lòng tay.

Một cái tên đàn ông, cùng với địa chỉ gợi xa xôi, đầu lộ Gòn, ấp Bà Rá, xã Kinh Đôi, mẹ Thầm viết lên tờ báo kê đầu giường, vốn đặt những thứ linh tinh cần thiết, như dầu gió và thuốc, bà chỉ cần quơ tay là đụng. Khu chén in nước thuốc Bắc lên giấy những vòng tròn màu cánh gián, bên cạnh xanh lốm đốm của dầu gió, nổi bật lên mười mấy chữ viết tay, bằng mực đỏ. Chị Chín bên xóm quả quyết nó phải quan trọng thế nào, ẩn giấu bí mật gì đó, mẹ Thầm mới ghi lại. Đưa tờ giấy báo sờn rách cho đứa con vào hôm cúng tuần thứ hai của bà mẹ, Chín nín thở như trao một di thư.

Lúc bà già gửi nỗi ưu phiền mang tên lúa cháy lá lên truyền hình, bên kia bờ Đại Tây Dương, Thầm đang chạy. Một ngày nắng như rang như thiêu. Người ta chào nhau bằng "nóng chi mà nóng quá chừng", và lấy "Chúa ơi, sao người ngày càng khắc nghiệt với chúng con" làm câu tạm biệt. Những cuộc gặp gỡ ít lời, vài ba câu nước bọt đã keo đặc ở trong miệng, hết thiết véo von. Thời tiết này thì không có kỷ lục nào được phá, ban tổ chức cuộc chạy ma ra tông thường niên

của thành phố ngán ngẩm bảo vậy. Họ đổi giờ xuất phát sớm hơn, nhưng rồi mặt trời cũng đuổi kịp những vận động viên trên đường chạy bốn mươi hai cây số. Mấy con chó nằm thè lưỡi dưới chân rào, thắc mắc sao bọn người kia không nhảy vô bồn tắm ngâm mình mà chạy như điên ngoài nắng. Nền trời xanh bằn bặt, không gợn mây.

Kiểu thời tiết Thầm ưa thích, nếu đừng quá nóng đến nỗi cháy da. Không mây, bóng của Thầm dày, sâu, chắc nụi. Nó làm dịu cả những ngọn cỏ lúc Thầm lướt qua con đường bắt đầu bốc khói. Khi chạy cạnh đoạn rào dài của một sân bóng đá, bóng Thầm bị lưới sắt gột thưa, nhưng cô vẫn nhận ra những đường nét vạm vỡ. Ngay vừa qua quãng đó, một anh đen trũi có biệt danh "Lốc Sahara" chặn Thầm lại, xin nước. Bình nước anh tích trữ ở trạm dừng thứ hai đã kiệt. Đồng tử bốc hơi, nên lúc nhìn cô, cái chóp mắt anh lừ đừ. Đây là cuộc thứ ba chạy cùng nhau, và lần đầu tiên người sa mạc nói với cô, "chúc may mắn".

Như thể anh biết Thầm sẽ ngất ở trạm dừng thứ tư. Nằm trên cáng, cô bốc hơi, thứ hơi nóng có thể nhìn thấy bằng mắt. Ngày đầu tiên ở viện, lúc thiếp đi hình như có điện thoại bên nhà,

Thầm mặc kệ nó rung, ý nghĩ da lưng mình đang phồng rộp chìm dần vào đáy của giấc ngủ.

Sau này chị hàng xóm kể, đầu cơn hấp hối ấy, chị định gọi lại lần nữa, nhưng mẹ Thầm xua tay bảo thôi khỏi. Kể cả cuộc gọi được kết nối, Thầm cũng không về kịp. Mà có ngồi ngay bên giường cũng không làm sao chặn nổi sự bạo động của những u nhọt vỡ ra trong ổ bụng của người đàn bà khăng khăng chống lại bệnh tật bằng cỏ cây.

Tro cốt, tính luôn cả hủ đựng, nặng một ký ba.

Lần gặp gần nhất, mẹ Thầm không có vẻ gì đau ốm, túi mỡ dưới mắt vẫn vun lên, và đôi vết hằn bên miệng, chắc vì tuổi tác, càng sâu nghiệt ngã. Ngó nhau chớp nhoáng ở sân bay, giữa một rừng máy quay của nhà báo, người hâm mộ. Trước khi cô gái giành huy chương vàng ma ra tông thế giới xuống máy bay, họ bảo bà mẹ nên ôm hôn thế này, nựng má thế kia, nhưng bà gạt đi "Khỏi! Mẹ con tôi không phải kiểu vậy". Bà từ chối cả cầm hoa, chỉ xáp lại nói mỗi câu "về rồi hả?", rồi lùi lại cho người dưng ào vào. Thầm biết ơn mẹ riêng hành động đó, không thì báo chí hôm sau tràn ngập những hình ảnh gượng gạo, như Thầm từng nhìn thấy cảnh bà vợ một thợ lò già hôn đôi má

lem luốc của chồng sau những ngày ông bị kẹt trong hầm mỏ. Cả hai người sượng sùng diễn một thứ ân tình dàn dựng theo ý nhà báo, lẽ ra phải nhìn nhau thì ngó vào ống kính. Thầm nghĩ, phải cô là bà vợ, cô sẽ cắn xực lên da thịt chồng, cắn đến ngập dấu răng vào người đàn ông về từ cõi chết. Một cách xác nhận cuộc sống. Ông chồng bị đau bất ngờ, có thể nổi khùng tát vợ, như xưa giờ vẫn vậy.

Chưa hết buổi đón, mẹ Thầm lẳng lặng bỏ về, một mình, chuyến xe dài ba trăm năm mươi cây số. Bà mẹ chịu tới phi trường cũng vì họ tới nhà nói mãi. Cô gái mang vinh quang về cho đất nước, không thể xuống máy bay mà không một người thân nào ở bên. Không về cùng, Thầm bận họp báo, và trả lời phỏng vấn của truyền hình quốc gia. Cô nhắc mẹ suốt, những hy sinh, tảo tần, ân cần, "lần nào chải mớ tóc xơ cờ của em, mẹ cũng rớt nước mắt", Thầm bảo vậy. Cái sự buôn gánh bán bưng của bà mẹ cũng làm cho giới truyền thông hết sức hài lòng, khi đôi vai oằn gánh nuôi nấng đứa con gái tài năng. Như thể mẹ làm chủ tiệm vàng thì vinh quang bớt kịch tính, và Thầm có về nhất hàng chục cuộc chạy quốc tế cũng thường. Vậy nên chị biên tập viên cứ xoay mãi chuyện

nhà Thầm, những lần mưa mẹ nhường chỗ khô cho nằm, chè ế mẹ ăn trừ bữa, nhưng Thầm luôn có cơm canh bốc khói. Đèn trường quay rọi vào từng nốt tàn nhang cô gái, cái nhoẻn cười bất chợt không giấu được chiếc răng mẻ, và những lúc cô cắn môi, ướm thử những từ ngữ vừa với chuyện mình. Chỉ một ý nghĩ trong đầu cô thì không thứ đèn nào chiếu tới, *mẹ chắc chuyển kênh rồi.*

Không có sự tha thứ, dàn hòa nào trong câu chuyện mẫu tử lâm ly này, chỉ khi nào Thầm nói "tôi chạy giỏi như vầy là nhờ mẹ vác đòn gánh rượt đánh tôi hoài".

Chỉ là Thầm chưa từng bị đòn oan. Ngay sự tồn tại của Thầm cũng đáng đánh rồi, nhưng con nhỏ làm cho mọi thứ tệ hơn khi liên tục mắc lỗi: bỏ thi, nấu cơm khét, làm rách áo, xé tập dán diều. Ngồi nhà chịu trận cũng bị ăn năm cây đòn gánh, cứ bỏ chạy may ra thoát được. Vậy là chạy. Lầm lì bám gót theo, mẹ Thầm tuyệt chẳng bao giờ la hét, đòn gánh thủ trong tay sẵn sàng giáng xuống bất cứ lúc nào. Đứa con không van xin, khiêu khích, nên cuộc rượt đuổi của hai người ít thu hút đám đông. Có lần Thầm tưởng mẹ bỏ cuộc rồi, vừa dừng lại thở đã nghe đòn gánh xả vào người.

Trong từng nhát đòn giáng xuống, mang theo sự ráo riết như bà mẹ muốn dứt đứt cho rồi, cho xong, cho tận những phiền muộn vô hình. Như con thằn lằn tự cắt đuôi mình để thoát hiểm, một cú cắt đứt hoàn hảo. Nhưng mình là thứ đuôi không chịu lìa, Thầm nghĩ vậy lúc lút thút về nhà, vì không biết đi đâu. Ngang qua quán nước chật dân bốc vác, Thầm nghĩ biết đâu trong những người đàn ông đó có cha mình. Cái bả vai ê ẩm này, không phải mỗi Thầm đau. Ý nghĩ đó an ủi con nhỏ.

Một bữa bị mẹ rượt rát quá, Thầm tắt qua con hẻm trổ ra đường Cách Mạng, ào theo một cuộc chạy ma ra tông hiếm có của tỉnh lẻ, họ tổ chức gây quỹ xây bệnh viện. Lúc đó Thầm mười lăm tuổi, chân xỏ giày vải, mặc bộ đồng phục thể thao của trường, tóc buộc đuôi ngựa. Khi lao về phía rừng cờ đuôi nheo chóp chói ở vạch đích, Thầm biết mình vừa chính thức rời bỏ ngôi nhà trong hẻm Xéo, vách giắt những cây đòn gánh cong như giẻ xương sườn.

Cuộc chạy ấy Thầm về tư. Áo không đeo số, không có tên trong danh sách đăng ký, cô bé nói "chạy cho vui vậy". Chị Tây về nhất ôm Thầm,

hót ríu rít những lời không hiểu nổi, đoán là khen ngợi. Người đến sau Thầm nửa phút là anh thanh niên mà Thầm đã gạ chuyện trên đường chạy "Ủa, chú, tụi mình cứ chạy hoài vầy sao? Chừng nào mới tới?", nhưng anh làm lơ, không trả lời. Thở còn không xiết, rảnh đâu mà nói.

Sau này, Thầm cũng thường lơ đi mỗi khi bạn chạy đưa chuyện. Không phải vì mệt. Tìm cách vượt lên hoặc tụt lại đằng sau, chỉ để ngó bóng mình. Vắt sườn qua ta luy, nó ghé tai sát miệng vực như nghe ngóng âm thanh từ dưới ấy, tiếng cành khô gãy và lá va nhau, tiếng con chim Thắt Thẻo kêu quéo ruột. Ở thời khắc bóng trĩu dần vào miệng vực thì một hẻm núi trờ tới, bóng bỗng vụt đứng lên, vững chải, như chưa từng có giây phút yếu lòng.

Thầm hơi buồn khi chạy vào những ngày mưa, hay chạy ngoài bãi biển. Bóng biệt tăm, nếu có thì cũng tẻ nhạt, lầm lì. Nó chỉ đầy biến ảo khi chạy trên đường núi, trên những con đường đông người. Nhịu vào bóng của người hát rong, ngã dài trên hàng rào của người Mèo phơi váy áo sặc sỡ, đắm mình vào dòng suối ven đường, hoặc mơn lên những vạt trạng nguyên đỏ buốt cả trong mơ.

Chạy đêm dưới bóng đèn đường cũng không tệ, ở khoảng giữa hai cột đèn, bóng sau lưng còn dùng dằng chưa rời khỏi, bóng trước mặt đã đứng chờ.

Ai cũng nói mẹ Thầm đặt tên con khéo, tên như tính người. Như ngay từ mang con trong bụng, bà mẹ đã đoán biết tâm tính nó. Cả lúc cầm hoa vẫy, chiếc huy chương long lanh dưới cổ, Thầm cũng hiếm khi cười. Vẻ thất vọng không giấu nổi ấy, được người ta diễn dịch là không hài lòng với thành tích, chưa vượt qua kỷ lục thế giới, có vài sai lầm nhỏ mắc phải trên đường chạy. Thầm kệ, không giải thích. Chỉ là khi vắt kiệt mình qua vạch đích, Thầm không sao kìm được ý nghĩ, vậy là xong, chừng nào mới có cuộc chạy tiếp theo?

Chẳng có cuộc thi nào, Thầm quay lại trung tâm thể thao quốc gia với tư cách người hướng dẫn cho câu lạc bộ chạy đường trường. Ở đó không thiếu những câu hỏi kiểu như cách nào để thân xác không phản bội lại mình, làm sao điều khiển đôi chân tráo trở, những cơ bắp trơ lì hóa đá trên đường chạy. "Quên ma ra tông đi", Thầm đưa ra lời khuyên gọn lỏn.

Chạy, phải đau. Đau, nghĩa là sống. Người chết không đau đớn. Thầm nghĩ vậy, mỗi khi ngã vật

bên đường chạy, nghe từng bó cơ nát ra. Những đốt xương có một linh hồn riêng, không đứa nào chịu đứa nào. Đến ý nghĩ cũng vữa vụn, Thầm thấy cuộc đánh đổi này xứng đáng, chịu đau đớn xác thân để nhận lấy trạng thái trống rỗng hoàn toàn, không thương không hận. Chỉ thấy hơi vắng vì bóng lặng câm, ẩn nhẩn dưới lưng Thầm. Đâu rồi cái bóng luôn sảng khoái chạy cạnh mình, sải những bước thẳng, dài, vừa mới tựa đầu bên gốc xà cừ, rồi thoắt cái, ngã dài vào bãi cỏ. Cái bóng lúc nào cũng ghé tai vào đời sống, kể Thầm nghe bên kia rào một người đàn ông đang khóc, nước dưới chân cầu Tình tối qua nuốt trộng một thân xác của kẻ gieo mình.

Thầm chống tay đứng dậy, chạy tiếp.

Đôi lần đường chạy tự dưng vắng ngắt, gáy Thầm lạnh, như có cây đòn gánh đang hắt bóng nó vào. Cảm giác rõ ràng tới mức Thầm suýt quay lại nhìn, như hồi nhỏ lúc chạy đòn hay ngoái lại đo khoảng cách giữa mình với mẹ. Nhưng trong gương lồi ở một cua gắt trên đèo, Thầm chỉ thấy đằng sau mình thun thút núi.

Chạy và chạy, ráo riết như thể có cả đội quân vô hình bám đuổi. Đôi lần ở những đoạn vắng người,

Thầm huơ tay giỡn bóng, đó là những giây phút hiếm hoi mà cô cho phép mình xao lãng. Tóc dài, vướng, Thầm cắt ngắn. Dây giày dài, vướng, Thầm cũng cắt. Có khi ngang qua cái kiếng soi đặt ở chân cầu thang trung tâm thể thao, cô nghĩ mình trông như người mẫu tranh Picasso. Nửa trên quều quào cắm trên đôi chân dài cứng như hóa thạch, ai đó nói ông trời đâu phải vô cớ mà ban cho Thầm, không chạy là phụ lòng ổng. Thầm nghe vậy, tự hỏi mình và mẹ cũng là mối quan hệ được xếp đặt của vô hình?

Từ bỏ nhà đi, sáu năm sau Thầm về, dắt theo chị phóng viên báo Phụ nữ Toàn cầu. Chỗ ngủ bị dẹp mất, đành phải bảo, trước đây em toàn ngủ chung với mẹ. "Kiểu này mẹ con có giận nhau cũng không được, phải nằm chung sát rạt vầy mà", chị nhà báo cười. Trong nhà gần như chẳng có dấu vết nào cho thấy Thầm là một phần của nó, nhưng chị nhà báo không tinh tế đến mức có thể nhận ra. Có khách, mẹ con Thầm âm ỉ giấu ánh mắt nhìn nhau của hai kẻ lạ. Bài báo lần ấy, ngoài những câu chữ lâm ly chỉ có một tấm hình, mẹ và Thầm ngồi bên gánh chè. Chị nhà báo ủ mưu chụp ảnh mẹ xối nước cho con gái gội đầu, nhưng nhân vật cứ lảng đi.

Sau này, Thầm không về cùng bên truyền hình thì cũng với nhiếp ảnh gia, họ muốn làm chương trình đặc biệt đón giao thừa, hoặc chụp ảnh cô để làm bìa báo Tết. Bối cảnh ở đâu cũng không lay động bằng một thành phố hẻo lánh, nơi ở góc đường có bà bán xôi vẫn nhớ con Thầm hồi nhỏ suốt ngày dang nắng, nơi kiện tướng chạy bộ lớn lên bên gánh chè bảy món của mẹ mình. Người ta tấm tắc khi biết mẹ Thầm vẫn duy trì gánh chè dù con gái đã gửi về vài món tiền thưởng không nhỏ. Mỗi Thầm biết mẹ không bao giờ đụng vô tiền đó, cô đem qua nhà Chín, một chị hàng xóm không chồng tốt bụng giữ, bảo "hờ khi nào mẹ em đau, chị lo giùm. Em chạy suốt, khó về". Lúc đó mẹ Thầm không nói mình có bệnh, nhưng cái mùi thuốc Bắc cứ phảng phất trên tường vách.

Mớ tiền ấy, lo hậu sự cho mẹ Thầm xong, vẫn còn thừa. Thầm bảo chị bên xóm cứ giữ, coi như trả công những ngày qua lại chăm sóc người dưng. Tro cốt mẹ, Thầm sẽ bỏ ba lô đem theo, người đâu tro đó. Nhà tạm thời khóa lại, cho đến khi Chín gặp được người vô gia cư nào tử tế, sẽ cho vào ở. "Còn cái ông trong tờ báo?" Chín nhắc.

Có mối quan tâm khác, chị hàng xóm quên nói cái câu mỏi mòn, “tính chuyện chồng con đi chớ”. Như thể bằng trải nghiệm, sự không chồng là một vũng sình mà chị không muốn bất cứ ai rơi vào, mình chị chịu đựng đủ rồi. Nên chị hơi bực khi Thầm chỉ cười, bảo không ham.

Thầm đã nghĩ tới đàn ông, đúng một lần, bữa chạy bên Tam Đảo. Đường dốc, buồng phổi đầy khí loãng, Thầm nằm xãi lai nghỉ mệt trên bãi cỏ ven đường. Phải đến lúc một bàn tay nào đó áp vào rốn mình, Thầm mới hay có người đang nằm cạnh. Bàn tay rộng, nhiều mồ hôi, ướt lạnh. Không hiểu sao Thầm nghĩ, một bàn tay đẹp với những ngón thon dài.

Sau này nhớ lại, phải người đó chạm tay vào nơi nào khác, ngực, xương quai xanh hay đùi, Thầm cũng không thấy da diết tới vậy. Nhưng anh đã đặt tay đúng vào rốn, giữ ở đó chừng vài ba phút, nói, “hình như quanh đây có đào chín, thơm ghê”. Thầm muốn mở mắt nhìn, muốn gạt tay anh ta ra, nhưng không hiểu sao người cứ bồng bềnh không trọng lượng, như bãi đá sỏi cỏ phủ dưới lưng đã biến thành một đống bông gòn. Và, phải chi anh xin số điện thoại Thầm, gợi ý một cái hẹn nào đó,

Thầm đã không bồn chồn trước kiếng, nghĩ ai thèm lấy con đàn bà như mình.

Người đàn ông chạy chung với Thầm bữa đó, nửa năm sau cô gặp lại trong cuộc chạy ở Sapa. Anh chỉ tình cờ đưa bạn gái đi chơi, thấy chạy thì ra coi. Một tay cầm dù che cho người yêu bận rộn với cái váy lồng gió, tay kia anh vẫy nhẹ khi Thầm chạy qua. Bóng Thầm đổ lên tán dù nên không chạm được vào người anh, như đã từng oằn ngọn vào bóng bạn đường trong cái nắng xiên khoai một chiều Tam Đảo.

Lần đó, Thầm lại về nhất, lập một thành tích mà ai cũng bảo là vượt quá sức giống dân da vàng. Những kỷ lục cao nhất của thế giới, trước giờ chỉ được làm nên bằng đôi chân sắt nung của người Phi. Tối lại, Thầm gửi đi bản đăng ký tham gia chạy một cuộc thi ma ra tông quốc tế mà cô sẽ mang về huy chương làm hớn hở đất nước đang cần có gì đó để hớn hở.

Năm đó Thầm hai mươi tám tuổi, dửng dưng nghe chị hàng xóm nhắc, tính chạy hoài chạy hoài mà không lo chồng con gì, đâu được. Nhưng giờ người phụ nữ tốt bụng ngợp trong mối quan tâm một ông nào đó ở xứ Kinh Đôi, "chắc phải có liên

quan gì chớ?” Chừng như chị nhiều bận dọ hỏi mẹ Thầm về cha đẻ của con gái bà, như hồi nhỏ Thầm từng tò mò nhưng chẳng có lời đáp.

Câu trả lời có thể trên tờ giấy báo ám thuốc mà Thầm giữ bên mình. Thầm nghĩ vậy khi bước xuống chiếc tàu hứa hẹn đưa cô đến Kinh Đôi. Chuyến đi trước giỗ lần thứ hai chừng hai tuần, và tròn hai năm kể từ những chữ đỏ được ghi vào giấy báo. Tròn hai năm Thầm ngất trên một đường chạy, báo hiệu một chuyện hiển nhiên, cô đã xuống sức. Giờ mỗi ngày Thầm vẫn chạy hàng chục cây số, nhưng không thể liền tù tì có mặt ở các cuộc thi. Bác sĩ bảo cô hãy quên tuổi hai mươi của mình đi, làm quen với con Thầm bắt đầu kém dẻo dai, giảm sức chịu đựng. Làm một phép trừ nhỏ khi so đo với giấy khám sức khỏe cũ, Thầm nhận ra mình thấp hơn hồi bắt đầu chạy hơn một gang tay.

Nhưng Thầm vẫn quá khổ so với chiếc tàu đò sẽ đưa cô đi tìm người có tên ghi trên tờ báo. Họ bắc ghế cho cô ngồi giữa lối đi, chỗ đó trần cao cô không bị cộc đầu. Thầm nhìn quanh quất, bóng không có ở đây. Cảm giác bất an, như thể cô đang mắc bẫy bà mẹ trong một trò đùa cuối đời.

Ba tiếng đồng hồ đến Kinh Đôi, cho chặng đường chừng sáu mươi cây số, tương đương với thời gian Thầm chạy bộ. *Không có đường bộ nào tới đó đâu*, ông ngồi cạnh Thầm bảo vậy, phì phà khói thuốc vào mặt cô, *cứ sông rạch vầy tiền đâu xây cầu.*

Đi nữa, hay quay lại, Thầm tự hỏi.

Khi chiếc tàu xua Thầm lên bờ nhanh như phủi bụi, cô nghĩ, biết nói gì với ông Công ấy, nếu tìm thấy. Bóng Thầm chòng chành trên bờ đất ngổn ngang xáng múc. Thầm từng rải bóng mình trên vô số con đường, nhưng chưa lần nào gặp địa hình khó chịu vậy. Khi bóng tê cứng bên đầu cầu khỉ, Thầm lau mồ hôi nghĩ, giả sử mình qua được cây cầu này, tận mắt thấy người đàn ông đó, rồi sao nữa?

Nhưng Thầm chỉ tìm được một bà già bất đắc dĩ mang tên Lê Văn Công do cán bộ hộ tịch nhầm. Vô cùng tự tin về trí nhớ của mình, bà già dứt khoát nói không có bà con hay người quen nào bán chè ngoài chợ. Nghĩa là Thầm với bà là hai người chẳng dây rễ gì nhau.

Tàu chưa quay lại, Thầm ra bờ sông chờ, biết nôn nóng cũng chẳng ích gì. Ý chí thép, đôi chân giỏi chịu đựng, con tim mạnh mẽ, những thứ mà

Thầm được người ta ca tụng, không có chút giá trị nào ở đây. Cứ chờ thôi. Nó sẽ đến, con tàu ấy, giống như tuổi tác đang chậm rãi đến với Thầm. Ở cái bờ đất này cô không thể nào chạy đến thân thể rã ra, để một ý nghĩ khỏi làm phiền mình. Mẹ cô tìm gì trong những chương trình truyền hình kiểu như "gỡ rối nhà nông", "thế giới ngôi sao", "công nghệ và đời sống". Rốt cuộc, bà tìm kiếm gì ngoài những tiếng người?

Đi thật xa
mới đến nhà bạn cũ

Khoảnh khắc chốt cài bên trong căn nhà lích kích mở, Vĩnh nghe tiếng kêu của chính mình, trời ơi rốt cuộc cũng tới đây, và Miền đang ở phía sau cánh cửa dần hé.

Không nhớ rõ mặt mũi người đàn bà sắp hiện ra kia, trước ngày mười bảy tháng ba năm ngoái,

đời Vĩnh còn không có góc nào cho cái tên Miền. Một xế trưa có thằng người lem luốc quảy giỏ trờ tới chỗ Vĩnh ngồi đón khách, hỏi đường tới ga tàu lửa. Nghe bảo đến ngã tư quẹo trái đi chút nữa đụng ngã năm quẹo phải, thay vì nói cảm ơn, thằng người kêu trời đất ơi, đúng mầy là thằng Vĩnh *dài* rồi, tao Tèo Anh đây, nhớ tao chớ?

Không chấm không phẩy, những kỷ niệm dắt dây về xóm trọ những thằng nhỏ sinh viên đọ cúc cu coi của ai dài nhất những cái đũng quần cứng đờ như được hồ những buổi chen bẹp ruột mua rẻ mì tôm sắp hết hạn dùng. Hào hển, thằng người nói nửa chừng thì kêu chết tao, sắp trễ tàu. Ờ mà con Miền nó sinh con cho mày, biết chưa?

Vĩnh không biết. Không thèm biết. Những ngày sau đó nó thà rằng mình không biết luôn. Ước sao thằng bạn lam lũ kia đừng hiện ra, không sẵn miệng cho hay Vĩnh có đứa con rơi, rồi lẩn mất trong biển người. Chín vía chưa kịp về, Vĩnh phải dọt xe theo và chặn được bạn cũ ở cổng ga, nhưng cũng chỉ kịp hỏi "Ê vụ sinh con là giỡn hay chơi, mậy?" và còi tàu băm vằm câu trả lời, nhỏ Miền dạy ở trường mẫu giáo Anh Đào, tao gặp nó năm ngoái.

“Sao tao với Miền lại có con được?”, Vĩnh hét vào đám người trên sân ga hớt hãi. Không ai trả lời.

Chuyện gì mà vô lý vậy, mình với cô ta chỉ cặp hờ với nhau như dầu tráng chảo. Ngay cả yêu thương thắm thiết cho đi không tiếc thứ gì, thông thuộc từng nốt ruồi từng sẹo kín thì cũng đắn đo chuyện có con khi chưa đám cưới. Một cô gái sinh con và chấp nhận là mẹ đơn thân đâu gọn hơ như đi chợ mua bó rau. Vĩnh nghĩ vậy, cố tách Miền ra khỏi những cô gái tóc chấm lưng ai nói gì chọc gì cũng chỉ cười, hay ra sàn nước tắm mưa lộ thân hình chắc lẳn, lúc nào cũng có mấy cái lô cuốn lủng lẳng trên đầu.

Một mình Vĩnh trở về những buổi nhậu trong xóm trọ khi đứa nào đó xách con gà ở dưới quê lên, những cọ quẹt khi bọn trai gái đều say lử, và rạo rực không thể kiềm giữ. Mớ chung đụng mà khi hồi tưởng, những cơ thể những gương mặt cứ ríu vào nhau, không thể tách bạch ai với ai, nhân dịp nào trong những người dọn tới xóm trọ rồi đi, người mới đến lại lấp vào căn phòng trống. Chỉ là lơ đãng đi ngang qua đời nhau, da diết gì đâu mà giữ lại luôn một giọt máu, giỡn hoài.

Chắc không phải con mình, nếu phải thì cô ta đã tìm tới để ăn vạ, bắt cưới. Vĩnh tự thuyết phục mình, những lúc ngồi như thiềm thừ nghĩ tới đứa con rơi (theo lời thằng bạn). Mà con thì Vĩnh đâu có thiếu. Vợ mang bầu đứa thứ ba, và cái bụng chang bang kia đã đẩy Vĩnh ra đường bắt khách chạy xe ôm, tranh thủ kiếm thêm chút tiền sau tan ca ở xưởng in. Chuyện có thêm đứa con nữa làm nó sợ.

Lúc lăn những cuộn giấy dầu chất vào kho, khi ngồi trên xe chờ khách khuya, giữa mê lộ ý nghĩ trần trụi về lương tháng này và tấm lưng trần lộ ra sau chiếc áo khoét sâu của cô gái ngang qua, giữa tiền sữa cho con và người đàn ông phè phỡn đẩy cửa tiệm gội đầu thanh nữ bên kia đường, trong đầu Vĩnh thỉnh thoảng lại rẽ qua một người đàn bà, đứa bé, dãy nhà tập thể có cái rào trồng bông xác pháo, bên hông trường mầm non.

Vĩnh đảo ngang chỗ đó bảy lần mới vịn được cơn mưa rào để ghé qua chỗ người bảo vệ. Mời ông già điếu thuốc, Vĩnh nói có cô bạn cũ tên Miền trước dạy ở đây. Ông già rít một hơi thuốc dài, phun khói ra bằng mũi, “nhà cổ ở cuối dãy”. “Con của Miền chắc lớn rồi?”, Vĩnh hỏi, ngay lập

tức ân hận vì sâu thẳm trong lòng nó đâu muốn xác nhận chuyện đó. Hơi nước nặng trĩu làm khói thuốc không thể tan nhanh, cứ quầng quã trên gương mặt ông già, "trời nuôi thằng nhỏ mạnh cùi cụi".

Con trai. Đứa nhỏ (có thể) con mình là bé trai. Vĩnh cố lắc đầu phủi tóc ngoáy tai để giũ ra cho bằng hết sạch ý nghĩ ấy. Nhưng ý nghĩ như bông gòn, càng xua đuổi càng nhơ nhởn, lúc đậu lúc bay, xé không đứt bứt không rời.

Chở vợ đi sinh, Vĩnh cũng nghĩ tới một đêm tối mịt đẫm nước sau giông mưa như vầy, có người đã một mình xách cái giỏ đựng tã trẻ nít đi tới nhà thương. Chậm rãi đi dọc hành lang phòng bệnh, đôi lúc cô ta phải vịn vách để chịu đựng cơn gò của đứa trẻ sắp ra đời. Hình dung đó làm Vĩnh giận dữ, rẽ nhầm đường. Vợ nén đau, cười nói chồng hồn vía bỏ theo con nhỏ nào.

- Giỡn hoài! Vĩnh nạt.

Lần đầu tiên áp vào thịt da nhau, vợ nhéo đùi Vĩnh, hỏi nửa chơi nửa giỡn rằng đã ôm bao nhiêu gái rồi, Vĩnh cũng nạt khùng, rồi lấp môi vợ bằng môi mình. Như để ém tận đáy cái thời trai trẻ thất vọng. Vĩnh sợ phải kiểm đếm lại những gì thuộc

về quãng trước cái biến cố tiệm điện máy của gia đình bị sông nuốt mất, lúc Vĩnh thi cuối năm thứ ba. Đất nứt ra, cả dãy phố nghiêng dần vào nước, chìm lỉm. Ông anh Vĩnh tối ấy uống say không kịp chạy ra. Vĩnh thôi học, bỏ trường, làm trụ cốt chống đỡ cho cha mẹ.

Không ai cho hay Vĩnh bỏ quên giọt máu, lúc dọn đồ rời xóm trọ. Có thể cô ta từng ám chỉ xa xôi, hỏi những câu kiểu như anh có thích con nít không, và Vĩnh vô tư bảo “chỉ nghe thôi đã ớn”. Cô đành câm lặng áp tay lên bụng đứng ngó theo Vĩnh đi mỗi lúc một xa, như phim.

Vĩnh vẫn thường quay kính chiếu hậu vào gương mặt khách, những khi chở phụ nữ trạc tuổi mình, tự hỏi “phải Miền không?” Vài lần bị khách bắt quả tang, trừng mắt, “ê, không chơi ngó lén nghen bồ”. Những lần tiệm kiếng quen kêu giao hàng, Vĩnh hay hình dung Miền chạy xe phía sau, soi vào tấm kiếng đang dựng dọc lưng nó. Miền từng đến rất gần, nhưng vì những ngăn cách vô tình, hay bởi bắt gặp cái nhìn hờ hững của Vĩnh nên cô lặng lẽ rút lui.

Đứa nhỏ có phải con tôi? Câu hỏi đó Vĩnh cứ miết thành rãnh trong đầu, lúc kéo sụp cái nón che

bớt mặt khi ngang qua trường mẫu giáo. Hàng rào giấu sau nó một thế giới mịt mùng, chưa lần nào Vĩnh thấy trẻ con chạy chơi, không thấy quần áo nhỏ nhắn treo sào phơi, cũng không nghe những bài hát trẻ con vẳng ra từ máy hát. Dãy nhà im ắng lạ lùng, như không người. Đứa bé chỉ tồn tại trên môi của thằng bạn cũ đến số điện thoại cũng không có và ông bảo vệ già lẩn thẩn xua những bà mẹ đến sớm dán mặt vào rào chờ đến giờ đón con "không lo ở nhà quét dọn, lại đứng đây phơi nắng".

Thằng nhỏ giống ai, ta? Có lần lỡ để xổng một tia tò mò, Vĩnh phải đánh lạc hướng nó bằng cách bẻ ý nghĩ qua bữa nhậu ở quán Gầm Cầu, chút nữa mua cho bé út cái trống lắc, giờ này chắc vợ đã nấu cơm. Cách nào cũng phải nêm chặt những khoảng trống rợn trong đầu.

Chỉ cần bước qua cái cổng rào xiêu, gõ cửa căn phòng cuối dãy, đống dây ngờ trói Vĩnh sẽ được tháo bỏ, nhưng nó sớm nản lòng khi hình dung cái gật đầu sẽ sàng. Vĩnh sợ phải chia đời mình trước và sau cái gật đầu, như từng chia quãng trước và sau vụ đất lở, nước sông khỏa hết rồi, mà Vĩnh còn dọn dẹp đổ nát đến tận bây giờ. Miễn gật, có thể Vĩnh sẽ không bao giờ tìm lại cái trật tự mà

thằng đàn ông ba mươi bốn tuổi đã vật vã xếp đặt sao cho vừa vặn với vài công việc tầm thường, với cô vợ và mấy đứa con, món tiền điện nước cuối tháng và học phí cho tụi nhỏ.

Cũng không thể phẩy tay coi như mơ. Chẳng cơn mơ nào lại sáng rỡ đến vậy. Màu nắng quạu xế trưa khi thằng bạn kéo tay áo lau mồ hôi, cái nhát gừng lơ đãng của ông bảo vệ già dưới cơn mưa nhỏ, hàng rào oằn hoa xác pháo. Tất cả đều gây nên sự rúng động mỗi khi Vĩnh nghĩ về. Làm gì có chiêm bao bức bối đến nỗi Vĩnh phải lên tiếng bênh một gã bỏ rơi cô bồ nhí khi hay cô có bầu. Vợ phì cười, "Người ta chửi thằng trong phim mà, chạm cọng dây nào sao lại lên tiếng".

Vợ lúc nào cũng cười, lấy phải anh chồng nghèo, sớm con cái nhóc nheo, nhưng chuyện đó chẳng làm miệng cô thôi thắp lửa. Nhưng nụ cười đó sẽ tắt xèo đi như lửa mắc mưa, khi Vĩnh nuốt nước bọt nói em à, chuyện là hồi trước anh có quen một con nhỏ, nó không nói không rằng đẻ con cho anh, vậy đó. Chịu nổi không?

Lúc bước vào vuông sân khu tập thể, Vĩnh không biết vì bọt bia bốc lên đầu, vì hôm qua con gái méc bạn réo tên ba ra chửi, mà nó không

thể đáp trả xứng đáng vì thằng kia không có ba. Vì những giấc mơ mà Vĩnh không sao nhớ nổi, nhưng vợ kể anh đã khóc thút thít rất tội. Hay bởi vừa nãy ngang qua dãy rào xác pháo, Vĩnh nhìn thấy một chiếc xe ba bánh của con nít nằm vắt trên miệng thùng rác, bánh xe trước long ra, rớt rời. Chiếc xe như một chiến binh hết thời, nằm queo với những vết thương được băng bó tạm bợ bằng dây dù, sợi vải.

Đẩy cái cổng rào hờ hững có cũng như không, Vĩnh như mộng du, không biết vừa rồi là mở ra hay khép lại. Thấy hơi xây xẩm, đi mãi gần hai năm mới đặt chân lên thềm nhà này.

Và cánh cửa ở căn phòng cuối dãy mở vừa đủ cho vệt sáng ngã dài trên cái đầu nhấp nhô lô cuốn. Người đàn bà không chút ngạc nhiên nào trong ánh mắt, giọng bình thản như mới vừa gặp Vĩnh hôm qua:

- Vĩnh tới rồi ha. Vô đi, anh!

Tiều tụy vòng quanh

Nhiều năm trước, ở ngay chỗ tôi nhìn người đàn ông cất vó sông, chính ông cất vó khi ấy vẫn trẻ ranh hôi nắng, cũng đang ngó cha mình cất lên một lưới đầm đìa nước.

Đó là một thằng nhỏ háo hức. Không ngóc ngách nào của làng cổ mà nó không thò mắt mó tay vào. Nghe gà gáy, nó biết trúng phóc gà nhà ai,

nhìn sợi mưa nó đoán nước sông Châu ngập đến mức nào ở chân cầu, và có bao nhiêu tường vách thâm sì của những ngôi nhà trong làng cổ được rêu lợp kín. "Phải cuối tháng chín rêu mới trổ bông", đôi khi du khách gặp một thằng nhỏ treo ngược trên nhánh cây bảo vậy. Rêu thơm dậy động chỉ ít bữa là hết, cậu khoe thêm, thơm tới nỗi ông Út Gù mất ngủ, cả đêm cứ lội bộ lang thang, tru từng chập hệt chó rừng.

Vài cái tên người làng thường xuất hiện ơ hờ trong câu chuyện của thằng nhỏ, như những cái bẫy vô hại. Khách tò mò, lỡ miệng hỏi ai là Út Gù, tức thì thằng nhỏ sẽ làm màn ảo thuật để ông già bên xóm hiện ra. Nó kể vanh vách từ đời bà cố lũy người đàn ông tật nguyền ấy, tên những con chuột ông nuôi bằng thịt mèo, và nghĩa của những chữ cổ khắc trên thềm đá trước nhà ông. Như thằng nhỏ đã nuốt trộng cái làng cổ này, giờ ai hỏi tới đâu nó thuộc làu tới đó.

Nhưng với một đứa háo hức tràn ra mắt, không bao giờ nó ngừng thèm muốn, thôi cảm thấy đói ngấu những thứ tươi mới của cuộc đời.

Khi những mảnh ngói trong làng không còn gợi cái ý nghĩ dưới đó giấu một lá bùa, dưới ngói chỉ

là một viên ngói khác, hay miệng giếng này không dẫn đến kho báu mà đến những bó xương, thằng nhỏ chạy theo du khách để háo hức trong đó đừng chết đói. Một hướng dẫn viên tận tụy, chẳng bao giờ xòe tay đòi tiền, bù lại, thằng nhỏ biết nước dừa ở Maidives ngọt y như xứ nó, ở Yukon đá bào chất đống ngoài đường, và người da đen máu cũng đỏ như thường. Họ có dình dàng bằng ba người làng bó lại, mắt nâu hay xanh, khi xước da họ cũng nhăn mặt, rớm nước mắt. Và họ luôn luôn vô tình làm thằng nhỏ đau.

- Ở chỗ tao, có cái tháp cao gấp hai chục lần cái gác chuông này.

Giỡn hoài, cái tháp chuông này cao nhứt rồi, con nít làng phải mất nửa tiếng mới trèo lên tới đỉnh tháp. Ở đó có thể nhìn thấy từ đầu đến cuối làng, vượt mắt qua những khu vườn ra tận giữa sông Châu, nơi có vài cù lao tháng mười bông lau lợp trắng. Nhưng khách chứng minh cái tháp chuông mà thằng nhỏ tôn thờ chỉ là muỗi, khi chìa ra tấm hình ngọn tháp xứ họ lên đèn ngay bên cạnh trăng sao.

Thằng nhỏ không làm sao hình dung nổi cái thứ cao hơn gấp hai chục lần tháp chuông làng mình.

Nằm ngửa, tâm tưởng cậu lấy tháp này chồng lên tháp nọ, nhưng luôn bị mất mối nối giữa chừng. Nó rã rời trong cái ước muốn tận mắt nhìn ngọn tháp ngạo mạn chọc ngoáy vào những bó chớp, như những lần tuyệt vọng muốn sống trong một đêm Bắc Âu trời vẫn sáng trưng, hay nếm thử thứ trà khiến người ta luôn mơ thấy mình bay.

Những lúc đó, thằng nhỏ ra chỗ chân cầu ngồi nhìn cha mình cất vó. Cái bộ điệu tơ mơ khi người đàn ông vươn vai kéo gọng vó lên làm phiền nó hết sức, cả cách ông lơ đãng chẳng thèm dòm ngó đám tôm cá quýnh lên trong lưới. "Phải mình, mình sẽ coi có con cá lạ nào lạc vô không", nhiều lần nó nghĩ vậy. Nhưng cha nó không thèm những tặng vật của dòng sông, mỗi tháng ông nhận được khoản tiền lương cho công việc này, vậy là đủ. Cứ mười lăm phút ông cất vó một lần cho du khách đứng coi, chụp hình. Rồi rít một hơi thuốc, ông già buông cái vó cho ngập miệng vào sông, kệ tụi tôm cá trong lưới thong dong đi mất. Thằng nhỏ ngờ là cái tính háo hức của mình chắc là di truyền từ bà mẹ xưa giờ chưa từng thấy mặt. "Phải có ai đó đẻ mình ra chớ", nó nghĩ vậy, và bà mẹ tồn tại trong nó bằng cách ấy. Hỏi cha thì ông nói, "đất nẻ đẻ mày", rồi bỏ ra chòi vó.

Một ngày làm việc của ông kết thúc, khi chuông nhà thờ đổ, và làng mở những bản hòa tấu quen thuộc, thứ nhạc cả chục năm nay không đổi, phảng phất tựa khói nhang. Cất vó, khép cửa chòi, trên đường về nhà ghé tiệm mua xị rượu, và lấy rượu đổ bụng cho men Xiêm ngấm vô chiêm bao. Thằng nhỏ sinh ra đã thấy nhịp sống tẻ nhạt của cha mình, đến la rầy con cũng chẳng câu nào mới, mười bốn năm trời chỉ ba chữ "đồ con hoang" mà trên miệng ông đã mất dần cái âm sắc nhọn và độ rền của sự giận dữ.

Cậu nhỏ cảm thấy phiền, bởi người cha diễn trò cất vó ngoài sông, bởi dì The hát ầu ơ cho tụi búp bê nằm võng vang cả phố trưa, cũng là diễn để cho du khách chạnh lòng quay lại chơi ở cái làng cổ. Chán chết được khi ngó người làng cả ngày hờ hững, kệ khách lại qua trước tiệm lụa nhà mình, nếu tay không ve vẫy quạt thì chẳng khác nào tượng đá. Ngay những đứa cùng trang lứa với nó như con Hương cũng tự buộc tuổi mười bốn vào khung dệt chiếu, chấp trân đố có mắc lỗi nào. Những trưa đi theo cái bóng của chính mình dọc theo đường chính của làng, không khí đọng vũng đến nỗi thằng nhỏ thở không ra hơi. Nó cảm thấy mình sắp chết tới nơi.

Một bữa, thằng nhỏ nhảy chuyến tàu sớm rời làng. Nó biết chị Cẩm sẽ đứng bên đường ray vẫy tay, như hai chục năm nay sáng nào nghe còi tàu đằng xa chị cũng ra chào người cha đã bỏ đi hồi chị còn ẵm ngửa. Dưới những tia nắng non chiếu xiên, những ngón tay khô khẳng của chị chói lên trong cái chào mà thằng nhỏ tự vơ ấy là của riêng mình.

Và một xế trưa của mười bốn năm sau, cũng chị Cẩm vẫy đón thằng nhỏ trở về. Chị không già đi mấy, nhưng thằng nhỏ háo hức ngày xưa giờ trở thành một gã đàn ông sạm nắng, áo sứt nút, tóc phủ vành tai, ẵm theo đứa nhỏ nói chưa sõi. Gã không kể mình đã đi đâu làm gì, kể từ biến mất trong toa tàu sáng ấy. May thì lúc say, trong bữa giỗ hay cuộc nhậu xình xang, khi nghe ai đó nhắc tới một thị trấn vùng biên mịt mù, gã buột miệng "chỗ đó thiếu chút nữa là tôi đâm chết con Phấn". Mọi người đoán Phấn chắc là vợ gã. Nhìn hai trái chanh chai sần trên bàn tay, nghĩ mười mấy năm qua chắc thằng nhỏ chạy xe ôm hay xe tải, xe đò, mấy công việc rày đó mai đây. Thấy sẹo vết chằng chịt khắp người nghĩ gã chắc va chạm nhiều để giành miếng ăn. Ngó thằng người thừ lừ

ngồi ngoài thềm, ruồi bu không đuổi, mắt đổ ghèn không dụi, biết lòng đã hết háo hức rồi. Giờ trộn gã với người phố cổ, sẽ không dễ nhận ra bởi cái thờ ơ ăn lan trên gương mặt, ánh mắt. Một đám khách ngang qua, mợ tóc vàng khoe với cô hướng dẫn viên rằng làng mợ toàn đá xanh, xanh hơn nước biển nhiều, gã cười khẩy, nghĩ bụng, xanh hay đỏ thì cũng có no bụng được đâu. Đẹp mà làm gì, nếu không ăn được.

Sáng thứ hai từ buổi đặt chân về làng cổ, gã đi tới nhà chị Cẩm dúi con vô lòng chị, biểu "từ giờ giữ nó cho tui". Chị nói "mười tám phút nữa tàu qua". Gã dặn "thằng nhỏ ăn gì cũng được, cho húp nước cơm vẫn sống như thường". Cẩm vuốt mái tóc đứa nhỏ khét nắng, lại nói "cha có nhìn thấy mình không ta?" Năm ngoái, có anh lái tàu mủi lòng trước những cái vẫy tay, đã tìm tới và rủ Cẩm đi, nhưng chị nói tàu sắp qua, chị phải vẫy chào cha, đi thì sợ chạy về không kịp.

Tay lái tàu ấy sáng nay chắc vỡ mộng khi thấy chị Cẩm bồng trẻ nít đứng chào bên đường ray. Hình dung đó làm cho cha của đứa nhỏ hả hê.

Thằng người lừ đừ ra chòi vó, chậm rãi đái một phát như chó đánh dấu lãnh thổ, và nói với

ông già, từ giờ chỗ này của tui. Ông già không buồn chửi, xách chai rượu về. Thằng con hút xong điếu thuốc, búng tàn lại sau lưng, hững hờ cất vó, không đếm xỉa coi có thứ chi ngoài rác nằm trong lưới. Sông Châu giờ cũng chảy bâng quơ cho có, nhìn nước bằng mắt thường khó biết được nước xuôi phía nào.

Bóng in mặt sông, gã đốt điếu thuốc mới, nhả ra mớ khói lờ đờ như hút thuốc cũng là một phần của hợp đồng công việc. Từ giờ gã bắt đầu đi vào những khung hình, trở thành nhân vật chính trong những bức ảnh mang tên "yên ả", "thanh bình" hay "cất vó" (mặc dù trong ảnh cũng rành rành là cất vó).

Và tôi, đứa con trai được ba mình mang về từ chân trời, được má Cẩm gói giấc ngủ vô cánh tay xương xẩu, tuổi mười ba rún đã bắt đầu thốn đau bởi tiếng còi tàu, nhìn nước ròng ròng chảy xuống lưới vó, nghĩ, rốt cuộc cái làng này còn cầm tù mình bao lâu nữa?

Mưa mây

Có chút thô lỗ, trong cách mưa ném phịch lên đất vốn phơi mặt suốt mùa khô, chẳng còn chút cỏ rạ che chắn. Hơi nóng ngụt lên, phả qua lần vách chắp vá bằng mấy tấm ván còng queo, mà sự thiếu kín đáo của nó làm Ngò mất tự nhiên. Từ chỗ Ngò nằm, day mặt sang trái có thể thấy rõ ràng đôi dép hường của dì Dũng đan đi đan lại bên sân, rền rĩ,

“quỷ thần ơi, củi ướt hết rồi”. Những cọng củi đã khô quéo, phải mưa bao lâu mới ướt?

Ý nghĩ ấy làm Ngò phân tâm, không hay Lì rùng mình xong rồi, đang cố rút cái áo bị cấn vào một phần lưng chị.

- Đi luôn sao? Mưa đó.

- Ăn thua gì, mưa mây như thần lằn đái. Tới giờ cho bò uống sô đa trứng gà.

Lì nói trong lúc tháo nút áo ra gài lại, khi phát hiện ra vạt thấp vạt cao. “Nhớ giắt mấy củ khoai luộc theo”, Ngò bảo, vẫn giữ nguyên thế nằm, không tiễn Lì ra cửa như mọi khi. Và Lì, chẳng ngoái nhìn, chẳng hứa hẹn hôm nào về lại, đi là đi một nước.

Rồi tiếng xe máy nẹt pô hung hăng, đúng kiểu Lì, tới hay đi cũng rồ ga như một cách chào hỏi, để lại sau nó cơn vắng sâu hút, đến chóng mặt. Mưa ngưng, nhanh hệt khi đến, ráo hoảnh như chưa từng. Nghe tiếng dì Dũng giở mấy nắp xoong trong bếp lần thứ sáu mươi chín trong ngày, rên, “cục đất này kỳ quá, không giữ được thằng đàn ông nào”.

Ngò nhớ mình đã cười vào lần đầu tiên nghe câu đó. Người nói mắt rọn, môi thoa son đỏ, mặc

áo bông màu vôi phối xanh đọt chuối, không biết ở đâu đi xăm vô nhà, hỏi “cưng là con Ngò hay con Quế?” Nếu chẳng xưng tên thì đứa cháu cũng chịu thua, không cách nào nhận ra người cậu đã bỏ nhà theo gánh hát lô tô hai mươi mốt năm trước, giờ về trong bộ dạng đàn bà. Cậu bảo phải gọi cậu là dì, rồi ngó bàn thờ, chỗ ngồi của bà già từng treo thằng con lên xà nhà chỉ vì tô môi son, của ông anh lớn vác thước thợ mộc đánh đứa em mỗi khi phát hiện nó mặc đồ con gái. Nhìn trái đu đủ cúng trên bàn cuống vẫn còn tươi, mà nhện đã giăng dây rồi, dì thở dài day qua phán như thánh, “cái nhà này không giữ được đàn ông”.

Ngò ngờ mình bắt đầu ghét dì từ câu nói đó. Nó nhắc chị nhớ người cha xuống tàu đi Nam Vang không về, ông ngoại và cậu Hai bị bắn chết đận tụi diệt chủng tràn qua, cậu Năm lặn đất mướn bên cù lao một bữa chẳng thấy trồi lên.

“Đất này không giữ được đàn ông”, dì Dũng mang trong mình nỗi tuyệt vọng của một người bỏ nhà đi tìm cái gọi là hạnh phúc mà chẳng thấy, giờ quay về gieo mầm phập phồng. Ngò vừa lấy chồng xong, một đám cưới gọn lỏn như đá chọi ao bèo. Bên cô dâu không còn ba má, họ hàng gần

chỉ có ông chú già khụ tu trên núi; chú rể là thứ lạc chợ trôi sông, đến cái tên gốc cũng chẳng thèm giữ, người Tà Lọt gọi thằng Lì thì biết là thằng Lì.

Lúc đó ao Bà Mụ của xóm Ngò còn đầy nước, bất chấp nửa năm trời chẳng rớt hột mưa. Người già nói dưới đáy ao có lạch nước ngầm thông ra biển Hồ, chỗ cách đây hơn hai trăm cây số. Không tin cũng không được, bông súng trong ao nở suốt năm. Mùa khô, dân đưa trâu bò lậu qua biên giới, vẫn ghé qua đây cho chúng ăn uống no căng trước khi ra bãi chợ, như một trạm nghỉ giữa cung đường vòng mấy chục cây số, luồn lách qua bao hẻm núi, bụi rậm để tránh mặt nhà chức trách. Ngò lớn lên trong mùi phân trâu, tiếng móng gõ xuống đất đều đều lúc nửa đêm, và nhìn thấy thời con gái của mình úa dần khi soi những đôi mắt bò trong vắt. Đứa em gái lấy chồng bên chợ, bỏ Ngò lại một mình trong căn nhà lập lòe nhang khói, chị cắt cỏ trong vườn đem ra ao Bà Mụ ngồi bán cho vui.

Lì gặp chị lần đầu nuốt nước miếng, nói “giống má tui”. Thằng nhỏ lai dắt mướn, tóc vàng da đen, đứng giữa đám trâu bò tuyệt đối không lạc lõng. Cũng bởi Ngò giống bà má Lì đã đánh mất từ hồi

nhỏ, nó đòi cưới luôn sau một tháng biết nhau, mặc dù chị phủi, “tôi lớn hơn cậu mười ba tuổi”. Lì không nói gì, tối lại đến tìm, đè ngấu chị vào bãi cỏ voi vừa mới cắt bán. Nó miết vào Ngò cho cơ thể chị sáng bóng tận bên trong, những ý nghĩ do dự không còn chỗ trú.

Nhưng dì Dũng nói cục đất này không giữ được thằng nhỏ đâu, sau buổi chạm mặt Lì, mà nó chỉ lườm lườm nhìn, chẳng chào hỏi. Lì đem về sáu con bò ròm, xương sống lưng bén ngót, chừng như chạm phải cũng đứt tay. Lũ bò bị thương lái dạt ra, Lì mua rẻ, đem về vỗ béo bằng những thứ mà đến người ta cũng phát thèm, bia, nước tăng lực khuấy thêm trứng gà, cùng với lủ khủ thuốc bổ. Chỉ tháng sau là lũ bò mượt lại, da thịt phổng phao, không còn nhận ra những bộ xương di động hồi nào mà ai ngó cũng nghĩ tới mỗi công dụng nấu cao.

Đó là những ngày Ngò cảm giác mình thật sự có chồng. Mùi thuốc lá ám vách mùng, những bãi khạc nhổ, tiếng nước tiểu rót hùng hồn, và ngón tay trỏ tách đùi Ngò ngay lúc giữa trưa, kệ con người dở cậu dở dì bên ngoài rèm lùng sục thức ăn.

Hoang tưởng căn bệnh tiêu hóa đang hành mình, dì Dũng rền cái điệp khúc "ăn không được", "bụng dạ lình sình không muốn ăn gì hết", trong lúc đang vét chén chè đậu xanh, mắt dòm chừng miếng cơm cháy, gọi với người hàng xóm có đi chợ Bàng thì mua giùm ít bánh canh. Xế trưa ngồi nhai mì sống, mắt dì long lên như sắp nói một chuyện vô cùng hệ trọng, "Dũng tính vầy cưng coi được không? Chiều đem cơm nguội ninh thành cháo, ăn với cá hủng hỉnh kho".

Ngò không thèm giấu khó chịu như hồi dì mới về, ngồi cửa cái tỉa chân mày, mặc quần hồng phấn bó sát, đi đứng ẻo lả nhưng trái khế trên cổ cứ gồ lên, mỗi khi cất tiếng khào khào giống đực. Ở người có vẻ đàn bà mang tên đàn ông này, mọi thứ cứ chống nhau, làm Ngò căng thẳng không biết cảm giác nào là đúng. Bộ dạng dì như một biểu tượng của sự vượt thoát số phận không thành.

Vài lần thấy mặt dì chảy ra, Ngò chặn họng "lại ăn không được chớ gì?", và như thông lệ, mắt dì sẽ rấn nước, nhưng mới máy môi, thì đứa cháu nhảy xổ vô lồng tiếng luôn "phải trải qua mới hiểu được nỗi khổ người khác chớ gì".

Theo nghĩa nào đó, khi những gã bạn tình lần lượt bỏ rơi, bẽ bàng kia dì khó mà nuốt trôi, tiêu hóa nổi. Ngò biết, nhưng ghét thì vẫn ghét, nhất là dì hay diễn đạt thành lời những dự cảm mà chị ém giữ trong lòng, "thấy chưa, ta nói có sai đâu, lấy thằng chồng trẻ thì sao giữ nổi". Những hạt giống mang tên Phập Phồng dì mang về mấy mùa trước đã thành dây leo, hạn càng dài càng tươi tốt, sắp phủ hết căn nhà của Ngò.

Lì thưa về.

Ao Bà Mụ cạn trơ đáy đã ba mùa, từ người ta dọn sạch đám rừng cạnh ao xây dựng tượng đài đồ sộ. Mấy ông già nói nền móng của công trình đã làm nghẽn mạch nước, ờ chính là mạch ngầm với biển Hồ, xưa giờ tồn tại như một thứ tình âm thầm, giờ đã dứt. Dân buôn xuyên biên giới không còn đưa trâu bò qua xóm Ngò, mà vòng xuống một vùng đất thấp hơn, ao hồ dưới đó vẫn còn giữ nước. Mực nước ngầm trong xóm tụt sâu, giếng khoan rỉ ra thứ nước vàng nhờ nhợ. Xóm khát khô, cây cỏ không mọc nổi, lúa chết đén nên rạ rơm chẳng bao nhiêu.

Mà mình với Lì chỉ nối với nhau bằng nước và cỏ rạ, Ngò nghĩ vậy, vào những bận thả bèo

giữ nước ao làng, kéo lá thốt nốt về làm rạp che nắng cho cỏ trong vườn, với hy vọng Lì đem bò về vỗ béo. Dì Dũng, chắp tay sau đít đứng dòm đứa cháu bốc khói dưới nắng làm mấy chuyện chống trời, lắc đầu nói "không ăn thua".

Không con cái thì lấy gì mà buộc, dì Dũng nói vậy, những lúc Ngò ngó đám bụi đằng xa, để rốt cuộc nhận ra người ngồi trên chiếc xe máy làm nên bầy bụi kia không phải Lì. Nó đang dựng trại vỗ béo bầy trâu ở đâu đó, mà nó không bao giờ nói trong những cuộc điện thoại thất thường. Hỏi sao Ngò không bỏ nhà đi theo sống lang bạt chăn trâu đuổi bò với chồng, chị cười ngó ra sân, nắng đỏ lịm trong mắt, "người ta đâu có rủ".

Có lần Ngò đi chợ cùng Lì, lúc đó mới cưới, người ta không biết vô ý hay cố tình khen, "thấy hai má con có nét giống nhau đó chớ". Và đó là lần ra đường chung đôi duy nhất của vợ chồng Ngò. Lì kêu đừng để ý thiên hạ, nhưng không rủ Ngò đi đâu cùng nó nữa. Mỗi lần Lì về rồi đi, Ngò lại nghĩ biết đâu nó không quay lại.

Vừa nãy Lì đi trong cơn mưa rào, chị cũng nghĩ vậy, hơi tiếc không thể tiễn nó ra sân. Nhưng chị buộc phải nằm yên, dưới mái nhà sốc nhiệt nổ

lắc rắc, và hơi nóng có thể thấy được bằng mắt, nghe dì Dũng ngồi cửa sau cắn đôi từng hạt gạo sống trước khi nhai chúng, không quên ca cẩm "trời gì không có cọng gió làm thuốc". Bỗng dưng Ngò cảm thấy thật may khi có một người ở bên để dè bĩu, lườm nguýt trong những mùa hạn dẳng dai. Ở cái cách thể xác chống lại tâm hồn đàn bà của dì, từ râu ria chực mọc xanh rì, các dây thanh dài thượt, bó cơ gân guốc, Ngò nhìn thấy chút hy vọng, đất nhà mình đâu phải không giữ được đàn ông.

Chút tin ấy giúp Ngò nằm im chịu trận trong vũng mồ hôi, giữ tụi lăng quăng của Lì ở lâu trong người được chút nào hay chút ấy. Bà già bán bò cạp ở chợ Tà Lợt dạy làm vậy dễ đậu thai.

Dây diều

Chỉ ba mươi giây là mình chạy khỏi đồng diều, Trọng nghĩ vậy, nghe dòng mồ hôi trườn chậm rãi theo xương ức. Rủi gặp bầy bò ăn rong dềnh dạng trên đường, nhiều lắm là vài phút chiếc xe máy cũng bỏ chỗ ấy lại phía sau. Vậy là xong, như chưa từng xảy ra chuyện gì.

Lúc đó thiệp cưới đã gửi đi gần hết, Trọng về Vĩnh Hòa để đưa cho bà con bên ngoại mấy cái thiệp còn sót lại. Không có đường nào khác đi Vĩnh Hòa ngoài con lộ ngang qua đồng diều. Không ai thay Trọng mang xấp giấy báo cưới này đi, và cũng chẳng còn bao nhiêu thời gian cho nó trì hoãn, "để mai".

Qua khỏi khu vườn chùa là tới bãi cát của một dự án đô thị bỏ hoang. Mùa hè cư dân thành phố đổ ra ngửa cổ, vô vọng cầm dây nối con diều vào bầu trời. Giờ gió thổi phồng áo Trọng. Gió đến ngộp thở. Gió như bữa Trọng hít hà da thịt Lê trên cỏ rạ đồng diều.

Hôm đó, lúc ra về Lê nói, mình cưới nhau đi.

Hai đứa tới nhà nhau thường hơn, gặp sớm mai đã hẹn nhau tối lại. Lê nuông chiều Trọng hơn, có bữa lén cho bồ vào buồng riêng chút chít, thay vì véo mông vội những lúc mẹ Lê ra sân đuổi đám con nít vặt sen. Câu chuyện của hai đứa giờ xuôi về chủ đề xốn xang. Chụp ảnh cưới ở đâu, áo cưới màu gì thì lên ảnh đẹp, tiệc cưới có cắt bánh kem không hay chỉ rót rượu hồng lên tháp ly sương khói.

Như chưa từng xảy ra chuyện gì.

Vài lần phải ngang qua những cửa hàng bán diều treo tràn ra vỉa hè, Lê thường bô lô gợi chuyện, những chuyện tếu kiểu như ông kia ngoắc chiếc xuồng bán bánh mì bên kia sông, người ta mừng quýnh càn nước ngược chèo qua, ổng hỏi có thấy xuồng bánh bao đâu không. Mắc cười hén? Ừ, mắc cười. Cũng có hôm hết chuyện vui để kể, Lê thuật lại nội dung tập phim Thái chiếu hồi tối vừa rồi, quên mất Trọng cũng có coi chung.

Như chưa từng xảy ra chuyện gì.

Trọng bắt đầu diện những bộ đồ thật bảnh. Kiểu gì cũng phải đẹp. Áo hơi nhàu là thấy day dứt trước Lê rồi. Không như cái hồi mới quen, chỉ dép kẹp quần đùi chở Lê đi ăn chè, giờ phẳng phiu đến từng sợi tóc. Có bữa đi gần tới đầu hẻm nhà Lê, sực nhớ đầu quên chải keo, nó quay xe lại. Nhiều khi người bên nhà Lê ngờ Trọng ba trợn, mưa gió ngập đường mà nó đóng giày da, mỗi bước nước mỗi trào ra. Những ai từng quen biết một thằng Trọng buông tuồng cẩu thả đều kêu đám cưới thiệt thần kỳ, vừa dự tính thôi đã ngay lập tức thay đổi một con người. Trọng cười nhợt nhạt, thấy tuyệt vọng vì mình không thể đẹp hơn. Nó sợ nhìn thấy hình mình rúm ró trong mắt Lê.

Trong khoảng thời gian hai đứa mặn nồng đến nghẹt thở, có một lần Trọng nổi khùng, đá cái ghế bật ngửa, bỏ đi. Lý do nó giận cũng không giống lý do, dưới gầm trời này chẳng ai quạu chỉ vì bồ sót cho mình mớ hột vịt muối của phần cháo trắng. Bên nhà Trọng quý Lê, nên lèo nhèo, "đốt đèn cũng không kiếm ra đứa nào tốt cỡ con Lê, mê mày như mắc nợ vậy, ăn cơm cũng lựa cho từng miếng cá". Yêu thì sao có thể là mắc nợ, Trọng nghĩ bụng vậy nhưng lừ lừ không nói, ngồi lì chơi điện tử. Chiếc xe Trọng điều khiển như tự sát, cứ đâm đầu xuống vực sâu.

Và chiếc xe lại hồi sinh ở vạch xuất phát trong một màn chơi mới. Giống hệt chuyện xảy ra ở đồng diều mà Trọng với Lê đều (làm như) quên. Nhưng đêm ấy thường trở lại, với ánh trăng chưa đến rằm nhưng vẫn đủ dát sáng trên bụng Lê khi gió thổi lật vạt áo con nhỏ lên, làm thằng bồ khổ sở kiềm giữ cơn bứt rứt chết được. Lúc đó đồng diều vắng tanh, người ta đã cuốn dây bỏ về lâu rồi. Hai đứa nán lại ôm nhau chút chít thêm ở giữa trăng sao và cỏ rạ. Đột ngột không thấy trăng đâu, trời tối sầm bởi năm cái đầu chụm lại dòm lom lom đôi bồ. Một thằng rọi đèn pin vô mặt Lê kêu:

- Ê, con nhỏ ngon quá tụi bây!

Giọng thằng cầm đèn hụt hơi, tê mê, hệt như người đói khát nói về chim cút khìa nước dừa, hay cải ngồng xào tỏi hay tôm càng nướng trên than đỏ. Chỉ cần cắn ngập dấu răng vào da thịt kia, những gì thơm ngọt nhất sẽ ứa tươm môi. Những thằng còn lại cũng hết sức đồng tình, ờ, em cưng thơm phức. Không nhìn rõ tụi nó có liếm mép không.

Nhưng Lê không bị bọn du côn cắn miếng nào, cả chạm vào cũng không. Chúng giữ lời hứa với Trọng, sau khi dạng háng cho Trọng luồn qua. Những cái quần lưng trễ đáy thấp đến mức Trọng gần như trườn sát đất dưới từng thằng người khai khẳng mùi bia mùi nước tiểu, mùi tinh trùng một nắng. Cỏ đâm rát cổ, cát chảy vào trong áo. Không thằng du côn nào cười cợt, tụi nó đạo mạo như dự một nghi lễ quỷ thần.

Không khí nghiêm trang ấy, sau này Trọng nghĩ, là đưa tang nó, một thằng đàn ông rên rỉ quỳ lạy, mếu máo bò sát đất, trước cái nhìn tê dại của bạn gái.

Đi khỏi đồng diều, nơi xảy ra cuộc gặp gỡ chớp nhoáng mà dài vô tận, đám lang thang biến mất

nhanh như khi đến. Như cánh diều băng rồi, cọng dây ở lại, để chứng cho diều đã từng có thật trên đời. Nỗi sợ hãi nuốt gọn tụi Trọng trong cái bụng đen ngòm của nó, rồi nhả ra theo một cách quá dễ dàng, làm cả hai lặng đi. Về gần tới nhà, Lê bỗng nói, mình cưới nhau nghen. Và Lê bắt đầu cuộc ân cần mà Trọng không thể phân biệt nổi đó là vì biết ơn hay thương hại.

Không còn là cô bồ ương bướng mỗi lần cãi nhau hay bất cần bảo, "ừ tui vậy đó, không thích thì chia tay". Lê từng nông nổi ngang phè, nhưng Trọng thích. Nó nhớ Lê của những ngày tháng cũ, khi móc điện thoại ra gọi cho cô, ở chỗ cách đồng diều non cây số. Có đi tới chân trời thì mình không bao giờ ra khỏi đó, Trọng nghĩ vậy, và nói, "Lê, mình chia tay đi".

Mớ thiệp cưới Trọng thả xuống mương lộ đã tắt những vòng sóng, chúng trôi im ả, tựa lá khô củi mục. Từ phía đồng diều, những con bò thong thả đuổi kịp Trọng, lẫn trong tiếng bò gõ móng xuống mặt đường nắng bỏng, là giọng Lê, "Ừ, mình biết rồi!"

Giữa mùa chán chết

Lúc đó chỏng đít chai không còn giọt rượu, Sa đòi về. Út Nữa muốn uống thêm. Hai nói Hai buồn ngủ, muốn thì đong chai rượu dời mâm nhậu lên cầu. Mấy đứa nhỏ vẫn thường dọn chén đũa ra ngoài, mượn theo dĩa mồi, bình nước đá, Hai có đóng cửa quán thì tụi nó cũng nhậu xập xình tới nửa đêm. Nhưng tối đó Sa quyết nghỉ chơi, nó nói vợ nhằn rát quá, phải ngồi nhà canh chừng cái

bụng bầu sắp bể nay mai. Út Nữa nói thằng nào về trước thì không anh em gì nữa, sau này đừng nhìn mặt nhau. "Cái mặt mày cũ queo con gái còn không muốn nhìn, tao thèm gì", Sa vừa nói vừa cười. Lúc Sa bước ra cửa thì thằng Nữa chụp cây dao gọt khế trên bàn, từ phía sau xốc tới.

Bà chủ quán rượu kể tới đó thì ngưng, đột ngột như cây dao cán vàng xiên ngọt ngay dưới bả vai. Xung quanh vẫn im lặng, người ta chờ coi câu chuyện còn xung đột nào đáng kể hơn không. Một con người đổ xuống đâu mà đơn giản như chó con gà con vậy. Sốt ruột, quan tòa lên tiếng trước, ủa hết chuyện rồi sao? Nhân chứng ngơ ngác gật đầu chừng như chính bà cũng không tin được chuyện tới đó là hết, ờ, vậy thôi. Kể gì nữa bây giờ. Xong rồi.

Không phải thâm thù hay vấp chân lỡ tay đâm bạn, cũng không phải nhầm lẫn, càng không phải dọa chơi rồi lỡ tay.

Tòa mở phiên xử Út Nữa diễn ra sau cúng trăm ngày anh Sa, lễ gọi là thôi khóc. Nhưng vợ anh Sa vẫn réo tên người khuất, tay ẵm đứa trẻ bú ngằn ngặt, tru khàn tiếng ông Nữa ơi đền chồng lại cho tôi. Vài nhân chứng kể chuyện hôm thằng

Sa cưới, Nữa còn làm rể phụ bưng khay trầu rượu đi đầu. Giờ một đứa đứng lẻ giữa sân tòa, giữa trăm con mắt ngó, hai tay gại trên thanh rào chắn ngang giữa anh ta với tự do, mà chưa biết phải đến mười ba năm sau mới qua khỏi. Hỏi sao xiên dao thấu đến khe giữa hai que xương ức của thằng bạn, Út Nữa nói "bữa đó trong người bực bội", giọng thành thực như từng giải thích với ông nội sao lại suốt ngày trèo cây tụt xuống, "chán, không biết làm gì".

Hồi ấy Nữa chừng mười lăm tuổi. Da thịt dậy thì căng như sắp nổ tung. Rực như một đống lửa rùng rùng ở bên trong. Không biết làm chuyện gì cho cạn sức, nó kiếm mấy cây dừa lão trèo lên ngọn, nhảy qua lại mấy con mương ranh cho bớt bức bối trong người.

"Thằng Út mà khó nuôi, chắc tao chết sớm", bà mẹ thường nói vậy, về đứa trẻ lớn lên chẳng tốn chút tiền thuốc. Nữa ăn gì cũng được, thứ gì bỏ vô miệng cũng có vẻ ngon lành. Cơm nguội ăn với chuối xiêm chấm muối tiêu nó hớn hở bằng ngang thịt gà, không kén chọn ỏng eo.

Nhà chỉ phiền mỗi chuyện thằng nhỏ lớn mau, quá chừng tốn vải. Quần áo Nữa để lại không ai

mặc được. Không rách đáy thì chúng cũng sứt vai, mẻ tà. Người nó sẹo chồng sẹo, không phân biệt nổi đâu là sẹo bị vá xắn đứt cổ tay lúc đào hang bắt chuột, sẹo bỏng té vô nồi chè đậu trắng đang sôi, sẹo của những lần đánh lộn tụi con trai bên xóm. Vải cho nó không chỉ may quần áo, mà để xé ra băng bó đâu đó trên người.

Lúc bị nhà chức trách còng tay dẫn ra khỏi nhà, Út Nữa vẫn là thằng con trai hai mươi đầy sức sống. Cái vùng rừng dầm chân nước mặn chỗ nhà tù mà nó bị đưa tới, sẽ ngấu ngốn sức trai, vắt nó đến muối ứa ra đầu.

Án kêu rồi, người trong nhà tiếc đã không kể cho quan tòa nghe, chuyện Út Nữa có lần đòi đi lính. Quãng đó biên giới lại động. "Tao mà có cây súng, bắn tụi nó đã tay luôn", Út Nữa thường vắt mông trên nhánh me, mơ mộng. Bà mẹ sởn gai ốc, nói hay ho gì chuyện bắn giết nhau. Súng cất vô kho mới vài ba năm thì bị bới đem ra, đạn còn chưa kịp ngủ nghê gì. Út cười ngất, "súng đạn khoái khạc lửa chớ cần gì ăn ngủ".

Vài thằng con trai trong xóm sợ bị đưa ra biên giới, rủ nhau uống rượu rồi chặt một đốt ngón tay ngoéo cò súng. Có đứa lớ rớ chặt nhầm ngón trỏ

bàn tay trái, phải kê lóng, cầm bằng như chết hai lần. Chửi um mấy thằng bạn hèn nhát, Út Nữa chửi luôn ban tuyển quân đã từ chối mình hôm đăng lính, lý do lãng xẹt: mắt lé kim. Bà mẹ giấu chuyện tốn gần trăm giạ lúa, chạy dúi tay để họ nghĩ ra được lý do gạt tên thằng con. Chồng bà từng trối, nhà giữ được đàn ông mới mong giữ được đất. Mà đất ruộng thì giăng giăng.

Những chuyện kiểu vậy mà kể ở sân tòa, án biết đâu được bớt năm bảy tháng. Như chuyện Út Nữa chỉ mới học đến nửa lớp năm. Ngồi được tới lớp năm đã là chuyện thần kỳ, cũng nhờ cô Hương Lý. Mang guốc, mặc áo dài, gái văn khoa thơm phức mùi hoa lài tới xứ Nhơn Thành dạy học. Tiên mất cánh về trời, nhưng đường đất nhà quê không cách nào làm cô lấm bụi, sình bùn chưa bao giờ làm vai và lưng cô thôi thẳng. Lý thường lén dạy học trò ca "Chuyến tàu hoàng hôn", *chiều nao tiễn nhau đi khi bóng ngã xế tà*. Nhà trường làm biếng không rầy, cô Hương Lý xui tụi nhỏ hát *mỗi lúc hoàng hôn sắp về nẻo tối, ánh nắng còn lưu luyến ngoài lưng đồi* thì nhận tin xưởng xà bông nhà cô bị tịch biên, họ bảo cô quay về Sài Gòn. Ai cũng biết sau đó cả nhà cô sẽ ra khơi hít hà gió biển, bỏ đất sang trời.

Út Nữa bỏ học. Nó coi thường những ông thầy ngày nào mới tới còn nghiêm ngắn phẳng phiu, chỉ mấy hôm sau bị cái không khí buồn chán của nhà quê, bị rượu trắng tẩm mềm, rài rạc. “Tới đái mà mấy ổng còn đái không ngay, sao dạy tui?”, nó nói vậy, xé sách dán diều.

Ba tháng hai mươi mốt ngày trước phiên xử buồn tẻ, Út Nữa đi coi mắt một cô bên sông. Về lầu bàu chê, “cái hông không trắng”. Xảy ra vụ cãi cọ nhỏ khi chú lẻn vô bếp lật áo dòm sườn cô gái, bị mắng “đồ nhà quê vô học”.

- Anh có nhiều đất thây kệ anh, có ngồi trên núi lúa thì cũng là thứ người hôi sình.

Câu nói trong lúc tức giận của cô gái đã diễn tả đúng cảm giác của nhiều người, về quyền năng bắt đầu mất đi của đất.

Riêng Út Nữa không thấy tổn thương bởi câu nói và cái quắc mắt nọ, nó chỉ hận con gái trong xóm không ai có cái hông trắng như hông cô giáo Sài Gòn từng gõ guốc tới Nhơn Thành nhiều năm trước. Những sáng gió thốc vào cửa lớp, tà áo cô bay lên để lộ đôi hông mịn như cánh bông sứ. Vài bữa mưa, giữa giờ ra chơi cô giáo để yên cho thằng nhỏ học trò lấy tay bịt chặt lên chỗ áo xẻ tà,

nó nói "để cô khỏi lạnh". Trang nghiêm như đang chạm tay vào tượng thánh. Như buông tay những tinh thể kim cương sẽ chảy mất, hông cô bớt óng ánh đi.

Tuyệt vọng không tìm được cái hông bông sứ nào giống vậy, có lần Út Nữa đòi bỏ đi. Lúc ấy xóm Nhơn Thành cũng vào mùa Chán Chết, như quãng một tháng trước phiên tòa tẻ nhạt.

Chừng hai tháng ròng giữa lúc lúa no đòng đòng cho đến khi lúa chín, dịch chán lây lan đến từng nóc gia trong xóm. Ngoài đồng hết chuyện cho người làm, lúa đã có trời tưới mưa, hong nắng. Những người đàn bà không có chữ "thảnh thơi" trong từ điển cuộc đời, nên chẳng nấu nướng thì may vá, hay nằm lửa ở cữ, bửa củi, vớt bèo. Chỉ đám đàn ông con trai bỗng dưng thấy tháng ngày dài quá, dài đến buồn nôn. Ngâm mình trong rượu bã bọt như hèm, sục sạo giãy nảy trên thân thể đàn bà, cầm cây rượt đánh con cũng thấy không làm sao hết ngày. Cái nhàn hạ làm sức vóc lực điền bứt rứt. Bên Thơm Rơm có ông Tam còn tự đốt nhà mình, ngó lửa liếm rào rào vách lá, tàn đóm tán loạn cho đỡ buồn. Út Nữa nói sẽ bỏ nhà đi, chưa biết đi đâu, nhưng khỏi bị Chán Chết

ăn mòn là được. Bà mẹ ngờ thằng con mình muốn tìm kiếm những cái hông rực rỡ.

Đập Chà Là đứt đôi đêm trước hôm Út Nữa ra đầu lộ đón xe đò. Nước xối vô đồng, lúa ngập lút ngọn. Nhìn vạt đất linh đinh lé đé, bà mẹ cố nén nhẹ nhõm, giả bộ kêu trời ơi xót quá. Đám cua đồng xoi lỗ mội vỡ đập, đã giữ chân thằng con trai ở lại.

Một buổi chiều, Út Nữa đang ngồi đầu cầu đón gái ngang qua để ghẹo chơi thì anh Sa trờ tới, rủ uống một chai cho đỡ sầu. Ờ, uống thì uống, sẵn có mấy trái khế với mắm lòng anh Sa xin cho cô vợ đang cấn bầu thèm chua, và rượu bán ngay bên cầu. Không biết rượu nấu bằng men gì mà uống vô nghe bải hoải. Vậy mà một thằng còn đòi về nửa chừng, hỏi sao không bực bội.

Lời yêu

Nhí quay lại Nhơn Thành, người trong xóm ra trước nhà chờ đón. Mẹ Nhí đi cùng con cả một đoạn đường dài, không biết trên máy bay có khóc, nhưng đến đầu xóm mặt giăng một màn nước mắt, chân bước hụt bước hao. Ai cũng kêu mau quá, đám gả Nhí như mới đây thôi, bữa đó nó còn giòn rụm nói cười, hát “60 năm cuộc đời”, giờ thành tro nguội bụi lạnh.

Nhí lấy chồng đúng đợt mưa dầm tháng Bảy, truyền hình nói ngoài biển có hai cơn áp thấp nhiệt đới đang rượt đuổi nhau. Người trong xóm rũ nước mưa lúc bước qua cổng vòng nguyệt, càm ràm riết rồi cưới gả cũng không chờ nắng cho vui.

Nhưng chờ ngọn chướng đuổi mưa ra khỏi Nhơn Thành thì cũng phải vài ba tháng nữa. Chú rể chỉ được ở lại xứ này tròn tháng. Ba mươi ngày cho tất cả những chuyện từ coi mắt cho đến lễ cưới, từ dòm coi chân Nhí có cong không cho đến da có bị chàm hay nấm mốc không. Làm lễ chào hai họ xong, không kịp thở, chú rể phải bay ngay về nước.

Đi Sài Gòn bữa trước, vài tối sau Nhí dắt chồng tương lai về, sửa soạn đám cưới trong lúc đợi làm giấy tờ hôn thú. Tên chồng mỗi chữ Hi-ếc trên cái thiệp mời viết đổ tháu hệt cua bò trong giỏ. Ai nhận thiệp cũng kêu ui trời mau quá, con nhỏ mới đây còn bưng thau đi dài xóm mượn gạo mà giờ đã lấy chồng rồi. Trong lần rãnh nhớ của người Nhơn Thành chỉ có Nhí kéo tép rong, Nhí vớt bèo, Nhí chạy quắn trước ngọn roi cha mẹ nó, Nhí xin nước mắm thì kèo thêm tóp mỡ. Không có Nhí cô dâu.

Mát trời Nhí kéo Hi-ếc ra đứng trước rào, chờ hàng xóm ngang qua níu lại khoe chồng sắp cưới. Thợ cơ khí, con một, cha mẹ chết hết rồi Nhí khỏi phải làm dâu. Nhà bên đó rộng lắm, có sân vườn. "Coi mặt già chát vậy chớ chưa lấy vợ lần nào", bằng cái giọng như hiểu biết sâu sắc người mình sắp cưới, Nhí quả quyết "thằng chả không điên".

Trên giấy tờ ghi vậy, rõ ràng. Nhưng người ta vẫn thấy con đường Nhí sắp nắm tay thằng Hi-ếc đi cứ lẫn trong những giồng khói đốt đồng mù đặc. Lơ mơ một bầy con gái xếp hàng, đeo số cho người ta coi mắt. Chú rể gật đầu chọn cô Hai Mươi Sáu lấy làm vợ mà không biết nết na con nhỏ ra sao, bếp nhà nó có sạch, cơm nó nấu có ngon. Sau này chồng Nhí nói thích nó cao nhứt đám, bù cho anh chưa đầy thước sáu, hy vọng sinh con cao ráo. Mẹ Nhí hỏi chàng rể bao nhiêu tuổi, nghe xong gật gù "vậy là con lớn hơn mẹ hai tuổi".

Nhí thường kéo bạn bên xóm lại, ngồi đưa chuyện trên rễ cây hoàng thổ mọc gồ bên mé sông, lâu lâu sực nhớ ngó chồng đang tha thẩn cách đó mấy bước chân, Nhí kêu "Hi-ếc! Bà cố nội cha mày!" Mắt anh kia sáng lên bởi thứ ngôn ngữ bí hiểm như phù thủy yểm bùa của một dân tộc

xa lạ. Tưởng Nhí nói yêu mình, miệng anh nhếch cười hệt cỏ mọc trên ruộng nẻ. "Thằng chả mà cười hết cỡ thì mặt dúm như đít dừa khô", chồng sát một bên mà giọng Nhí vẫn cao không chút dè chừng, "Thấy ghê. Đã vậy mà còn gãy hết mấy cái răng. Nhưng tắt đèn, tưởng tượng đang ôm Lương Triều Vỹ thì cũng xong thôi".

Tưởng tượng thì Nhí quá giỏi.

Không chút đất nhét móng tay, nhà gá hờ ven đám lá mé sông, cha mẹ lay lắt gặt mướn làm cỏ thuê, chị em Nhí vẫn có cách đi qua mùa thơ dại khô cằn. Củ chuối luộc hóa bánh mì kẹp thịt quay, áo vá thành áo đầm, vạc tre là giường nệm, chỉ cần rắc chút xíu bột ảo tưởng lên. Giàu tưởng tượng, con Nhí nghèo rã chẳng bao giờ tỏ ra mặc cảm, tủi thân. Mặt nó vẫn ngời mỗi khi qua hàng xóm xin tương tàu về kho quẹt, ai biết được nó nghĩ tới gà xé phay hay vịt rang gừng. Vách nhà thưa lọt gió, không ngăn cản được Nhí tưởng đang ngủ nhà lầu.

Chỉ hôm cưới, đầu đội bông đứng trước cổng vòng nguyệt chụp ảnh, dưới những bó chóp giấy ngùng ngoằng như bị bóp cổ của tháng Ngâu, không biết Nhí nghĩ gì mà rưng nước mắt. Mụ nội

mày Hi-ếc, nó gượng nói với chồng khi ông thợ ảnh kêu hai đứa kém tươi.

Đàn bà Nhơn Thành vẫn thường nói cụt lủn vậy, và nhận lại từ chồng một cú đạp vào bụng, hoặc cái tát cháy má, bị nắm đầu vặt tóc như nhổ mạ. Chỉ chồng Nhí là hí hửng cười khoái chí, mỗi khi vợ buông lời hờn giận cuộc đời. Không biết tiếng nhau hay ở chỗ đó.

Nên lời yêu vẫn vang trong ngôi nhà nhỏ xóm núi Pusan, nơi Nhí-đàn-bà sống trong hai năm rưỡi. Những buổi tối anh chồng tài tử xi nê nồng rượu gạo trở về, đôi lúc dịu dàng nựng nó bằng mấy cú thoi. Quê chồng mà Nhí gửi về qua những cuộc gọi, không phân biệt được đâu là thực đâu là tưởng. Làng đầy hoa và bướm bay, bữa tối thơm phức thịt nướng, ăn xong nó ngồi giũa móng tay ngó anh chồng đang rửa chén kêu "nhẹ tay thôi, bà cố nội mẹ mày, Hi-ếc". Chồng cười toe kêu cưng nói nữa đi. Hi-ếc, mồ tổ cha mày.

Thiên đường được dệt lại qua đôi môi mẹ Nhí vừa xăm đỏ màu như cháy, trong tiếng vòng vàng xủng xẻng cổ tay bà, và tiếng mấy anh giao tủ lạnh, ti vi ghé dọc đường hỏi thăm nhà Nhí, tiếng mấy đứa em nó mở dàn máy ca rền cuối xóm làm

Nhơn Thành rạo rực. Tụi con gái trong xóm rủ nhau đi tìm những anh Hi-ếc khác. Ngay cả Nhí, người ra đi đầu tiên đã trở về, trong giỏ mẹ. Bà vẫn băn khoăn con nhỏ bốn mươi bảy ký, giờ sao chỉ còn vài nắm, không biết người ta có đốt sót mẩu nào không.

Giây phút bị chồng nắm tóc dìm đầu vào bồn tắm đầy nước cho đến lúc thôi sủi tăm, Nhí có nghĩ mình đang lặn vào sông Muống như hồi nhỏ đua với bạn coi ai nhịn thở lâu, hay ngắm san hô vịnh Nha Trang, không ai biết.

Nghe cảnh sát kể lúc còng tay Hi-ếc, anh ngọng nghịu xổ những lời (tưởng đâu) yêu thương học lóm tiếng nước vợ. Tổ cha mày, Nhí. Tao say quá nên lỡ tay thôi. Tao xin lỗi Nhí ơi, mụ nội mày.

Đất

Chiêm bao thấy lại cảnh trần trụi đứng trước họ. Trong âm thanh hàng nút áo đứt phựt, thấy bơ vơ.

Cảnh trong mơ bao giờ cũng bắt đầu bằng những con bò cạp khổng lồ khẳm lừ nọc độc, đuôi cong lên đi giật lùi về phía đất nhà. Bầu trời thẳng căng, một nút áo va vào làm vết nứt rạn nhanh

đến vô tận. Lúc ấy sợ những mảnh vỡ sắc nhọn ấy găm vào đầu hơn là lũ bò cạp. Hình dung đỉnh đầu dính cứng những mảnh trời trong vắt, không biết gội kiểu nào để khỏi chảy máu. Lôi thôi đâu chỉ vậy, nếu ra nắng, vài mảnh trời ấy bắt sáng, dẫn cái dòng ánh sáng chảy tuôn xuống óc. Tắt đèn, nhắm mắt rồi mà ánh sáng vẫn chan ngập trong đầu thì ngủ sao đây.

Suốt giấc mơ, cứ trần truồng đứng thõng ra nín thở trong nỗi sợ trời bong vỡ. Mặc kệ tụi bò cạp sắp chạm đuôi vào bầu vú, thể nào cũng có một tiếng rền làm bọn chúng cũng nổ tung, văng mớ nọc độc bầy nhầy. Và rồi tỉnh dậy, hơi buồn một chút bởi ý nghĩ chiêm bao dạo này vắng vẻ quá, không có người trong đó cho vui.

Buổi trưa cứ oằn mãi mà không chịu nguội. Muốn kêu tên ai đó mà không nghĩ ra. Trưa tức như chứa đầy oan khuất.

Khum tay che mắt nhìn ra ngoài, nghĩ bây giờ chắc tháng Hai, chỉ quãng đó mới có thứ nắng thẳng căng như vầy. Mặt trời chỉ treo trên vạt đất nhà năm tiếng đồng hồ mỗi ngày, nhưng đủ làm nên cơn say nắng. Những con vật không dậy nổi. Ở ba góc đất còn lại, cũng không nghe tiếng động nào.

Nắng gì mà đến nỗi linh hồn cũng cong quéo.

Họ, nóng bức vầy chắc chẳng tới đâu.

Cha nói, không phải giờ đã tháng Sáu sao, hình như bữa trước có mưa mà. Nắng đỏ bầm kiểu này là hạn bà chằn, thứ nắng quạu quọ giữa hai đợt mưa dài. Đàn bà trong nhà hay đem mền mùng ra phơi ngoài rào cho đỡ ẩm mốc. Vẫn còn trong cữ giáp hạt, người nghèo trong xóm thường tới nhà mượn gạo. Đám gòn dưới bến ra lá râm ran, sót vài trái điếc câm cứ treo mình giữa trời như hóa thạch. Lúa rày ngoi lên mảnh sân vừa khô mặt sau những ngày mưa dầm. Mé sông, bông súng ma sau một đêm bất ngờ điểm những cái lá tím nhạt lên mặt nước.

Tháng Sáu có đám giỗ nữa, Hai nhắc, sau mỗi cú nhún làm nên cơn mưa lá me, "có đám giỗ có một đám giỗ". Tròng mắt anh đảo một vòng tròn, chực rơi. Anh giỡn kiểu nào cũng có duyên, lúc quàng chân quấn lên cổ ngo ngoe như nhện, lúc treo người ngược nhánh me, hai tay giữ lấy đầu như sợ nó rớt rời.

Cố giở từng nếp gấp ký ức đã mục bở, mà không nghĩ ra được đám giỗ ai. Như khi không nhớ nổi bây giờ là tháng mấy, mùa nào. Dân làm

ruộng không nắm bắt được thời tiết thì hết xài. Cha rầu rầu ngó quanh những tòa lầu đã vây kín, nói tới chừng họ kéo vô lấy đất, có khi chúng ta còn không nhớ được tên mình.

Biết họ có quay lại không?



Bà nội một mình canh chừng ở góc Đông. Phủ lên chỗ bà là cái bóng khổng lồ của tòa nhà Thiên Đường. Nắng ít vói tới, nên bà vẫn hay kêu tao bị đóng rêu đóng mốc. Hồi đầu còn ngại, bà loay hoay chịu đựng, sau kệ, ngứa đâu gãi đó. Mà ghẻ ngứa toàn mọc mấy chỗ ngặt.

Cha nhiều lần nói họ không tới bằng đường này đâu, nhà lầu cao quá, sao xuống được. Họ xây cất xung quanh, chỉ chừa lại cái lõm đất, nhìn trên cao như một vực thẳm không người. Bà nội săm soi cái mài ghẻ mới gỡ, bảo, "chưa chắc".

Câu cửa miệng của bà luôn gói trong hai chữ đẫm mùi nghi ngại.

Cải cách điền địa, ai cũng nói trong nhà có người làm xã trưởng, thể nào cũng giữ được đất,

bà nội bứt dứt đầu tóc mượn, "chưa chắc", như thấy trước thể nào cũng phải cắt đất cho dân nghèo trong xóm, lúa cháy trụi đồng và ông nội vét mớ vàng còn lại trong nhà đi Nam Vang hú hí. Dạo gần tết con khỉ bom đạn thưa, người Nhơn Thành hơi mừng nói có khi sắp ngưng chiến. Bà nội trả lời, "chưa chắc", rồi sai con cái xách vá đào thêm cái hầm. Tết đó đụng nhau rát nhất, đổ máu nhiều nhất. Lúa trổ đòng đòng chưa chắc, nhưng đổ vô bồ cũng chắc gì, chỉ trận pháo qua là tro bụi. Bầy con lấy vợ gả chồng bà nội chỉ chúc phúc mỗi câu "ráng ăn ở được tới đâu hay tới đó!".

Ông nội cười hề hề, "kệ bả", mỗi khi ai đó khó chịu vì cái kiểu sống ngờ của vợ. Nhưng lúc ông nội sắp lìa đời, cái triết lý CHẮC GÌ áp vào ông vừa vặn, khi bà nội bảo trong bầy con năm đứa bà rứt ruột đẻ ra, có một không phải con ông.

Ông nội mếu máo nói từ giờ con đàn bà tàn ác đó không được ở gần tao, kể cả lúc tao chết rồi. Đám con không hiểu sao bà mẹ lại bị nhiếc ác, đúng ra phải là mất nết hư thân. Ông nội không giải thích. Cái tối một mình bà bước vô căn buồng nồng nặc mùi thuốc Nam và dầu gió, bà nội đã với lấy cây đèn dí vào mặt chồng và nói, biết không,

thằng Hai, thằng nhỏ ông cưng nhứt đó, nó không phải con ông. Nhìn ông chết sững, bà nhoẻn cười, rồi tắt đèn, để lại ông chồng lịm đi vì cái bụng xơ chướng cao vượt mặt và nỗi bẽ bàng bục vỡ.



Mỗi ngày mặt trời chỉ ở lại vạt đất năm tiếng đồng hồ. Không liu riu nhóm lên cũng không nguội dần, nó đột ngột đến và đi, quạu quọ.

Họ lấy hết nắng sớm mai của mình, bà nội cằn nhằn, cướp đất không được thì cướp nắng, cũng độc địa như thường. Chiều ngó về tây, chỉ thấy đỉnh tòa nhà. Lâu rồi không được ngó những bầy cò ám khói bay qua cái nia đỏ lựng đang dần lún xuống bìa trời. Cảnh mặt trời lặn trong hồi nhớ buồn và kỳ vĩ, ảnh hình biến hóa của giồng mây không bữa nào giống bữa nào.

Ngày của những nắng xưa chưa bị xén đầu xén đít, sáng sớm bà Huế Mười đứng trước rào kêu vói vô "trả thằng Đực lại cho tôi". Chờ người trong nhà nói vọng ra, "có ai thèm mượn đâu", bà già bỏ sang đòi con nhà khác. Mẹ nói từ về làm dâu

Nhơn Thành đã thấy Huế Mười đi dài xóm tìm con, miệng cắm cẳn "mượn con người ta lâu vậy mà không chịu trả, ác quá". Chưa ai từng nhìn thấy đứa trẻ đó, nhưng bà làm người ta tin là có. Biết đâu nó chết đẹn hồi còn ẵm ngửa, biến mất sau trận bom vùi, hoặc lạc mất sau mấy bận tản cư. Cuộc đòi người da diết đến nỗi tụi nhỏ trong xóm ít nhất một lần tự hỏi, biết đâu mình là đứa con của bà điên không tuổi.

Mở ngày ra bằng tiếng gọi con, bà Huế Mười bỏ qua bên sông. Ngày ở Nhơn Thành cứ toang hoác vậy, cho đến khi anh Bảy Cụt khép lại. Treo lúc lỉu nửa người trên đôi nạng, anh chửi xói vào từng nóc gia. Hồi đầu lũ chó còn sủa xé màng tang, sau vẫy đuôi mừng. Nhà này nhà Tư Hường nè, tổ mẹ nó, lúc mình bị sốt rét vàng mắt trong rừng thì nó lấy thằng chồng thứ ba. Nhà Mười Bốn đây, ba đứa con gái kéo nhau ra chợ làm đĩ hết, vậy mà khoe dóc tụi nó học uốn tóc học may, nằm dài cho đàn ông may thì có. Ờ, cái nhà rộng rinh này là của Ba Giàu, con vợ nhỏ nên đất giăng giăng mà không biết cười.

Đêm rùng mình theo chiếc nạng soi lỗ trên đường đất, những tăm tối, khuất lấp, lỡ lầm (mà

người ta không tiện nói ra, hoặc chỉ nói thì thầm) phơi trần trên miệng anh cựu binh về từ tây biên giới. Họ quên tao, tụi bây cũng quên tao luôn, cũng đi bắn nhau mà sao kẻ anh hùng kẻ sình bùn, mấy chữ nức nở đó luôn làm người Nhơn Thành thở phào: Bảy Cụt đã về tới căn chòi của mình, sắp nằm trần ngủ phơi trên bộ vạc.

Khuya nào cũng gỡ mài cho sẹo xóm tươi máu, người ta không còn nhớ Bảy Cụt đã từng mười chín tuổi, ngồi trên xe quân sự vẫy tay, cười ngời nắng. Thằng nhỏ ấy không bao giờ trở về.

Nhớ lại, xóm Nhơn Thành chỉ thấy dễ chịu lúc xế trưa. Lúc võng đưa, gà kêu ổ, trẻ con thiếp ngủ trên giường. Những người thiến heo, vá xoong vá dép, bán cao đơn hoàn tán ghé đụt nắng, đặt đít ngồi trên những hàng ba đã bày sẵn bộ bình trà, mỗi người đều đem theo thế giới. Họ cứu rỗi xó quê bởi những chuyện của chân trời, không cách nào xác nhận thực hư. Đâu đó họ ngâm thai nhi dị dạng trong hủ, rồi bán vé cho người ta coi. Một bà già chín mươi lên xe hoa với chú rể mười chín tuổi. Bên Cống Đá, nhà kia bị ếm bùa Chà, năm nào cũng có người chết vì chảy máu không cầm được. Phía Cầu Đôi có thằng vác dao rượt chém mẹ,

bị trời trồng chết sững, phải xây luôn mả đứng. Một bữa nghe họ kể chuyện người Pháp vừa xử bắn mấy ông làm quốc sự, cố Lem mới hay thân xác chồng mình đang gục đầu trên cọc. Chính là cái ông tỉnh bơ dặn xạ thủ, bắn thì bắn lẹ giùm cái.

Cũng trên đôi gánh, hay chiếc bị bàng, họ đem chuyện Nhơn Thành đi xứ khác. Không làm sao cản được chuyện nhà mình lê la những xóm quê nào. Cảnh mấy đứa con gái khỏa thân cản họ tràn vô đám ruộng lang thang rất lâu trên những đôi môi. Và vẫn làm nên những cái rùng mình, chuyện thằng người tự húc đầu vô xe ủi, hộp sọ mở toang.



Đêm cũng không dễ chịu. Những tòa nhà lên đèn, hàng trăm ô cửa hắt sáng, cái vùng trời rực lên đó làm em tức ngực. Cảm giác mình đang ở sau lưng, ở ngoài rìa ánh sáng, như hồi con nít thường hơi bực bội khi đám hát về bên sông, đèn của họ hắt đến giữa dòng rồi thôi, thứ ánh sáng mình không cách nào với tới.

Chỉ khi mờ sáng, trời vãi gió cho tụi bù nhìn trùng trình tay vẫy, vạt đồng sống động lên. Nhìn phía nào cũng như có người. Ở xa ngó lại, chắc họ nghĩ người nhà em còn đông. Hồi dựng chúng, em chỉ muốn nhìn quanh đỡ quạnh.

Chiêm bao thấy anh Tư nói mày đâu có thương tao.

Vía phân bua, có đâu, em nhớ anh mà. Nhớ lần băng qua vũng trâu bẻ trái ô môi, bị đỉa đeo đùi, bứt kiểu nào con vật hút máu cũng không buông. Phun nước bọt lên hai ngón tay, anh bôi lên chỗ miệng đỉa đói đang háo hức, cái thứ gớm giếc rùng mình rơi xuống. Lưng ánh những vằn xanh gờn gợn. Lấy tay bịt chỗ đỉa đeo, anh giữ ở đó cho đến khi thôi chảy máu, không hiểu sao lại thở hổn hển. Cái hôm lỡ tay nhồi bột, nhờ anh buộc lại tóc, cũng kiểu thở này suýt cháy gáy em. Không biết cơ thể anh đang nhộn nhạo, em còn vô tư bảo "xong rồi gãi lưng giùm cái".

- Mày đâu có thèm ôm tao. Toàn ôm Hai.

Anh nói, rồi bỏ đi mất hút phần rìa của chiêm bao. Giống như hồi nào, bao giờ kết thúc một trò đùa tai quái, nhìn con em gái chùi nước mắt, anh đều tiu nghỉu, "mầy đâu có thương tao". Như thể

anh bỏ rắn vô giày em, lừa em uống nước chứa trong lu có chuột chết, thắt khăn vào cổ em kéo lê đi, chỉ vì cái ý nghĩ kỳ cục đó.

Anh Tư bỏ nhà đi hồi nào, không nhớ. Người cứ lác đác mà đi, lúc ngoảnh lại nhà vắng ngắt. Hình như Tư có rủ em theo, rồi đùng đùng nổi quạu "mày đâu có thương tao", khi em ngó quanh nói, chiều nay hết cỏ ngọt cho Hai ăn rồi, có khi phải qua sông cắt. Tư biết đó, anh Hai đâu có ăn gì ngoài cỏ ngọt, uống nước mương. Hai cần có chỗ để dẫn tụi nhỏ đi diễu hành, ở ngoài chợ đông người, nhìn thấy cảnh đó người ta cười chết.

Và khi sắp xếp những mảnh vụn của anh Hai trên vạt đất còn hằn vết xích xe san ủi họ để lại, em biết mình không bao giờ ra khỏi mảnh đất này.



Buổi sáng ấy chắc còn được giữ trong những tờ báo cũ.

Vào quãng giằng co nhất, ngày nào cũng có người của những tòa báo đến thăm. Hình cha trên báo nào cũng hốc hác, khờ căm, nói tụi tôi

không cần tiền bồi thường, chỉ muốn giữ miếng đất hương hỏa.

- Họ không quên mình đâu.

- Chưa chắc.

- Cái ông cầm giấy thu hồi đất, có khi chết queo rồi.

- Bụng ổng bự chảng.

- Ổng nói không nhà nào lì như nhà mình, cả xóm nhận tiền đền bù đời thuở nào rồi, mà ở đây còn đôi co.

Vẫn không sao nhớ ra gương mặt người nói câu ấy, họ cứ nhòe lẫn vào nhau. Cảm giác gì đó như là nuốc tiếc: họ không quay lại nữa. Dù bà nội nói chưa chắc, và mọi người vẫn chia nhau từng góc đất ngó chừng.

Những ngày dày mây, trời dính cứng vào cột chống sét trên nóc cao ốc, gió như bị nhốt. Không khí bí như nhốt trong một nhà tù. Không lối ra nào giữa vách sau của những tòa nhà chi chít ô cửa chớp. Vạt đất đã bị bỏ quên hoặc họ giả đò như đã quên. Như người ta vẫn làm trẻ con khóc rộ khi vờ bỏ quên chúng lại lúc ra khỏi nhà. Quên là một kiểu trừng phạt, sau dọa nạt.

Có khi không kìm được ý nghĩ, họ là thể loại xa lạ với mình. Nhưng chỉ nghĩ thôi cũng không phải với bà nội. Thuộc về họ có con trai bà. Vách nhà từng treo hình người đàn ông trẻ măng mặc quân phục vẫy tay trên bục mít tinh, nhưng sau đám tang ông nội, chúng đã bị đem úp vào đáy tủ.

Lần gần nhất người trong ảnh về đúng mùa gặt, trời đang nắng thì trở mặt, mưa xuống khi lúa phơi ngoài sân chưa kịp cào đậy. Người và lúa ướt ngoi. Nghe tiếng vỏ lãi cặp mé sông, một người cầm máy quay đi giật lùi lên nhà, sau đó là bác Hai Sang sải bước dưới tán dù che mưa, sau đuôi là một đoàn người nghiêm nghị.

Bà nội vắt nước chiếc khăn rằn quấn đầu, nheo mắt hỏi "Sao quỡn mà ghé chơi vậy?", rồi hết sức lịch sự kêu "vô nhà, uống miếng trà". Như một người bà con bên xóm mới qua, như không phải cuộc gặp của người mẹ với đứa con từng được cưng nhất nhà, từng được công kênh trên vai coi chiếu bóng hết đêm này đến đêm khác. Bà nội cứ để nguyên cái quần xà lỏn rỏ nước rót trà mời khách, hỏi "mạnh giỏi chớ?" Bầy trẻ cắt bánh tét bưng ra. Ông con hỏi ủa có đám giỗ sao? Nội khủng khỉnh trả lời, "hôm qua cúng cơm tía chồng tôi".

Cảnh ấy hôm sau được chiếu trên truyền hình, giọng phát thanh viên nhấn chìm cuộc gặp vào câm lặng. Thấy rõ vũng nước dưới chỗ bà nội ngồi, và Hai Sang bước ra sân, cắn mấy hạt lúa, gật gù. Mười ba năm trước, cũng ngay mùa gặt, thằng con cuốn đồ đi, nói "tui với má khác xa lý tưởng".

Má con chắc không nghỉ chơi lâu vì cái lý tưởng chẳng biết tròn méo ra làm sao, người trong nhà từng hy vọng vậy, nhưng sau lần đó Hai Sang không bao giờ quay về Nhơn Thành, cũng thôi ngồi trên truyền hình nói những chuyện chẳng ăn nhập gì với dân làm ruộng. Những lá đơn ẩn danh rải đi trước kỳ bầu cử, méc ông là con rơi của sĩ quan trào cũ. Gã trung úy trên tàu sắt thường ghé qua chòi vó bà nội đổi dầu lấy cá, tôm. Quãng ông nội quấn miết mấy cô vợ nhỏ trên nhà, bà nội có bữa thả sông ngâm mình cả đêm. Ông trung úy vớt bà lên, đôi tay khét thuốc lá lau khô người bà, rồi nói, có muốn mượn tôi để trả hận không? Lợi dụng tôi đi, không sao đâu, tôi còn mang ơn nữa, lợi dụng bao nhiêu cũng được, tôi thích vậy.

Câu chuyện về người con đầu lòng nhà nội chỉ còn lảng vảng trong những bữa nhậu đông người.

Thằng nhỏ Sang đó được cưng như trứng mỏng, toàn ngủ trên tay tía nó. Con nít xóm này chỉ riêng nó không khét nắng, mười mấy tuổi đầu da thịt vẫn thơm, đầu vuốt dầu dừa mướt rượt. "Chuyện đồng áng khỏi rớ tới, lo học thôi", ông già dặn vậy, lúc nhét xấp tiền vô túi thằng con đang bước lên xe lam ra chợ học.

Có lần đám trẻ trong xóm vạch đầu gối đếm coi ai nhiều sẹo nhất, Hai Sang không có cái nào. Tư Bèo giữ trâu đầu gối nát nhừ, bốn mươi hai năm sau khi gặp lại thằng bạn trên đê, lúc Hai Sang nói chúng ta phải tính coi trồng cây gì nuôi con gì cho nông thôn khởi sắc, ông Tư bập điếu thuốc gò bằng ngón tay cái, kêu lớn, "Nuôi con c(ặc)! Đầu gối trơn lùi thì biết gì chuyện mùa màng của tụi này".

Câu nói sỗ sàng của ông Tư lại vang trong đầu em vài lần đứng ở đầu lộ Gòn nhìn đoàn xe công vụ cuộn qua. Những người đang giấu mặt trong xe chắc chẳng bao giờ chộn rộn nhìn cái măng tre háu hơi nước trồi lên sau cơn mưa báo hiệu một mùa lúa mới. Không chóng mặt bởi cái nắng đỏ ối giữa đợt hạn bà chằn đang làm rụi mớ lúa sạ mới lên ngọn chừng gang tay. Không cuộn ruột

khi thương lái xách giỏ thờ ơ đi qua sân phơi ngùn ngụn lúa.

Vào buổi sáng bầy xe ủi kéo tới chà đi xát lại đám lúa no đòng đòng, họ không nghĩ rằng lúa đang chửa. Những thứ đang thai nghén đều đáng được sống, ít nhất cho tới lúc sinh nở xong.

Họ không bao giờ biết được tại sao sáng ấy tụi em phát khùng.



Đi tắt qua vườn ra chỗ mẹ chỉ vì nhớ được món canh cá lóc nấu lá me non. Cái vị chua thanh, và lớp thịt trong veo của cá non tháng Sáu lan dần đầu lưỡi, cổ họng. Mẹ kỳ cọ xương quai xanh, không ngước lên, nói phải nêm thêm ít rau tần dày lá, mới thiệt thơm. Không có lá me thì luộc cá với cơm mẻ, nước mắm phải dầm chút ớt, em bảo. Hay kho quẹt, rắc tiêu xé lưỡi ăn kèm với chuối xiêm chín, cũng qua bữa mưa dầm. Những con cá mềm tựa cổ tay trẻ nít, vừa vượt qua cuộc sinh tồn khốc liệt với bầy đàn, thịt phảng phất mùi mạ và mùi nước mưa.

Nước mưa cuối mùa thơm hơn nhiều, mẹ nói, mà lại không chát như mưa tháng Sáu. Nắm lá ổi trên tay bà chà miết lên hõm cổ đã tươm máu. Vài chỗ thịt đã mọng lên, mẹ nói chưa sạch đâu, còn lâu.

Câu đó cũng có nghĩa mẹ vẫn tanh, đừng tới gần. Không quay đầu, mẹ vẫn biết em lén nhích lại từ phía sau lưng. Không nhớ nổi bao lâu rồi không được dựa vào mẹ. Làm sao leo được qua cái rào "Đừng, mẹ tanh"?

Sau chuyến đem đơn cầu cứu ở thủ đô về, mẹ chỉ để anh Hai tới gần, chắc nghĩ anh ôm ấp được chuột nhắt, heo con thì sẽ chịu được mùi tanh của mình. Tránh xa gian bếp đã mấy chục năm hong khói tóc, mẹ sợ cái tanh đâu đó trên người sẽ ám tới thức ăn. Ngồi nép ở góc nhà hay đầu thềm, mẹ kỳ cọ không thèm ngủ, miết đến rách da. Không ai biết được đã xảy ra chuyện gì trong chuyến đi, hỏi thì mẹ chỉ lầm lì chà xát.

Khi đó cả nhà hơi sợ khi thấy mùa hạn bắt đầu, mẹ sẽ không còn được đứng ngửa mặt giữa sân cho mưa xối lên tóc lên người. Chỉ tắm mưa mẹ mới tin mình đã sạch, chịu thiếp ngủ một chút. Mưa của mẹ không chỉ là thứ nước trời chan xuống

ruộng vườn người ta hứng lấy pha trà nấu cơm. Những cơn mưa có mùi vị không giống nhau, mẹ nói, không tin thì lè lưỡi ra nếm thử, mưa sáng thơm mùi bông khế chớ đâu có chát đọt cau như mưa bữa qua.

Vậy nên mẹ bước vào những mùa khô đầy thất vọng, khi trầm mình ở trong hai mươi ba lu nước bên hè, và nhận ra chúng chỉ có một mùi lá mục.

Giờ nước trong lu cũng cạn. Trời trong ngằn ngặt, mẹ làm sạch thân thể bằng những thứ lá có mùi thơm, của xoài, sả, ổi. Mùi lá gợi nhớ tới một món ăn đồng ruộng đầu mưa nào đó mà em không nhớ nổi. Muốn gạ chuyện để mẹ lơi tay kỳ cọ, muốn thổi cho da mẹ bớt rát xót, rốt cuộc chỉ nói nổi một câu “mẹ nghĩ coi, họ có tới nữa không?”

Họ mà tới lúc này, nhìn thấy máu ứa khắp người mẹ chắc sợ. Như hôm ngó anh Hai giãy tê tê, họ đã gần như bỏ chạy.



Con vật nằm gác đầu lên gốc dừa, những nhánh xương sườn rụng ra đất. Bầy kiến đã tận thu thịt da,

đến nỗi mẩu xương nào cũng sạch bong. Đó là hình ảnh cuối cùng của con chó cuối cùng. Không ai hay nó chết, vì lâu rồi con chó không sủa nữa. Bởi trăng gió chẳng còn kỳ diệu, và vạt đất vắng tanh chẳng có người lạ tới lui. Lâu lâu người sống trên đỉnh tòa nhà ném xuống vài món đồ cũ, hay túi rác, con chó sủa lăng líu, ngọng nghịu. Như con người lâu không nói, giọng cứng đờ tựa lưỡi hóa thành củi khô.

Giờ tiếng chó cũng tắt. Bươi đất vùi đống xương con vật, nghĩ xứ Nhơn Thành thôi xong rồi. Tàn tạ ngay từ hồi mấy nhà nghèo cầm cố sạch miếng đất mình sở hữu chưa được bao lâu, tiếp tục nhậu nửa ngày, nửa ngày đi đào mương mướn. Hay lúc ông già Tư Bèo bên xóm cháy cùng đống lúa ngùn ngụn ngoài sân. Năm đó lúa rẻ đến nỗi gần như cho không, nhưng thương lái vẫn khủng khỉnh đi luôn, mặt hất lên trời, không quay mũi tam bản lại. Người ta tính chục giạ lúa chỉ bằng giá tô hủ tiếu, hai chục giạ mới đổi được một ký trà. Ông già nghĩ tới đống nợ mua chịu phân bón, thuốc trừ sâu, công cấy công cày, ngồi nhậu tù tì. Lúc châm dầu lửa mồi đốt đống lúa đã khô, chắc buồn tình ông bước luôn vào lửa, hay xỉn quá

té vô, không biết. Nhưng nhìn tư thế, nghĩ ông không giãy giụa.

Người ta hay được thì đám lửa khét tanh. Ông già không cháy hết, nhưng lửa đã kịp bôi xóa mọi sẹo vết của người nông dân cả đời vật lộn với đất đai, trừ bàn tay bị tháo khớp do kẹt vào cánh quạt máy suốt.

Những dấu hiệu mà tàn rụi gửi lại, còn có nắm tro của Nhí, cô gái đầu tiên trong xóm lấy ông chồng Đại Hàn, bị chính chồng dìm trong bồn tắm. Hay thằng con trai bên sông đâm bạn chí mạng trong bữa nhậu chỉ vì cuộc sống buồn tẻ nhà quê. Vài đứa thanh niên còn lại bán đất mua xe, một bữa thân xác tuổi hai mươi tế cột đèn sau cú va chạm rợn người. Và những người mùa trước còn ra ruộng, giờ ngồi đánh bài, trong lúc chờ nhận tiền bồi thường đất để mua sắm đã đời. Trong những sòng nhậu được chụm lên từ sáng sớm, nhiều lần tự hỏi nhau không hiểu sao nhà Ba Giàu ôm khư khư miếng đất, làm nông dân thì có sướng mẹ gì.

Thì cũng có lần nghĩ phải đi, tìm một mảnh đất khác để ăn nằm với mùa màng, nhưng bà nội nói, rồi đám nhỏ về thì biết đâu mà tìm.



Một tuần sau khi người ta đổi cờ trên nóc đồn Nhơn Thành, bà nội nấu bữa cơm mừng ngưng bom đạn. Hai mâm dọn dài trên bộ ván giữa nhà, linh đình như đám giỗ. Cơm này nấu đãi đằng con cháu tay chân lành lặn trở về, không phải dành riêng cho người thua kẻ thắng nào, nội nói với mấy ông con đang nằm lắc võng, hút thuốc gò.

Nhưng cái mùi thuốc súng trộn trong máu khô và tóc cháy vẫn lởn vởn trong bữa cơm, nhất là chú Tèo Anh bên sông bơi xuồng qua, trật lưng quần chìa cái thẹo rúm lại bằng nắm tay hỏi Hai Sang, "Ê, nhớ cái thẹo này không mậy?

- Sao quên được. Tôi đâm chớ ai.

- Dì Ba nghe rồi đó - Tèo Anh kêu vói ra sau bếp - Thằng Sang nó nhận đâm tôi rồi nghen. Trước giờ dì toàn bênh nó.

Giọng chú chói như cái bữa bỏ dở cuộc càn, nằm trên cáng thương áo quần bê bết máu, tay vịn cái tô úp vô chỗ thủng cho ruột khỏi vọt ra, dừng trước nhà kêu, "bớ bà Ba Quyên thằng quý tử

của bà đâm bể bụng tôi, anh em bạn dì ruột mà chơi vậy mà coi được?" Bà nội xé cái áo may bằng lãnh Mỹ A ra để buộc ngang bụng thằng cháu, một người cáng thương phân trần, "nó không chịu băng, để về nằm vạ với dì". Tự thấy giọng đã đủ quả quyết, bà nội nói, "không phải thằng Sang đâu, nó ở miết trong rừng, đâu mà ra tận Giồng Cỏ Xước đụng bây". Nhưng chú Tèo Anh khăng khăng nói thằng Sang chớ ai, nó bật nắp hầm dọt lên, trắng như cục bột. Bà nội nghe tiếng mình đuối dần về cuối.

- Ờ, có khi thằng nhỏ quýnh quá đâm lầm.

Nhưng cuộc nhậu mừng chiến tranh sực tạnh, Hai Sang nói khi đó súng mình hết đạn, trong tay chỉ có cây dao mác, và tính trước sẽ đâm vào bụng Tèo Anh. Quãng đường từ cái hầm dưới bụi tre chạy tới mé kinh là mười hai bước, cái hỗn loạn của một người đổ xuống sẽ được tận dụng để chạy thoát.

- Sao lại nhắm vô thằng anh mày?

- Thì anh đứng gần miệng hầm nhất. Và còn chỉa súng phía tôi.

- Biết là mày thì tao đâu bắn.

- Tụi đi cùng sẽ bắn. Chiến tranh mà. Nhưng anh có chết đâu sao cằn nhằn nhức xương quá.

Chú Tèo Anh gãi gãi cái sẹo, cười. Ờ hén, phải tay người khác, có khi họ đâm xoáy ngay tim, đâu chỉ gây vết thương hú họa vu vơ như vầy.

Buổi đổi cờ như dấu chấm xuống dòng. Sau cái trống trải im ắng của khoảng trắng, chiến tranh lại miết lên giấy câu chuyện đắng cay dai nhách của nó. Hết lửa ngọn nhưng không biết chừng nào mới than mới chịu nguội đây, bà nội rên rẩm trong bụng, khua đũa leng keng miệng chén, kêu tụi bây ăn đi, cháo vịt nguội ngơ đông mỡ rồi kìa.

Hồi còn bắn nhau, có hai thằng con trong bầy đi theo hai phía chiến tuyến, bà nội dặn cả nhà không được nghiêng theo bên nào, "Dân làm ruộng thì cắm đầu làm ruộng thôi, cảm tình riêng thì để bụng chớ nói ra". Nhưng ông nội công khai chở lúa, gởi tiền vô rừng cho thằng con lớn, bà không can. Thằng em hay được, nói tỉnh queo, "có sao đâu, tía cưng anh Hai nào giờ ai cũng biết", rồi lắc võng ngủ khò.

Đứa vắng mặt thì chỉ cái tên đi lại trên môi người ở lại. Thỉnh thoảng nhận được thơ viết tay,

nó không xin áo mới thì cũng pin đèn, dầu. Lá thơ nào cũng bắt đầu bằng "Con tin thắng lợi đang tới gần rồi", và lấy "tía má có khỏe không?" làm kết thúc. Bà nội cứ lộn lá thơ hy vọng có dòng nào bí mật rơi ra, một câu hay một chữ hỏi tới chứng phong thấp của bà.

Đứa ở gần ngày nào cũng đảo qua nhà lục cơm cháy. Mùi rượu cuối chiều, tóc tai phủ gáy kêu hoài không chịu cắt, nửa đêm huýt sáo chọc chó sủa dậy, có cái áo mặc hoài hôi xì mà không chịu thay. Sự sống động đó, tùy tiện đó, bừa bãi đó khuấy động bà mẹ, khiến lòng bà trùng trình. Thương lén, thương bằng mắt, bằng cái điệu bộ đuổi xua, "cơm chánh phủ đâu sao không ăn, lảng vảng chi trong bếp dân thường".

Sau cuộc bãi khóa, ông anh lớn bỏ học vào rừng, chú Quý cũng trở về Nhơn Thành, vét sạch hai bồ lúa mua chức xã trưởng. Ngày nào tân xã trưởng cũng ngồi trước hàng ba lau khẩu súng mới được cấp. Một tay ôm con gà nòi chiến, tay kia xỏ vô túi quần tây, xã trưởng thả tà tà dài xóm, lâu lâu thò đầu vô nhà ai đó hỏi, "Có nuôi chứa ai trong nhà không, thím hai?" Chẳng ai dại gì nói có, nhưng xã trưởng hết sức hài lòng,

"Không hả? Ờ được". Rồi huýt sáo bỏ đi, những nốt nhạc của bài "nét buồn cuộc chiến" cứ rơi đằng sau gót. Bài hát như nhạc hiệu của xã trưởng, chưa thấy bóng Tư Quý đâu người ta đã nghe rười rượi "mắt em buồn cuộc chiến quê hương, tóc em buồn màu hỏa châu vương, từng đêm nghe súng nổ, con tim mình tan vỡ..."

Thằng con xã trưởng ở đầu gánh, cân bằng với một thằng con khác ở trong rừng, bà nội giữ tư thế người ở giữa, kệ chiến cuộc có nghiêng về bên nào. Nhưng tình thương của bà nội đối với đám con thì khó lòng rạch ròi thế ở giữa. Như bữa mừng dứt chiến tranh, ăn uống xong lôi bộ bài tây ra đánh chơi, thấy chú Tư Quý thua xiểng liểng, bà nội lén dúi cho mấy chục cắc. Với mớ vốn đó chú Tư lội ngược dòng, vét sạch túi mấy ông anh. Tàn cuộc, chú phủi đít quần hốt vốc tiền bỏ vô túi người anh họ cũng vừa nộp súng xong.

- Đem về mua gạo cho sắp nhỏ, tụi mình phải đi xa dài ngày mà.

Người đàn ông nhẹ nhõm với thắng thua ấy, ngày về thành con người khác. Cả tiếng đũa khua, hôm đầu tiên chú về, cũng rón rén, phập phồng.

Cái thằng nhỏ ung dung, hay phẩy tay phớt đời của mình đâu rồi, bà nội nghĩ vậy lúc thắp cây đèn ngồi kế bên, gắp cá bống kho tiêu bỏ vào chén nó.

Một bữa sớm, Tư Quý đổ dầu máy cày, rồi lái thẳng ra đồng. Không bao giờ chú quay về nhà nữa. Người ta đã lần theo vết máy cày dằn trên đất, đi hết đồng Nhơn Thành đến Phong Điền, Trảng Gió, Mù Sương cho đến khi không còn nhận ra dấu hằn của máy cày Tư Quý với những chiếc máy cày miệt khác chạy ngang dọc trên đồng đất tháng Năm.

Bằng cách đi vào mịt mù, chú Tư Quý khiến bà nội nghiêng thương về phía mình, "Bữa thằng nhỏ đi chỉ đem theo có nắm cơm nếp đậu, nó có thể đi đâu chớ?"



Còn nhớ được lu muối trắng tinh trước khi xỉn màu đi vì gió. Những bông gòn thu lu nằm trong góc nhà, cố trắng cho đến khi không giữ được mình nữa, lầm bụi. Nhớ đám súc vật khỏe mạnh nuôi

trong nhà trước khi cận huyết làm chúng dặt dẹo, nhỏ dần.

- Họ kêu, theo tụi này, bảo đảm điền địa còn nguyên.

Bà nội cay đắng. Quãng đó giữ năm trăm công đất, ranh rấp đi cả ngày không giáp, ông bà bước ra đường ai cũng dạ thưa. Cuộc chiến còn giằng co, thuyết phục được đại điền chủ đất Nhơn Thành ngã về phía mình coi như nắm được dân, hai phía đang đánh nhau đều nghĩ vậy, nên kẻ thì đẩy cổng lúc ngày, người gõ vách lúc nửa đêm. Như những tay câu chuyên cần mà mồi nhử chính là mớ đất bà nội đang làm chủ. Chữ nghĩa không bao nhiêu, nhưng bà biết chính thể cần dân, dân cần đất. Lấy đất mua dân, và lấy xác dân sắm sửa nên triều đại, xưa nay vẫn vậy.

Không mấy khi dân làm ruộng được ve vãn, cưng chiều. Chỉ cần giữ thế ở giữa, hai bên còn tới ỉ ôi. Nghĩ, bên nào thắng thì dân làm ruộng cũng làm ruộng thôi, nhưng phải có đất thì mới làm được. Hết ô buýt mới ra đồng thăm lúa, đuổi sâu bọ được.

Đêm nằm ôm cái radio rọt rẹt nghe nhạc, cảm giác được rồi chiến cuộc sẽ nghiêng về bên nào,

ông nội âm thầm oằn ngọn về phía thằng con mà ông cưng nhất. Vét bồ, bán lúa, gởi tiền vô rừng. Ai thắc mắc thì ông bảo cái đám bủn rủn nhớ đàn bà, thể nào cũng thua. Bắn gì nổi. Bà nội nghe cũng phải, không can.

- Lúc đó cần mình nên họ tới ỉ ôi, xong rồi phủi đít cái phẹp, quên tuốt.

Những gì bà nội nhớ về, hết thảy đều cay đắng. Chồng cả đời chạy theo bóng sắc, sáng ra đầu chải dầu dừa mướt rượt, mặc đồ lụa trắng ôm con gà, cà nhỏng ở chợ xã. Có quãng xách dái đi mất biệt, lúc về nhón chân ngó qua bồ lúa coi còn đầy không, tính đường bán để chơi tiếp. Cả nhà quen cảnh thương lái ghé nhà đong lúa trừ, nói cậu Út Điền đã lấy tiền trước. Một bữa, ông nội đưa về cô đào hát, nói từ giờ em Phượng đây sẽ ở với tôi.

Bà nội ừ, cất chòi vó mé sông, ngủ luôn ngoài đó. Không nói gì, dửng dưng ngó chồng mình chiều chiều xách nước rửa chân cho cô đào, mua quế về cho cô gặm thay cho mấy móng tay. Mỗi tối cô Tư Phượng hát cho dân Nhơn Thành coi, ông chồng ham chơi sẽ đóng vai cái chuông chùa, con chó sủa gâu gâu, tên lính hầu đợi kêu thì dạ,

hay là thằng tiểu đồng ôm kháp trầu mặt mũi ngu ngơ.

Ông nội xuống chòi vó với bà lớn mỗi tuần một lần. “Một tay con Muối lo quản mấy trăm công ruộng, tôi xuống ngủ với nó là vì muốn rút bồ lúa ra sắm sửa kiếng vàng cho mình, chớ yêu thương gì đâu”, ông nội trần tình với bà Hai đào hát vậy. Bà nội lớn vô tình nghe được, nghĩ không có đất thì mình không là gì hết. Không có đất thì mình không có gì hết. Không có đất thì mình không còn gì hết.

Nhưng câu nói đó thật sự đóng đinh vào lòng bà nội khi bất lực ngó vạt lúa sắp gặt cháy trụi. Đó là cái tối cải cách chính thức lấy đất điền chủ chia cho hơn ba chục nhà nghèo trong xóm. Cánh đồng thành bãi lửa, cùng với sự giúp sức vô tình của đợt hạn bà chằn rút nước chân đồng, và gió chướng. Những hạt lúa sắp gặt nổ ran, vỡ ra tàn lửa tựa pháo hoa.

Không khó để biết mồi lửa từ đâu, trong ánh mắt hể hả của những người mới hôm qua còn là tá điền. Kéo nhau ra đứng ngắm nghía đám cháy, phấn khích trong cơn say xỉn ăn mừng có được mảnh đất đầu tiên, họ đã gần như vỗ tay lúc

lửa ngọn xoắn vặn, nhảy nhót trong gió. Không khó để biết mồi lửa từ đâu, khi sáng dậy thấy cứt bôi hàng rào, và bích chương "người cày có ruộng ghi ơn tinh thần hy sinh của điền chủ" bị xé.

Sau này, khi một nửa trong số họ mò đến nhà xin được cầm cố đất, bà nội chửi như tạt nước, "mấy người tàn mạt cũng phải, làm ruộng mà đốt lúa, đất nào tha cho thứ phản phúc đó". Họ bứt tóc, "thì đó".

- Tôi đối xử với mấy người có tệ đâu. Bận giáp hạt nào cũng xách gạo đem cho.

Họ bứt râu, "bởi vậy". Bị xài xể sao cũng chỉ biết gãi đầu "thì đó" với "bởi vậy", rồi xách món tiền cầm đất ra về. "Cầm cự không được bao lâu đâu", bà nội hắt nước trà lên dấu chân khách, "rồi lại khi vác vá, quảy vòng gặt đi làm mướn, như hồi chưa có cục đất chọi chim".

Những người bà nội yêu thương, đều bỏ đi bằng cách này hay cách khác, chỉ đất là quay lại, hiền lành. Cho đến khi họ tới, lia tay trên đồng đất Nhơn Thành và nói chỗ này làm sân gôn là hết sẩy.



Họ còn không biết mảnh đất này đã làm nên truyền thuyết.

Người ta kể có hai cơn mưa trút xuống Lem khi nó bưng thúng đậu xanh trở lại nhà bà Cả. Và câu hỏi "từ bữa đi đâu mà giờ mới trồi đầu về đây?" làm nên cơn mưa thứ ba. Con ở đợ ngồi ngẩn giữa nhà, tay ôm đầu gối nghe bụng đội ngược, nghe xóm giềng rủ nhau lại nhắc chuyện con Lem nào đó đã biến mất bảy tháng nay, từ buổi sáng bà Cả sai nó đi rẫy hái đậu.

Giờ thì cô biết tại sao cái cổng rào chính tay mình vừa mới quét vôi giờ tróc lở, bông giấy lợp rợp. Hôm Lem đi cuối Chạp, giờ sắp bước qua tháng Tám. Mưa sòng kéo bầy lợp rêu lên xóm Nhơn Thành. Người phổng phao, bụng ưỡn cao làm vạt áo xếch ngược lên, Lem đi qua đi lại trước nhà bà Cả mấy lượt, ngờ ngờ. Cả cỏ trong sân cũng không giống cỏ lúc nó đi. Nhà củi không còn kê bộ vạc cau từng khoanh giấc ngủ nó từ hồi vào ở đợ. Bà Cả nói tưởng bây chết bụi chết bờ nào nên chẻ vạc un muỗi cho trâu.

Nhưng chính cô cũng không trả lời được sao con Lem còi giờ biến thành con đàn bà chửa chang bang. Lem không nhớ gì, cả kẻ dan díu với mình, sấp ngửa ra sao. Bảy tháng, thời gian đó như cái đìa nước phèn trong thấy đáy, không chút hình ảnh, dư vị nào.

Cắm mặt tách vỏ mớ đậu xanh đã bị sâu mọt khoét, Lem dành cả ngày tìm mớ thời gian thất lạc biết đâu đang rúc sâu trong đó. Đôi lúc phải dừng tay vì đứa nhỏ đạp vách bụng, Lem mới nhớ trong người mình đang ủ một sinh linh. Người Nhơn Thành trông đợi một câu chuyện thật ly kỳ, "Biết đâu con nhỏ ướm chân lên dấu chân trâu đẻ ra thứ kỳ cục nào".

Ngày thứ ba sau khi trở về, Lem rầu vì đậu đã bóc vỏ sạch trơn mà không mót chút ký ức nào. Có anh giáo bên Đồng Gò lò dò tìm vợ. Anh nói đứa nhỏ trong bụng Lem là của anh.

Con Lem nọ nửa đêm lạc vô nhà anh, miệng nhai sình ngỏn ngoẻn, bảo có bà già cho ăn bánh và đưa đến. Lội bộ xuyên qua cánh đồng đất khô trơ rạ, chân Lem rướm máu, môi nứt nẻ vì kiệt nước. Nghe tả bà già, anh nghĩ ngay tới bà má vừa mới mất, tưởng má hiển linh đi kiếm vợ cho mình

nên anh giữ Lem lại. Lần đầu ăn ở với nhau, Lem vừa ái à ái a với anh vừa ngó chừng thúng đậu. Anh không biết có gì quý giá trong đó, đến nỗi Lem giấu trên giàn bếp. Một bữa đi ăn giỗ xong anh trở về thì không thấy thúng đậu đâu nữa, Lem cũng biến mất chưng hửng như khi tới.

Câu chuyện vừa khít với cuộc mất tích làm vừa lòng đám người hóng hớt ở nhà bà Cả. Lem cũng không trông gì hơn, cô của bảy tháng biệt tăm vẫn làm lụng nấu nướng như mọi đàn bà khác ở Nhơn Thành, không làm gì điên rồ, xấu hổ. Sự góp mặt của con ma già cũng hết sức bình thường. Đất này ma sống lẫn với người, ai đó từng ăn tóc mà tưởng là ăn hủ tiếu, ai đó từng thấy dải lưỡi từ đọt me thả dài xuống đất, ai đó từng nghe trong bụi tre tiếng con gái khóc nỉ non, có người từng bị ma chó nhập chổng mông sủa suốt đêm và quá nhiều trẻ nít tắm sông bị ma da kéo chân chết nước.

Sau này những người kể lại chuyện bà Lem thường dừng ngay chi tiết đó, lấy cớ phải đi pha trà, cài cửa. Để khi quay trở lại câu chuyện, họ ra đòn bất ngờ, "nhưng rốt cuộc có tới năm ông nhận cô Lem làm vợ, ai cũng quả quyết đứa nhỏ trong bụng cô là con mình".

Lem, tức bà cố, chết vào năm sáu mươi mốt tuổi, không để lại di ảnh nào. Ông cố có bức ảnh trong kho tư liệu của người Pháp, sau này được lưu giữ ở bảo tàng tỉnh, ít nhất cũng biết ông tóc râu đều rậm, mũi gãy trán dồ, người thấp nhỏ. Chỉ nhan sắc cố Lem phập phù theo hồi nhớ của những người già. Họ kể bà cố đẹp, nhất là khi mang bầu, người bà mọng như mật sắp tươm ra, nhỏ giọt. Chắc tê mê vị ngọt đó mà ông cố ái à ái a ái à ái a cho bà cấn bầu hoài. Phải ông cố không chạy vô rừng biết đâu bà còn đẻ tới chừng nào hết trứng mới thôi.

Cái buổi chiều kẹt giữa năm người đàn ông, nghẹn thở với những phiên bản xa lạ của mình, bà cố đã chọn chồng theo cách đơn giản nhất, bà hỏi nếu tôi ưng thì mấy anh sẽ cho gì.

"Mấy thứ họ có là đồ bỏ, tôi cho cô cả vạt đất bên sông", người đàn ông đi cùng hai gã đàn em mặt mũi sọc rằn, không thèm xưng tên, nói, sau khi để tình địch hứa hẹn tặng Lem chữ nghĩa, vườn tược, nhà ngói ba gian. Nhưng đất bên sông là của bà Cả, ai đó cười mỉa. Anh ta mở rộng đôi cánh tay đầy sẹo vẽ ra một khoảng trời, mặt lạnh như đẽo bằng thép, bên con mắt hư nhăn rúm, "Thì cướp lại, mấy hồi".

Sau này bà cố nói ưng ông vì mảnh đất làm quà cưới, thứ một đứa trẻ ở đợ ráo riết thèm chết được. “Không có đất thì mình không là cái gì hết”, lúc vớt bèo dưới cái gió bấc lạnh căm, lúc nửa đêm đi tìm trâu lạc, lúc nằm khoanh trong bộ vạc rách để khỏi ló cặp giò, lúc bị đòn vì làm đổ nồi canh, con nhỏ Lem đã nghĩ vậy. Đứa nhỏ đó có cả tuổi thơ trôi nổi trên chiếc ghe bấy bá đi cấy mướn gặt thuê, ngó lên bờ thắt ruột thèm muốn một khoảnh đất rộng chạy chơi, trồng cây ổi để leo trèo, thèm xóm giềng để tối tối sang nhà nhau xin lửa, thèm nhìn ổ gà con khẻ mỏ ra ràng, thèm đào trùn bắt dế. Con nhỏ từng sống sót sau trận dịch tả, tự tay vùi ba má mình ở bìa rừng, để lúc xin được một vuông đất chôn cất tử tế, thì thú rừng đã mang đi không còn một mẩu xương.

- Đi! Cho tôi coi miếng đất của nhà mình!

Một cách dứt khoát, bà cố te te bước theo người chồng, lạ từ cái thẹo đến cọng râu. Mỗi khi uống rượu, ông cố hay phiền lòng cái câu được coi là đầu tiên riêng tư giữa hai người, mà cố Lem nói khi đi được một đỗi đường, “nhà mình có sẵn trâu cày chớ? Ờ mà rày đây mai đó, chắc là không rồi”. Mùa này đã lỡ, nhưng phải chuẩn bị vụ mùa sau.

"Lẽ ra phải hỏi thăm tôi đói bụng không?", ông cố càm ràm trong lúc hì hụi gỡ nút thắt dải dây lưng quần bà.

Cuộc xuất giá trở thành truyền thuyết đất Nhơn Thành, "hồi trước ở xứ mình có một bà năm chồng". Cố Lem phẩy tay cười, nói đồn cố có trăm chồng cũng không sao, họ vẫn phải vay mượn lúa trong bồ nhà cố để lay lắt qua giáp hạt, "không có đất mới là không có gì hết".

Nhưng chỉ mỗi con dâu út của cố Lem là ghi tạc câu nói ấy, chỉ một tháng sau khi cái buồng cưới lạnh tanh do chồng mải đi kéo màn cho đoàn hát, cô dâu bắt đầu coi đất là sẹo rún của mình, lấy ngoi ngóp bùn sình và mùa màng bất tận làm vui. Không có đất thì mình không là gì hết.



Như bàn cờ đang bỏ dở. Tướng đen chờ quân trắng đến vây. Tốt mỏi cẳng nhón ở bờ sông không biết khi nào thì được sang bờ. Nửa chừng rừng, biết còn cây. Nửa chừng mưa, biết nước còn trở lại. Chỉ không biết khi nào thì họ tới chiếm đất.

Họ trở lại. Không trở lại. Trở lại. Không trở lại. Trở lại. Không trở lại. Trở lại. Không trở lại. Có khi ngồi bói lá, và hơi tuyệt vọng vì không biết nhánh trâm bầu còn giấu bao nhiêu chồi búp.

Cha nhận canh chừng góc đất phía Bắc, giờ cũng hay bỏ chòi gác vô nhà ngồi nhìn con bù nhìn mặc áo thun đứng héo rũ ra trong nắng trưa, nói áo của ai mà đỏ lòm như máu.

Áo này chị Ba mặc hôm họ tới. Cổ rộng, ôm sát người, trên ngực áo có in hình một tấm lưng trần. Lúc chị tuôn chiếc áo đẫm mồ hôi qua đầu, chung quanh chị đóng băng. Nắng sớm rọi xuống nửa trên thân thể chị, tràn trề như mật, viền óng ánh theo những đường cong.

Họ sẽ xấu hổ bỏ đi, kịp cho lúa trổ, mẹ kịp đem tin tốt lành về, không phải mẹ đã kêu cứu lên tận thủ đô rồi sao. Kế hoạch của cha là vậy, không còn gì để chống chọi, chỉ trụi lủi xác thân, đã đến nước này rồi

Chưa chắc, bà nội chép miệng. Rủi làm sao, bà thường đúng. Khi họ qua cơn tê dại bởi hai cô gái tự bóc vỏ dưới nắng, họ vẫn lừ lừ vượt qua ranh đất. Đòng đòng bị nghiến dưới bánh xe xích, máu xanh hòa vào nước chân ruộng. Cái cản trước của xe

lầm lì chạm vào em, khối sắt không run rẩy, không xúc động. Nó chỉ rùng mình khi anh Hai lao đến.

Chị Ba bỏ đi sau họ chỉ vài tiếng đồng hồ. Không bao giờ trở về nữa. Vì anh Hai tả tơi trên bộ vạc. Vì lúc trút bỏ quần chị bỗng thả lỏng người đến mức quên mất đang đứng trước cuộc giằng co. Mông hơi lắc, đùi mở ra, khẽ uốn éo trong giai điệu nào đó bên trong chị. Cơ thể chị tuyệt không gợn chút bỡ ngỡ nào với nắng, gió và mắt người. Khoảnh khắc đó, cả nhà biết những năm qua chị lên Mỹ Thơ không phải để học may mà để bọn đàn ông may vào người.

- Ừ đó.

Chị Ba xác nhận khi đi ngang qua em, ở cửa. Tan nát, bất cần. Ngoái nhìn anh Hai còn thiếu vài mẩu vụn, chị hỏi, sao nhà mình không sống như người ta vậy. Bỏ hết. Sống thôi.

Những người ở lại đâu biết sống bình thường.



Như cha, đứa trẻ được bà Hai đào hát gói gởi tàu đò đem về. "Chắc gì con tôi?", ông nội thường

nói vậy mỗi khi vợ trách ông thương hai thằng nhỏ không đều. Cảnh thường thấy khi ông cha đi ăn giỗ về, hai đứa trẻ chạy ra ôm chân, một đứa được xốc lên công kênh, đứa kia té lăn quay sau cú thẳng chân.

Chưa bao giờ đứa bé làm người cha hài lòng, từ cái mũi quá cao, tóc quá dày, mắt luôn nhìn xuống, bị đòn không khóc, ăn nói lí nhí câu cụt câu què, ho quá nhiều, nước mũi lúc nào cũng tèm lem. Lúc ngủ nó hay lăn xuống sàn, lỡ không ai hay để lượm lên, nó làm mồi cho muỗi đói luôn. Sáng ra ông cha nhìn mẩn đỏ dày như cơm cháy trên người thằng con, nói "cắn mày thì muỗi khỏi cắn trâu". Chỉ cần nó xuất hiện là khui ra cái túi chứa bao nhiêu bẽ bàng cái quãng tàu đò nuốt trộng cô vợ ông cưng chiều đi mất, điền đất mênh mông chẳng giữ chân được người đàn bà lạc chợ trôi sông.

Chỉ má lớn đôi lúc kéo thằng nhỏ vô lòng, như hồi đón đứa bé ba tháng tuổi ngo ngoe, ngay lập tức cho nó bú bầu sữa căng ướt của mình, bà nói như đinh đóng cột "mặt mũi thằng nhỏ sáng trưng vầy, là do má nó bắt đèn, không phải sao?" Ngay từ đầu, má lớn đón thằng nhỏ như đón khách,

sau này cũng vậy. Không đánh đòn, càng không mắng chửi, sai biểu gì. Lúc nào giận lắm, chỉ nói "con người ta, tôi đâu dám". Những lần thấy anh em mình nằm quấn đít dưới roi tre, thằng nhỏ đứng bên hè khóc rống, nó thấy đau khi không bị đòn chung với họ. Cái cảm giác bị gạt ra rõ ràng hơn, khi má lớn vui miệng huyền thoại hóa những đứa con. Ờ hồi nghén thằng Sang, chỉ thèm ăn lá dừng vách. Còn thằng Quý tới lúc sanh mà cứ trồi ngược lên trên, mụ Tám phải mua mấy cục kẹo chanh để nhử nó chui ra.

Chỉ thằng nhỏ được đưa về trên tàu đò, không có huyền thoại nào, ngoài chuyện được quấn trong cái khăn, cùng với mấy tã lót, chắc là đói lắm nên mút ngón chân. Người cậu gọi là má ruột, giờ chắc đang ngồi trên ghe hát nào đó, gặm móng tay, chờ rạp hát lên đèn.

Bà má vô ảnh hình nhưng lang thang đất Nhơn Thành, những khi thằng nhỏ nhận được củ khoai, trái ổi từ tay mấy bà già, cùng với cái xoa đầu, "con của đào Tư Phượng đây mà. Má mầy hát ngọt như đường phèn". Má mầy thuộc làu cả trăm tuồng tích. Má mầy múa kiếm không thấy tay luôn. Má mầy đóng vai võ tướng là hết sẩy.

Hồi Tư Phượng mới tấp vô làm bé điền chủ Nhơn Thành, cả xóm trầm trồ làm sao một con đàn bà sống ở cái xứ đồng bãi này lại lười nhác như mèo, dậy lúc mặt trời lên quá đọt dừa, ăn nhỏ nhẻ và suốt ngày lử đử. Tuồng như mặt trời làm cho cô phát bệnh, mỗi ngày qua là một cơn mộng du. Nằm võng ngó mưa hay đứng dưới vòm bông giấy không có nghĩa là cô đang thức. Nhóm bếp một lần cũng không, nói chi cơm cấy cơm cày.

Cô đào chỉ thật sự thức dậy lúc đêm buông. Khi bốn ngọn đèn măng sông được thắp lên giữa nhà lớn, no căng ánh sáng, cô trút bỏ vẻ biếng nhác để cái mầm rạo rực bung nở từ bên trong, biến thành một con người tràn đầy sức sống.

Đèn măng sông uống dầu kinh khủng, đó là chưa nói lưới măng sông bên trong – thứ quan trọng nhất của cây đèn – cũng rất đắt tiền. Nhưng cô Tư Phượng được chồng cưng, chồng biết cô chỉ ăn đèn mà sống, nên nhà không đêm nào không sáng. Dân Nhơn Thành đợi chạng vạng, kéo nhau đi coi cô Tư hát. Hồi đầu cô ca diễn một mình, sau có thêm mấy nhỏ trong xóm thay nhau làm tiểu đồng, tì nữ. Như thiêu thân, chạng vạng là cả xóm lao đến nhà cô Tư bởi thứ ánh sáng

không thể cưỡng lại nổi của những màn ca diễn xốn xang. "Xóm mình chưa bao giờ sáng giống như vậy", một người già lim dim nhớ. Cái ánh sáng không phải chỉ từ hai đôi đèn, mà còn từ người đàn bà xa lạ, không quá khứ, tấp vào xóm nhỏ này, mỗi đêm thắp lại thân phận của những người đàn bà khác. Họ đổ bóng lên nhau, một Lan vùi chôn xác bướm khô với ảo tưởng có thể quên được tình nhân, một Triệu Thị Trinh oai hùng, một Thị Kính ngồi trong chùa ru con thiên hạ, một Trưng Trắc vừa vung trống trận vừa khóc chồng. Tiếng hát của bà cực mảnh và cong, nhưng an lòng người nghe bởi cảm giác nó dai không gì có thể bứt đứt. *"Hai nấm mồ song song/ để xuân hạ thu đông/ dẫu mưa nắng dãi dầu/ cùng hứng chịu chung đôi"*, chỉ mấy câu kiểu vậy thôi mà những chéo khăn, vai áo của đàn bà Nhơn Thành đã thấm bao nhiêu nước mắt.

- Má mầy mà hát bi thương thì khó ai cầm lòng đậu, họ nói.

Thằng nhỏ cũng từng hy vọng má về đón mình đi, khi ngó theo những chuyến tàu đò qua nhà. Y như đào Tư Phượng những ngày còn làm bé, cứ mỗi lượt tàu qua là nhìn theo mút bóng.

Và má ruột thằng nhỏ cũng về, năm cậu mười một tuổi. Lúc nó đang chơi với đám trẻ chăn trâu ngoài gò mả thì có người hớt hãi kéo ra bến sông, nói "má mầy kìa". Bà mặc bộ áo tuồng sặc sỡ, nhưng căng chật vì thân xác bắt đầu trương sình, đầu không còn mũ mão. Nằm hơi nghiêng trên mặt nước, nửa mặt cháy nắng, vành tai bị cá chốt rỉa trụi. Trông bà hơi căng thẳng, như không quen xuất hiện trước đám đông với bộ dạng như vầy, như đang tìm lời nào để nói với con mình, sau hơn chục năm bỏ mặc.

Người ta kể tối hôm trước đào Tư Phượng ám sát trưởng ty cảnh sát. Ba xác người nằm lại trong rạp hát, bà bị bắn ngay trên đường thoát, ngay chân cầu Nước Đen. Hèn gì hồi còn ở Nhơn Thành, trước buổi hát bao giờ bà cũng kể một chuyện nào đó trong pho sử ngàn năm chống ngoại xâm, hèn gì sau đó tụi nhỏ bỏ đi vào rừng cũng bộn. Lúc cái xác rực rỡ vừa nổi phịch lên, ai đó định bơi ra vớt nhưng bà đào đã bỏ đi, trôi rất nhanh qua Vàm Nước Chảy, nhưng tới bến sông nhà chồng thì chậm lại.

Chắc bà đào muốn gặp con, người ta nói. Nhưng thằng nhỏ rúm ró, tìm cách trốn khỏi hàng

rào người đứng chật mé sông. "Giàu, kêu má đi!", dưới nắng trưa bốc khói, họ dồn ép thằng nhỏ. Cậu cắn môi, cố để không bật ra lời, chống chọi lại sức hút của cái xác bà mẹ đang cố kéo cậu rơi xuống nước.

Nhưng bà đào đã giải thoát cho cậu bằng một cú nổ. Một làn khói hình nấm phụt ra từ cái bụng trương sình của bà, trùm lên cả khúc sông. Mùi hôi thối giải tán đám đông. Khí độc làm những bụi rậm ven sông héo úa.

Lúc đó má lớn đi chợ về, nôn nả chèo xuồng theo, bảo "cổ cũng là người nhà mình, sao để nằm dưới sông vậy được". Nhưng đào Tư Phượng đã bỏ đi rồi, như hồi nào bà lựa chọn nổi trôi.

Thằng nhỏ, sau trận ói tới mật xanh, cổ họng quặn từng cơn tuôn ra những ảnh hình, những ảo tưởng, thất vọng. Cái còn lại, chỉ còn lòng căm ghét không biết trút vào đâu. Hờ hững với những chuyến tàu, trong bữa cơm cậu nói sẽ bỏ học, phụ coi sóc trăm ngoài công ruộng. Người cha bỏ đũa, cười, nói "ờ phải, con đào hát thì học cũng chẳng tới đâu". Lời không dễ nghe, nhưng thằng nhỏ mừng húm cha in bóng nó vô mắt, dù là khoảnh khắc.

Cậu nghĩ là mình đã tìm ra cách để tồn tại trong cái nhà này. Bằng giống lúa mới mà cậu lặn lội qua Xiêm mang về, bằng cách học lái máy cày, làm bù nhìn đuổi chim, cậu nhận được thêm nhiều cái nhìn ấm áp. Đợt lúa bị đốt trên đồng, cậu bất chấp mương xa, gánh nước xuyên qua năm công đất để cứu mớ lúa giống cho mùa sau. Và lúc nán lại chờ tắt ngọn lửa cuối cùng, mắt đỏ ngầu, người rã rời trong tro bụi, má lớn nói "Giàu, đỡ má đứng dậy".

Không nhờ ruộng đất thì má lớn mãi coi mình là khách. Không có đất đai thì chẳng ai ngó tới mình. Thằng nhỏ nghĩ vậy.

Họ nghĩ đất chỉ là thứ vô tình, một món hàng dễ bán mua như gói mì tôm, ly trà đá.



Hay, như em, sinh ra cùng lúc với một đứa trẻ lên cơn động kinh. Cha không biết nên chạy vô với vợ đang vượt cạn hay ở lại chỗ thằng con đầu lòng man rợ tự đập đầu vô thềm đá, nên hốt cả nắm đũa ăn chụm cho nồi nước đang sôi.

Những người từng chứng kiến cảnh đó, sau này đều nói họ tê dại bởi bất lực, những thứ đang diễn ra đều không thể ngăn lại được, một đứa trẻ sắp ra đời và một đứa trẻ đang dần chết. Rồi tiếng khóc sơ sinh mở toang vách buồng. Không cần tét đít, em khóc ngay khi thò đầu ra. Ngoài kia anh Hai chịu dừng lại, ngoẹo cái đầu rách, thiếp đi.

Nghĩ là trùng hợp tình cờ, nhưng người ta bắt đầu nhận ra cơn kinh giựt của thằng nhỏ ngưng khi nghe tiếng khóc trẻ con đòi sữa. "Mẹ véo ngắt con hoài chớ gì, cho khóc, lúc cậu lên cơn", mẹ kể, giọng như khích lệ em hãy tự hào vì nước mắt thời được ẵm ngửa đã cứu người.

Nên em phổng mũi mỗi khi mẹ chạy lại trường tiểu học kêu về, anh Hai sùi bọt mép. Chỉ cần có mặt em, nói hoặc hát bâng quơ, anh lại qua cơn vắng ý thức, đơm nụ cười trên gương mặt dài dại. Mỗi khi có ai tấm tắc, "kiểu này mai mốt lấy chồng con em cũng phải dẫn thằng anh theo", em sướng.

Nhưng suốt chín mươi ba cây số dài từ trường thi trở về nhà, em chỉ thấy bất hạnh. Gương mặt mãi trẻ thơ của anh, làn da của người ăn chay hơi

xanh rờn rờn gân máu, cách anh mút vết thương mỗi khi em bị xước da, hay cái kiểu nghiêm trang tuần hành quanh bờ canh chừng bọn con trai rình rập cho em tắm ao thoải mái. Tất cả những thứ đó, em ghét. Và ghét luôn câu nói của xóm giềng "thằng Kỳ coi em gái nó như má". Nghe vậy, người ta xúm vô chọc riết thành quen, "Kỳ, má mày đâu?"

Cho đến khi thấy anh Hai nằm như xơ mướp, trán rách, vài cục bươu gù lên tím thẫm như có những cái sừng đang tìm cách đâm qua lớp xương cứng. Đau đớn, cộng với mấy lần chết ngất làm anh kiệt sức đến nỗi không thể nhoẻn cười. Dính vào bộ mình là nước tiểu, dây trói. Gốc cột bê bết máu, sàn nhà lả tả những chân tóc ứa máu anh tự bứt.

Sau này, có lúc ân hận vì con gái bỏ lỡ đợt thi đại học, mẹ nói, phải chi lúc đó chở thằng Kỳ đi bệnh viện. Thì sao? Qua được lúc đó, nhưng chẳng thay đổi được gì.

Có lúc không làm sao dịu bớt cái ý nghĩ tiền kiếp mình nợ Hai. Ở kiếp nào đó em đã xua chó cắn chết một gã ăn mày. Kiếp nào đó em bỏ anh đi theo làm thiếp cho quan, còn xúi quan giết

quách chồng cũ cho rảnh. Kiếp nào đó em là bà chủ chứa, mua vợ của một nho sinh nghèo, đem bán lại. Cô ta tủi nhục nhảy xuống Lục giang cùng với cái bào thai. Anh chồng hóa điên, lang thang xó chợ gọi vợ ơi tắt giọng. Từng kiếp sôi lên, và những người đàn ông mang gương mặt anh Hai đã bị bọn đàn bà mang gương mặt em đày đọa.

Nhưng mẹ nói chính bà ngoại mới là người vay, không cách chi trả nổi. Lúc anh bốn tháng tuổi, ngoại ghé chơi, nghe đình Phấn Ngọn có đá gà, ngoại gói thằng cháu vô chiếc chiếu manh, bồng đi coi. Đến nơi chỉ còn cái khăn với chiếc chiếu. Thằng nhỏ rớt dọc đường, chắc đau quá điếng đi, lúc khóc được thì ngoại đã bỏ xa. Khi anh Hai lên cơn kinh giựt lần đầu, mẹ đấm ngực nghĩ do cú rơi hôm đó.

Từ giờ tôi với bà không còn má con gì nữa. Mẹ nói, chân đạp mũi ghe bà ngoại ra khỏi bờ vào một bữa trời mưa. Bị gả bán đổi mấy trăm giạ lúa, mẹ chưa dám ngẩng mặt lên với nhà chồng, giờ lại cõng thêm món nợ đứa con đầu lòng bị kinh phong. Mẹ quay lưng đi một nước lên bờ, không ngoái lại chiếc ghe hàng bông lần nào nữa.

Vài lần bà ngoại đi ngang Nhơn Thành, ghe chạy sát bờ, may có ai bên nhà sui ra trước nhà bắt gặp thì bà hỏi vói lên "cả nhà mạnh giỏi?" Có lần nhác thấy má đứng bến sông, bà ngoại lủi ghe vô bụi trâm bầu trốn.

- Biết đâu thằng nhỏ bịnh từ trong bụng mẹ, sao dám chắc do bồng lọt?

Sau này bà ngoại phân trần, mặt tỉnh như không, như lỗi thuộc về con đường đã làm đứa trẻ tổn thương. Tình bà hời hợt. Như lần neo ghe hàng bông dưới bến, người ta hỏi bà ngoại có mấy đứa con. Bà bấm đốt ngón tay ngờ ngợ, rồi như không chắc bèn hỏi vọng xuống ghe, "Chèo, má đẻ sáu hay bảy đứa?"

- Chèn, con cái mà dì không nhớ? Rồi tụi nó đâu?

- Té sông chết một mớ. Có đứa té lúc mới biết bò, có đứa thì mấy tuổi. Tụi nó ra đầu ghe ngồi ỉa, tàu đò chạy ngang dạt sóng lắc ghe, vậy là ngã ngửa ra.

- Chèn, sao không nhảy xuống vớt nó lên?

- Có vớt chớ, mà đâu có kịp. Nghe rớt cái tủm, tưởng đâu dừa rụng, chừng day lại thấy đứa nhỏ mất tiêu, mới hay.

Đứa duy nhất sống sót bưng rổ cá chốt từ trong mui ghe bước ra. Sau này bà nội kể, ngay khi nhìn thấy đứa con gái buồn hiu, bà chỉ muốn dắt nó ngay lên bờ, chỉ để nó thoát khỏi con mẹ vô tâm. Má nó đòi đổi con lấy nhiều hơn ba trăm giạ lúa thì nội cũng gật.

Những lần xuôi ghe qua, chắc bà ngoại từng nhìn thấy cảnh hai đứa cháu bà diễu hành bên bờ sông. Hai đi trước, theo sau là con heo Còi, vịt Cộc, và gà Điều. Em khóa đuôi đội hình kỳ dị phòng khi con Cộc tạt bên ao uống nước thì sẽ không bị bỏ rơi. Sau lưng là một vệt dài lếch thếch tiếng chó sủa, ngỗng rống và người trong xóm ứ hự kêu "Đám nhỏ nhà Ba Giàu chớ ai".

Chỉ trừ những bữa mưa, con Điều không chịu được lạnh, cuộc diễu hành mới không kéo lê cái đuôi đi dài xóm. Hờ hững dần với những cảm thương người ta vãi theo, "không biết con nhỏ còn mắc nợ thằng anh bao lâu nữa, người ta tuổi đó đã gả chồng". Trả anh hết kiếp này thể nào cũng xong, em nghĩ vậy, khi người bưu tá mang mấy giấy báo vào đại học rao dài đường xóm. Không hỏi tên ai trong số bạn bè được viết trong tờ giấy, em ngạc nhiên bởi sự dửng dưng

của mình. Hờ hững như khi ngó những đoàn rước dâu ngang nhà. Cảm thấy hội hè, đám rước thật là xa xỉ. Anh Hai khum những ngón tay chay đỡ mặt trời chiều trên mắt em cho đỡ chói, rồi kêu:

- Má, tui đói.

Thể nào kiếp này cũng trả xong, em nghĩ vậy. Nhưng anh đã lao vào chiếc xe san ủi, và em không cách nào trả nổi.



Bởi vì em gái Hai đang đứng đó, bị họ hiếp đáp mà trên người không gì cả, vải cũng không.

Sau này cứ tự hỏi lúc ấy sao em không ngượng ngùng chi hết. Ừ bứt áo ra là vì phẫn uất khi máu xanh của lúa mang theo mùi đòng đòng ngợp ngụa. Ừ thì chị Ba lôi kéo, khi tháo vải khỏi người gọn ơ. Nhưng sau đó cũng không mắc cỡ chút nào, trước trăm con mắt ngó. Chỉ buồn khó tả, hệt như hôm ngồi trên tàng cây trứng cá ngó anh Tư kéo lê em trên đá chẻ bên hè. Một xác thân nặng nề được mắc vào chiếc khăn quàng, và anh Tư di chuyển nó với vài đứa trẻ reo hò. Người lớn

không có nhà. Trò chơi chỉ dừng lại khi anh Hai lăn đùng ra đất sùi bọt mép. Bản năng dặt dẹo, Hai luôn biết cách bảo vệ em.

Chẳng buồn nào giống vậy. Hoang vu và trơ trụi ấy. Gương mặt lầm lì của bọn họ, và cả thân hình rờ rỡ của em, hết thảy đều xa xôi, bằng một quãng không với tới.

Sau này nghe kể lúc ấy cái chắn xe san ủi đã chạm vào ngực, em hơi rùng mình, lùi nửa bước. Chắc là phải rất lạnh, em không nhớ rõ. Cái cảm giác "lạnh" từng có thật, nhưng biết đâu nghĩ theo thói quen, rằng sắt thép là thứ lạnh vô cùng.

Rồi tiếng "Má!" thất thanh bắt đầu từ sau lưng, trượt dài đến sát bên sườn em, nó vỡ ra tung tóe.



Họ trở lại. Không trở lại. Trở lại. Không trở lại. Trở lại. Không trở lại. Trở lại. Không trở lại.

Bói lá chán rồi, ngó ra vạt đồng lẩy bẩy trong mưa. Bây giờ tháng Bảy hay tháng Mười một, mưa ngâu hay mưa cuối mùa? Càng nghĩ càng tức mình, bí rị như có cái chum nào úp nhốt. Một bữa

đố nhau cây kia là cây gì, chỗ mình ngồi lên tên gì, nhận ra từ ngữ đang biến mất khỏi trí nhớ. Cây me. Vách. Cửa. Nhưng cái chỗ đang ngồi ngó mưa đây, gọi là gì?

Và tên mình. Lâu lắm rồi không ai gọi, quên mất.

- Hai, kêu tên em đi.

- Má!

- Không phải. Tên em không phải Má. Hai ráng nhớ đi.

- Má!

- Hai, nhớ không, con vịt xiêm mà Hai đặt tên đó, nó là Cộc. Em cũng vậy, em không phải má, em có tên khác.

- Má!

Một cơn gió độc nào đó thổi qua, mang cơn lạnh buốt lên đỉnh đầu. Bà nội nói không có đất thì mình không là cái gì hết. Nhưng khoảnh khắc này, em nhận ra, không có tên mình không là gì, không là ai, và không còn gì hết.

Mình có hay không, ma hay người?

Mục lục

Không ai qua sông

Nguyễn Ngọc Tư

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc - Tổng biên tập NGUYỄN MINH NHỰT
Chịu trách nhiệm bản thảo: HUYỀN TÔN NỮ KIM TUYẾN
Biên tập và sửa bản in: TRẦN NGỌC SINH
Bìa: NGUYỄN LÊ DUY
Trình bày: VÕ BÁ HOÀI LINH

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ
Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596
Fax: (08) 38437450
E-mail: hopthubandoc@nxbtre.com.vn
Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI
Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (04) 37734544
Fax: (04) 35123395
E-mail: chinhanhhanoi@nxbtre.com.vn

CÔNG TY TNHH SÁCH ĐIỆN TỬ TRẺ (YBOOK)
161B Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, Tp. HCM
ĐT: 08 35261001 – Fax: 08 38437450
Email: info@ybook.vn
Website: www.ybook.vn

Một xóm Nhơn Thành hư hư thực thực... người chết và người sống, bằng cách nào đó, sẽ song hành cùng nhau. Một xã hội thu nhỏ, với lòng tham, thù hận và sức phản kháng... Tất cả được kể bằng giọng điệu thản nhiên và bông lơn. Sự dữ dội của câu chuyện cứ tăng dần cho đến lúc người đọc khép sách lại.

- NXB Trẻ



www.ybook.vn/ebook

nxbtre.com.vn